



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CMX1100A/D/D2/D3

Tài liệu này được xem như một phần không thể thiếu của xe và nên được giao kèm theo xe khi bán lại.

Tài liệu này cung cấp những thông tin sản xuất mới nhất có được tại thời điểm xuất bản tài liệu. Công ty Honda Motor có quyền thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần phải thông báo trước và không chịu bất cứ trách nhiệm nào.

Không được phép tái bản bất cứ phần nào của tài liệu nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả.

Hình minh họa trong tài liệu này có thể không giống với hình thực tế.

Để tham khảo thêm thông tin, Quý Khách vui lòng truy cập

“Câu hỏi thường gặp” theo đường dẫn: <https://www.honda.com.vn/cau-hoi-thuong-gap>

Khi cần tư vấn, vui lòng liên hệ:

Phòng Quan hệ Khách hàng – Công ty Honda Việt Nam.

Hotline miễn phí: 18008001

Email: cr@honda.com.vn

Giờ làm việc: 7h30 ~ 18h00 hàng ngày, trừ các ngày nghỉ lễ.

Lời chào

Cảm ơn bạn đã chọn mua sản phẩm của chúng tôi. Sự lựa chọn này giúp bạn trở thành một trong những thành viên của gia đình khách hàng thân thiết, ưa chuộng sản phẩm của Honda trên toàn cầu và góp phần xây dựng chất lượng trong từng sản phẩm của chúng tôi.

Để đảm bảo an toàn và mang lại cảm giác thoải mái khi lái xe:

- Hãy đọc kỹ tài liệu này.
- Hãy thực hiện theo những khuyến cáo và quy trình trong tài liệu này.
- Đặc biệt chú ý đến những thông điệp an toàn trong tài liệu này và trên xe.
- Mã số trong tài liệu này chỉ quốc gia trực tiếp bán hàng.
- Hình minh họa trong tài liệu này dựa trên loại xe CMX1100D PH.

Mã quốc gia

Mã	Quốc gia
CMX1100A	
KO	Hàn Quốc
U	Úc
CMX1100D	
IN	In-đô-nê-xi-a
PH	Phi-líp-pin
V	Việt Nam
CMX1100D2	
FO	Đài Loan
KO	Hàn Quốc
TH	Thái Lan
U	Úc
CMX1100D3	
FO	Đài Loan
KO	Hàn Quốc
TH	Thái Lan
U	Úc

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo từng nơi.

Đôi lời về vấn đề an toàn

Sự an toàn của bạn và những người xung quanh là rất quan trọng. Việc điều khiển xe an toàn cũng là một trọng trách.

Để giúp bạn điều khiển xe an toàn, chúng tôi đã cung cấp thông tin về quy trình vận hành và các thông tin khác ở các nhãn mác trên xe và trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này. Những thông tin này sẽ cảnh báo cho bạn về những nguy cơ tiềm ẩn có thể gây nguy hiểm cho bạn và người khác.

Tuy nhiên, chúng tôi khó có thể cảnh báo cho bạn tất cả những nguy hiểm có thể gặp phải khi điều khiển hay bảo dưỡng xe. Do đó bạn phải tự đưa ra những quyết định của riêng mình.

Bạn có thể tìm thấy những thông tin an toàn quan trọng ở một số dạng, bao gồm:

- Nhãn an toàn dán trên xe
- Thông điệp an toàn nằm sau biểu tượng cảnh báo  và một trong ba từ: NGUY HIỂM, CẢNH BÁO hoặc CHÚ Ý. Ba từ này có ý nghĩa như sau:

NGUY HIỂM

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

CHÚ Ý

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

Các thông tin quan trọng khác được cung cấp theo tiêu đề sau:

LƯU Ý Thông tin này được cung cấp với mục đích giúp bạn tránh làm hỏng xe, các tài sản khác, hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

Nội dung

An toàn xe máy T. 2

Hướng dẫn vận hành T. 18

Bảo dưỡng T. 124

Tìm kiếm hư hỏng T. 167

Thông tin T. 183

Thông số kỹ thuật T. 204

Mục lục T. 208

An toàn xe máy

Phần này bao gồm những thông tin quan trọng liên quan đến việc lái xe an toàn.
Vui lòng đọc kỹ những thông tin này.

Hướng dẫn về an toàn	T. 3
Nhãn hình ảnh	T. 6
Những cảnh báo về an toàn	T. 10
Cảnh báo khi lái xe	T. 11
Phụ kiện & Cải tạo xe	T. 16
Trọng tải	T. 17

Hướng dẫn về an toàn

Làm theo các hướng dẫn sau đây để đảm bảo an toàn:

- Thực hiện kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn trong tài liệu này.
- Tắt máy và để xe tránh xa khu vực có lửa hoặc tia lửa trước khi đổ xăng.
- Không nổ máy ở nơi đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần. Khí cacbon monoxit trong khí xả của động cơ là chất độc hại có thể gây chết người.

Luôn đội mũ bảo hiểm

Thực tế đã chứng minh: đội mũ bảo hiểm và mặc trang phục bảo hộ làm giảm đáng kể số lượng và mức độ thương tích ở đầu và các tổn thương khác. Vì vậy hãy luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ phù hợp. 📺 T. 10

Trước khi lái xe

Hãy đảm bảo rằng bạn mặc trang phục vừa người, tinh thần tỉnh táo và không uống rượu

bia hoặc sử dụng chất kích thích. Hãy đảm bảo bạn và người ngồi sau đều đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ. Hướng dẫn người ngồi sau để tay lên hông người lái hoặc giữ dây đai yên, nghiêng cùng hướng với người lái khi rẽ, đặt chân lên thanh gác chân ngay cả khi dừng xe.

Dành thời gian để học lái xe và tập lái

Kể cả khi bạn đã từng lái một chiếc xe khác, hãy tập lái ở nơi an toàn để làm quen với xe này, học cách vận hành và điều khiển xe để quen dần với kích thước và trọng lượng của xe.

Lái xe một cách thận trọng

Luôn chú ý đến các phương tiện xung quanh, không nên cho rằng những người xung quanh đều nhìn thấy bạn. Luôn sẵn sàng để dừng xe hoặc tránh các chướng ngại vật đúng lúc.

Hãy để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn

Hãy mặc quần áo có phản quang khi đi đường, đặc biệt vào ban đêm để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn, bật đèn báo rẽ trước khi rẽ hoặc chuyển làn đường để người khác chú ý đến bạn và sử dụng còi khi cần thiết.

Điều khiển xe trong giới hạn cho phép

Không chạy xe vượt quá khả năng của bạn và điều kiện cho phép. Thể trạng mệt mỏi và mất tập trung có thể làm ảnh hưởng đến khả năng đánh giá tình huống và lái xe an toàn của bạn.

Không lái xe khi uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích

Không điều khiển xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích. Chỉ một chút đồ uống có cồn cũng có thể làm giảm khả năng phản ứng với các điều kiện thay đổi và càng uống nhiều, khả năng phản ứng với tình huống của bạn càng kém. Sử dụng chất kích thích sẽ gây tác hại tương tự. Do vậy, không

được lái xe khi đã uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích và không để người đi cùng điều khiển xe khi đã uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích.

Giữ xe ở điều kiện an toàn

Bảo dưỡng xe đúng cách và lái xe trong điều kiện an toàn là điều rất quan trọng. Kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện bảo dưỡng xe theo đúng lịch bảo dưỡng trong tài liệu này. Không được chở quá trọng tải cho phép (☛ T. 17), và không được cải tạo xe hoặc lắp thêm phụ kiện làm cho xe mất an toàn (☛ T. 16).

Khi gặp sự cố trên đường

An toàn tính mạng là ưu tiên hàng đầu khi gặp sự cố. Nếu bạn hoặc bất kì ai không may bị thương, hãy đánh giá mức độ nghiêm trọng của vết thương và xem liệu có đủ an toàn để tiếp tục lái xe không. Gọi cấp cứu ngay nếu cần. Thực hiện theo luật và quy định của địa phương khi có người hoặc phương tiện khác có liên quan đến tai nạn.

Nếu vẫn muốn tiếp tục lái xe, trước tiên phải vận khóa điện về vị trí **○** (Off), sau đó đánh giá tình trạng xe. Kiểm tra rò rỉ dầu/dung dịch, kiểm tra mức độ siết chặt của các ốc và bu lông quan trọng, sau đó kiểm tra hoạt động của tay lái, các cần điều khiển, phanh và bánh xe. Lái xe thật chậm và cẩn thận. Xe của bạn có thể bị hư hỏng ở bộ phận nào đó mà mắt thường không thể nhìn thấy được. Hãy mang xe đến một trạm sửa chữa uy tín để kiểm tra toàn bộ xe càng sớm càng tốt.

Khí độc cacbon monoxit

Khí xả của động cơ có chứa khí cacbon monoxit không màu, không mùi, độc hại. Hít phải khí này có thể gây bất tỉnh và dẫn đến tử vong.

Nếu vận hành động cơ ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần, bạn có thể hít phải một lượng khí cacbon monoxit độc hại.

Tuyệt đối không nổ máy ở trong gara hoặc khu vực đóng kín.

CẢNH BÁO

Nổ máy ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc thậm chí một phần cũng có thể nhanh chóng sinh ra khí cacbon monoxit độc hại.

Hít phải loại khí không màu không mùi này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Chỉ nổ máy ở khu vực bên ngoài có thông gió tốt.

Nhãn hình ảnh

Các trang sau đây mô tả ý nghĩa của nhãn. Một số nhãn cảnh báo cho bạn về những mối nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích nghiêm trọng. Một số nhãn khác cung cấp thông tin an toàn quan trọng. Hãy đọc kỹ thông tin này, không được bóc và loại bỏ nhãn.

Nếu nhãn bong ra hoặc khó đọc, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.

Trên mỗi nhãn có một biểu tượng cụ thể. Ý nghĩa của mỗi biểu tượng và nhãn được mô tả như sau.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách Hướng dẫn sử dụng.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách Hướng dẫn bảo trì. Vì sự an toàn của bạn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để bảo dưỡng và sửa chữa.



NGUY HIỂM (có nền màu ĐỎ)

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CẢNH BÁO (có nền màu CAM)

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CHÚ Ý (có nền màu VÀNG)

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

mẫu



NHÃN BÌNH ĐIỆN NGUY HIỂM

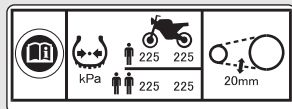
- Để bình điện tránh xa lửa và tia lửa. Bình điện sinh ra khí có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và găng tay cao su khi xử lý bình điện. Nếu không, bạn có thể bị bỏng hoặc hỏng mắt do dung dịch điện phân trong bình điện.
- Tuyệt đối không để trẻ em và người khác chạm vào bình điện trừ khi họ biết rõ cách xử lý an toàn và nhận thức được các rủi ro mà bình điện có thể gây ra.
- Phải thật cẩn thận khi xử lý dung dịch điện phân trong bình điện do dung dịch này có chứa axit sunfuric loãng. Để dung dịch này tiếp xúc với da hoặc mắt có thể gây bỏng hoặc hỏng mắt.
- Hãy đọc kỹ và hiểu rõ hướng dẫn sử dụng này trước khi xử lý bình điện. Việc không thực hiện theo các hướng dẫn có thể gây thương tích cho người và làm hư hỏng xe.
- Không sử dụng bình điện có dung dịch điện phân ngang bằng hoặc thấp hơn vạch dưới vì khi đó bình điện có thể phát nổ và gây thương tích nghiêm trọng.



Loại FO, PH, U

NHÃN NẮP KÉT TẢN NHIỆT NGUY HIỂM

TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC MỞ KHI NÓNG.
Dung dịch làm mát còn nóng có thể gây bỏng.
Van giảm áp bắt đầu mở ở **1.1 kgf/cm²**.



Loại FO, U, V

THÔNG TIN LỚP & NHÃN XÍCH TÀI

Áp suất lốp nguội:

[Chỉ người lái]

Phanh trước **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

Phanh sau **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

[Người lái và người ngồi sau]

Phanh trước **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

Phanh sau **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

Điều chỉnh và bôi trơn xích.

Độ chùng xích **15 - 25 mm (0.6 - 1.0 in)**

Loại FO, U, V



Loại IN



Loại FO, U, V, IN

NHÃN CẢNH BÁO AN TOÀN

Vì sự an toàn của bạn, luôn đội mũ bảo hiểm, mặc trang phục bảo hộ.

NHÃN NHIÊN LIỆU

Loại FO, U, V

Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Dung tích ETHANOL không quá 10%

Loại IN

Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Xăng có chỉ số ốc tan (RON) là 90 hoặc cao hơn



CMX1100D2

Loại FO, U

NHÃN GIỚI HẠN HÀNG HÓA

Không vượt quá **5,0 kg (11.0 lb)**.

Những cảnh báo về an toàn

- Lái xe một cách cẩn thận và để tay ở trên tay lái, chân để trên thanh gác chân.
- Hướng dẫn người ngồi sau phải bám vào dây đai yên hoặc ngang hông người lái, chân của người ngồi sau phải đặt trên thanh gác chân khi chạy xe.
- Luôn chú ý đến vấn đề an toàn của cả người lái, người ngồi sau và các phương tiện khác.

Trang phục bảo hộ

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn, đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ có màu sắc dễ nhận biết. Tránh mặc quần áo quá rộng vì có thể bị cuốn vào bất kỳ bộ phận nào của xe. Lái xe một cách cẩn thận để kịp thời ứng phó với điều kiện đường sá và thời tiết.

Mũ bảo hiểm

Sử dụng mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn về an toàn, có màu sắc dễ nhận biết, vừa vặn với đầu.

- Mũ không những phải vừa vặn với đầu mà còn phải đảm bảo an toàn, có quai đeo sát cằm.
- Kính che mặt phải bảo vệ mắt và không được che khuất tầm nhìn.

CẢNH BÁO

Không đội mũ bảo hiểm sẽ làm tăng khả năng bị thương hoặc tử vong khi bị tai nạn.

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ thích hợp.

I Găng tay

Sử dụng găng tay da che kín các ngón tay và có khả năng chống trầy xước.

I Giày bảo hộ

Sử dụng giày bảo hộ có đế chống trượt và bảo vệ mắt cá chân.

I Áo khoác và quần dài

Sử dụng loại áo khoác dài tay, có màu sắc dễ nhận biết, có khả năng bảo vệ và quần dài chất liệu bền dành cho việc lái xe (hoặc mặc trang phục bảo hộ).

Cảnh báo khi lái xe**Thời gian chạy rà**

Trong 500 km (300 dặm) đầu tiên, hãy tuân theo những hướng dẫn sau để đảm bảo độ ổn định và hiệu suất của xe trong tương lai.

- Tránh khởi động hết ga và tăng tốc nhanh.
- Tránh phanh gấp và giảm số nhanh.
- Lái xe cẩn thận.

LƯU Ý

Nổ máy tại chỗ trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ do điều kiện làm mát và bôi trơn không đảm bảo.

Phanh

Lưu ý những điểm sau:

- Tránh phanh và về số quá gấp.
 - Phanh gấp có thể làm giảm độ ổn định của xe.
 - Nếu có thể, hãy giảm tốc trước khi rẽ, nếu không xe có thể bị trượt.

- Đặc biệt chú ý khi đi trên bề mặt ít ma sát.
 - ▶ Lốp xe rất dễ bị trượt khi đi trên những bề mặt như vậy và khoảng cách phanh sẽ dài hơn.
- Tránh phanh liên tục.
 - ▶ Phanh liên tục, ví dụ khi đi xuống dốc dài, cao có thể gây quá nhiệt hệ thống phanh, làm giảm hiệu quả của phanh. Sử dụng phanh động cơ và phanh ngắt quãng để giảm tốc độ của xe.
- Để phanh đạt hiệu quả tối ưu, hãy sử dụng đồng thời cả phanh trước và phanh sau.

■ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Loại xe này được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp ngăn không cho phanh bị khóa cứng trong khi phanh gấp.

- ABS không làm giảm khoảng cách phanh.

Trong một số trường hợp nhất định, ABS có thể khiến khoảng cách dừng dài hơn.
- ABS không hoạt động khi lái xe ở tốc độ không quá 10 km/h (6 mph).
- Tay phanh và bàn đạp phanh có thể giật nhẹ khi sử dụng phanh. Điều này là bình thường.
- Luôn sử dụng loại lốp trước/sau và không tải được khuyến dùng để đảm bảo ABS hoạt động chính xác.

Phanh động cơ

Sử dụng phanh động cơ giúp làm giảm tốc độ xe khi nhả ga. Để xe đi chậm hơn, hãy về số thấp hơn. Sử dụng phanh động cơ cùng với phanh ngắt quãng để giảm tốc độ khi xuống dốc dài, cao.

Điều kiện thời tiết ẩm ướt và mưa nhiều

Bề mặt đường rất dễ bị trơn trượt khi ẩm ướt và phanh bị ẩm sẽ hoạt động không hiệu quả. Cần đặc biệt chú ý khi phanh ở những khu vực này.

Nếu phanh bị ẩm, hãy sử dụng phanh trong khi lái xe ở tốc độ thấp để làm khô phanh.

Dừng xe

- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
- Nếu buộc phải dừng xe trên bề mặt dốc hoặc trơn trượt, hãy dừng xe sao cho xe không bị di chuyển hoặc bị đổ.
- **CMX1100D/D2/D3**
Đảm bảo sử dụng phanh đỗ xe khi đang đỗ xe. ➡ T. 93
- Hãy đảm bảo rằng không có vật liệu dễ cháy ở gần các bộ phận có nhiệt độ cao.
- Không chạm vào khu vực gần động cơ, ống xả, phanh hoặc các bộ phận có nhiệt độ cao khác cho đến khi nguội hẳn.
- Để giảm thiểu nguy cơ mất trộm, luôn nhớ khóa tay lái và rút chìa khóa ra khi rời khỏi xe.
Sử dụng thiết bị chống trộm được khuyến cáo.

I Dụng cụ bằng chân chống nghiêng

1. Tắt máy.
2. **CMX1100D/D2/D3**
Sử dụng phanh đỗ xe. ➡ T. 93
3. Gạt chân chống nghiêng xuống.
4. Từ từ nghiêng xe sang bên trái cho đến khi trọng lượng xe dồn hết về phía chân chống nghiêng.
5. Quay hết tay lái sang trái.
▶ Quay tay lái sang bên phải làm giảm độ ổn định và có thể làm đổ xe.
6. Vặn khóa điện sang vị trí  (Off) và rút chìa khóa ra.
7. Khóa cổ lái. ➡ T. 88

Hướng dẫn đổ xăng và lựa chọn loại xăng

Làm theo hướng dẫn sau để bảo vệ động cơ, hệ thống nhiên liệu và bộ chuyển đổi chất xúc tác:

- Chỉ sử dụng loại xăng không chì.
- Sử dụng xăng có chỉ số ốctan khuyến dùng. Sử dụng xăng có chỉ số ốctan thấp hơn loại khuyến dùng sẽ làm giảm tính năng hoạt động của động cơ.
- Không sử dụng xăng có chứa tỉ lệ cồn quá cao. ➡ T. 201
- Không sử dụng xăng đã cũ, bẩn hoặc hỗn hợp xăng pha nhớt.
- Tránh để bụi bẩn hoặc nước lọt vào bên trong bình xăng.

Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda

Khi hệ thống kiểm soát lực kéo Honda (Kiểm soát lực kéo) phát hiện hiện tượng bánh sau có hiện tượng quay trượt khi tăng tốc, hệ thống sẽ giới hạn lực kéo lên bánh sau dựa trên mức kiểm soát lực kéo đã chọn.

Ngoài ra, hệ thống sẽ giảm chuyển động nhanh đột ngột trong quá trình nâng bánh trước khi tăng tốc, tùy thuộc vào mức độ kiểm soát lực kéo đã chọn.

Hệ thống kiểm soát lực kéo sẽ cho phép bánh xe trượt nhẹ trong quá trình tăng tốc ở các mức thiết lập kiểm soát lực kéo thấp. Hãy chọn một mức phù hợp với kỹ năng và điều kiện lái xe của bạn.

Hệ thống kiểm soát lực kéo không hoạt động khi giảm tốc và sẽ không ngăn bánh sau trượt do phanh động cơ. Không đột ngột giảm ga, đặc biệt khi đang lái xe trên mặt đường trơn trượt.

Hệ thống kiểm soát lực kéo không thể hỗ trợ khắc phục cho các điều kiện đường hiểm trở hoặc tăng tốc nhanh. Luôn chú ý tới điều kiện đường sá và thời tiết, cũng như kỹ năng và tình trạng sức khỏe của bạn khi sử dụng tay ga.

Nếu xe bị kẹt trong bùn, tuyết hoặc cát, có thể sẽ thoát khỏi tình trạng này dễ hơn bằng cách tạm thời tắt hệ thống kiểm soát lực kéo.

Tạm thời tắt hệ thống kiểm soát lực kéo cũng giúp duy trì khả năng kiểm soát và thăng bằng khi lái xe trên đường địa hình hiểm trở.

Luôn sử dụng loại lốp và không tải được khuyến dùng để đảm bảo hệ thống kiểm soát lực kéo hoạt động chính xác.

Phụ kiện & Cải tạo xe

Chúng tôi khuyến cáo bạn không nên lắp phụ kiện không chính hãng Honda lên xe hoặc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe vì có thể gây mất an toàn cho xe.

Ngoài ra, việc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe có thể sẽ khiến cho xe không được bảo hành và bị coi là hành động bất hợp pháp khi sử dụng trên đường công cộng.

Trước khi quyết định có nên lắp thêm phụ kiện cho xe hay không, hãy chắc chắn rằng việc thay đổi này là an toàn và hợp pháp.

CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc cải tạo xe không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Thực hiện theo những hướng dẫn về việc điều chỉnh và lắp thêm phụ kiện trong tài liệu này.

Không gắn thêm rơ moóc hoặc thùng xe phụ để kéo theo xe. Xe không được thiết kế để kéo, do vậy, sử dụng xe với mục đích này có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc điều khiển xe.

Trọng tải

- Chở quá trọng tải cho phép sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc điều khiển xe, khả năng phanh và mức độ ổn định của xe.
Luôn lái xe ở tốc độ an toàn và không vượt quá 130 km/h (80 mph) khi xe có tải.
- Tránh chở quá trọng tải và luôn giữ ở mức giới hạn cho phép.
Khối lượng trọng tải tối đa  T. 204
- Buộc tất cả hành lý thật chặt, cân bằng và càng gần chính giữa xe càng tốt.
- Không để đồ đạc gần đèn hoặc ống xả.

CẢNH BÁO

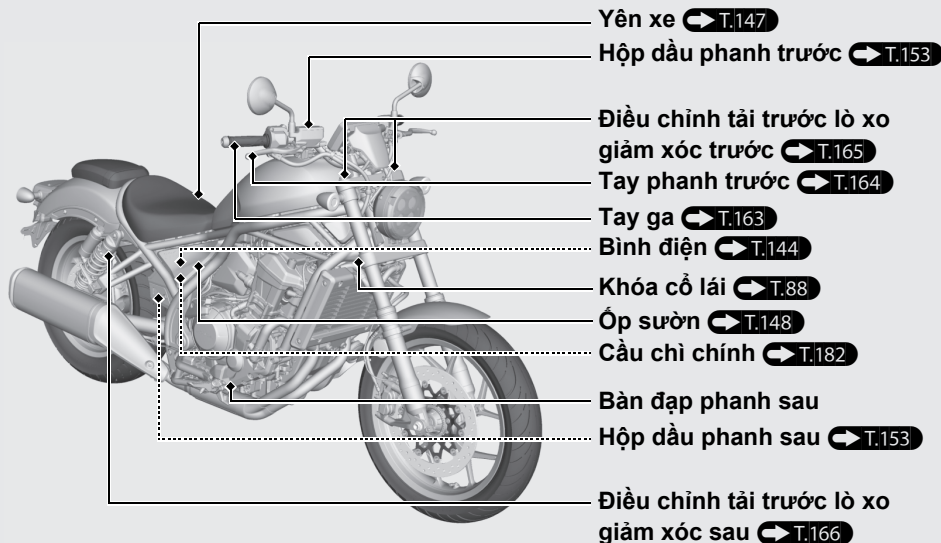
Chở quá tải hoặc chở không đúng cách sẽ có thể dẫn đến tai nạn và gây thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến tử vong.

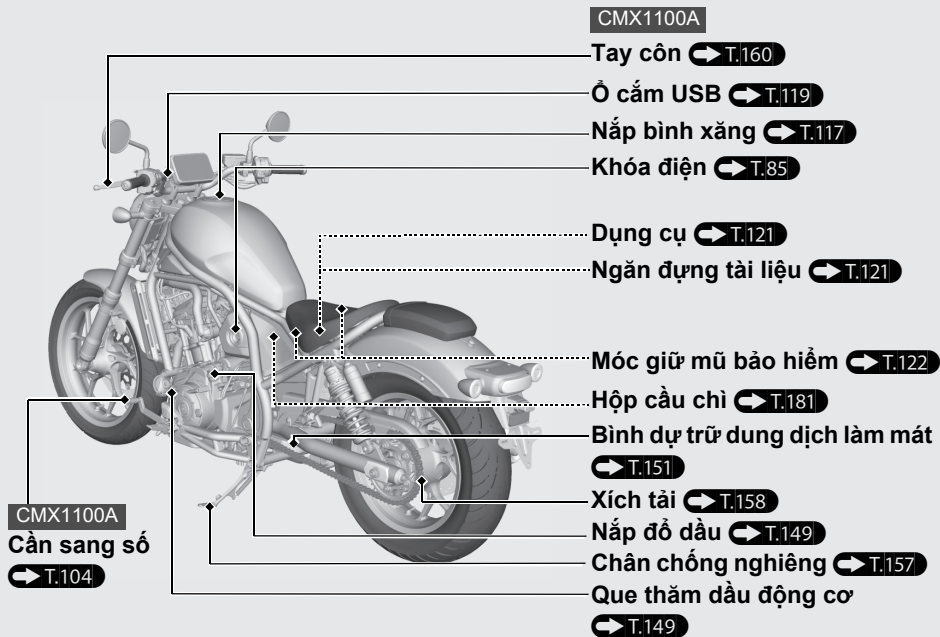
Tuân theo hướng dẫn về trọng tải và giới hạn trọng tải trong tài liệu này.

Vị trí các bộ phận

CMX1100A/D

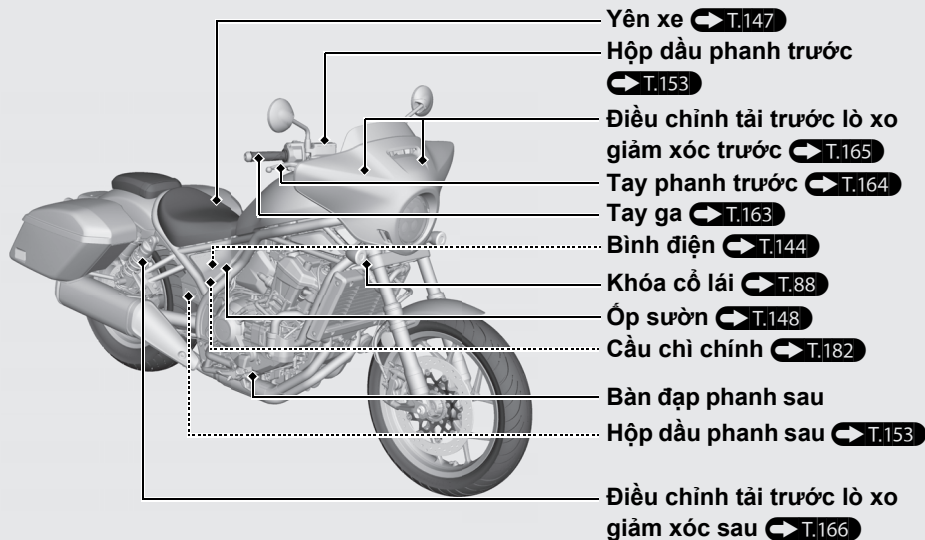
Hướng dẫn vận hành

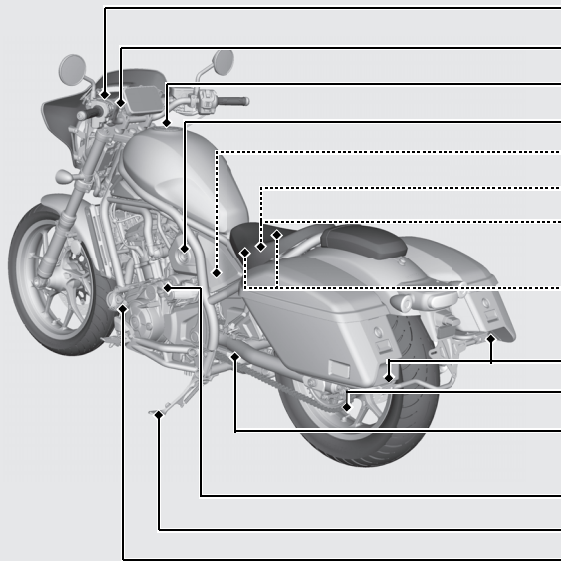




Vị trí các bộ phận (Tiếp theo)

CMX1100D2





CMX1100D/D2

Cần phanh đổ xe ➡ T.155

Ổ cắm USB ➡ T.119

Nắp bình xăng ➡ T.117

Khóa điện ➡ T.85

Hộp cầu chì ➡ T.181

Dụng cụ ➡ T.121

Ngăn đựng tài liệu ➡ T.121

Móc giữ mũ bảo hiểm ➡ T.122

CMX1100D2

Hộp đựng đồ hông xe ➡ T.123

Xích tải ➡ T.158

**Bình dự trữ dung dịch làm mát
➡ T.151**

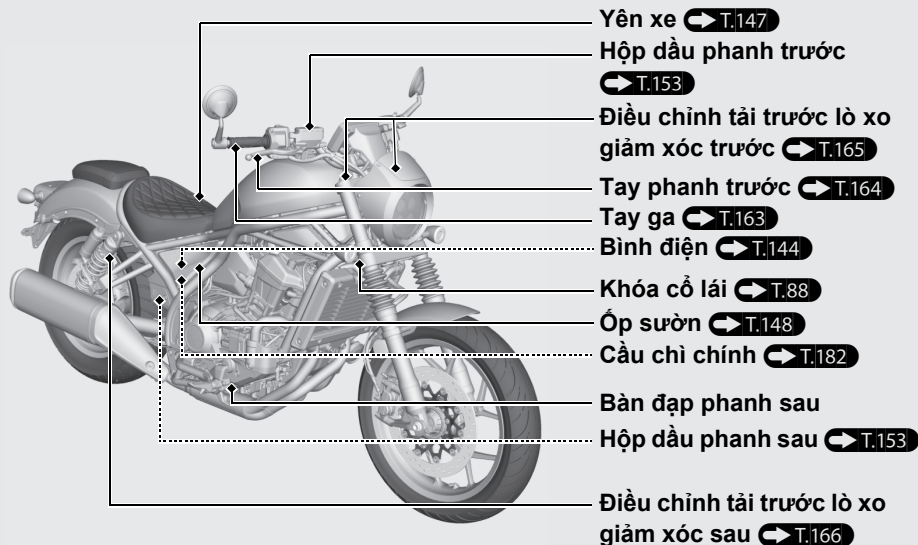
Nắp đổ dầu ➡ T.149

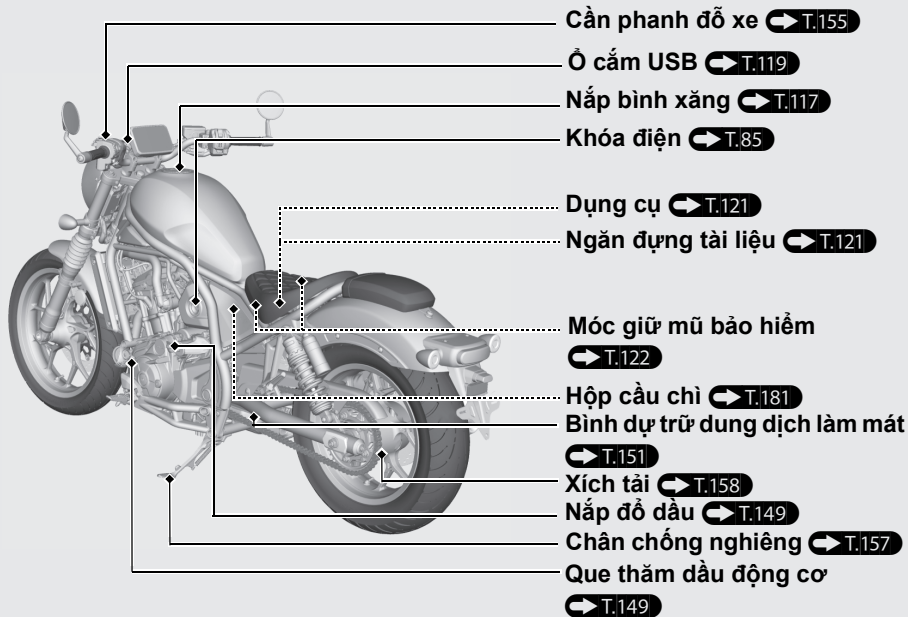
Chân chống nghiêng ➡ T.157

**Que thăm dầu động cơ
➡ T.149**

Vị trí các bộ phận (Tiếp theo)

CMX1100D3





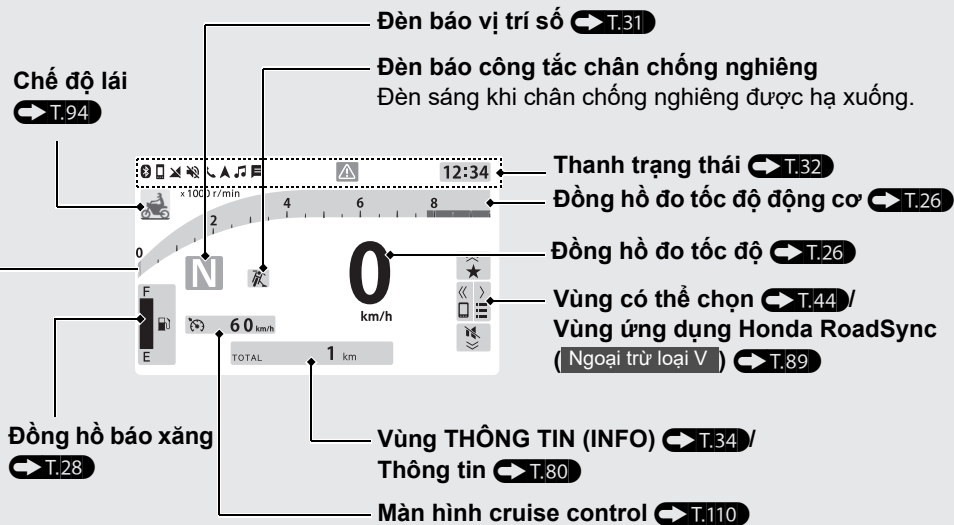
Bảng đồng hồ

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo tốc độ và quãng đường, đồng hồ đo nhiên liệu. ➡ T.49

➡ T.67



Không vận hành các chức năng hiển thị trong thời gian dài với động cơ tắt. Điều này có thể làm yếu (hoặc hết điện) bình điện.



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Vùng hiển thị Đồng hồ đo tốc độ/Đồng hồ đo tốc độ động cơ/Đồng hồ báo xăng/
Vùng THÔNG TIN (INFO)/Màn hình cruise control

Kiểu hiển thị: DẠNG VẠCH (BAR).

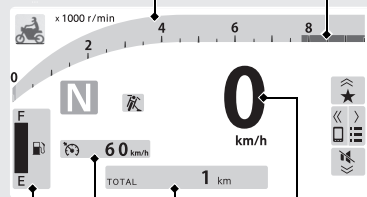
Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ khi đồng hồ đo tốc độ động cơ ở vùng màu đỏ.
Tốc độ động cơ quá cao có thể làm giảm tuổi thọ của động cơ.

Vùng màu đỏ của Đồng hồ đo tốc độ động cơ
(khoảng tốc độ động cơ quá cao)

Đồng hồ báo xăng



Vùng THÔNG TIN (INFO)

Đồng hồ đo tốc độ

Màn hình cruise control

Đồng hồ này có ba kiểu hiển thị.

Màn hình và cách sắp xếp đồng hồ đo tốc độ, đồng hồ đo tốc độ động cơ và vùng THÔNG TIN (INFO) sẽ thay đổi tùy thuộc vào từng kiểu hiển thị.

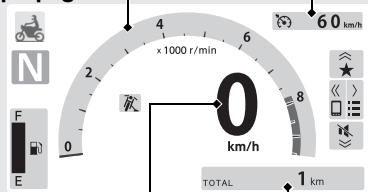
► Đồng hồ đo tốc độ động cơ không hiển thị khi chọn kiểu hiển thị dạng ĐƠN GIẢN (SIMPLE).

Để thay đổi kiểu hiển thị:  **T.49**  **T.58**

Kiểu hiển thị: CIRCLE (Dạng tròn)

Đồng hồ đo
tốc độ động cơ

Màn hình cruise control

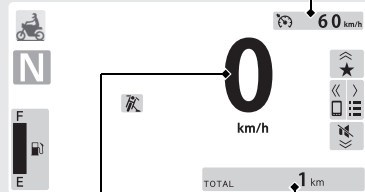


Đồng hồ đo
tốc độ

Vùng THÔNG TIN
(INFO)

Kiểu hiển thị: SIMPLE (Dạng đơn giản)

Màn hình cruise control



Đồng hồ đo
tốc độ

Vùng THÔNG TIN
(INFO)

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

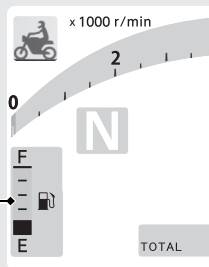
Xăng

Màn hình này gồm hai loại thông tin.

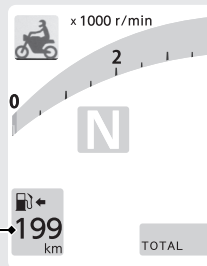
- Khi quãng đường có thể đi được (RANGE) chuyển sang màu hồng phách (lượng xăng còn lại: dưới 4,0 lít (1.06 US gal, 0.88 Imp gal)), đồng hồ báo xăng (FUEL) sẽ không còn khả dụng.

Để thay đổi kiểu hiển thị: ➡ T.44 ➡ T.45 ➡ T.47

Kiểu hiển thị: FUEL



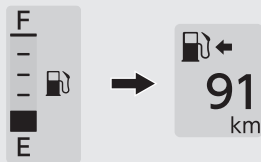
Kiểu hiển thị: RANGE



Đồng hồ báo xăng (FUEL) ➡ T.29

Quãng đường có thể đi được (RANGE). ➡ T.29

Đồng hồ báo xăng (FUEL)



Lượng xăng còn lại khi màn hình chuyển từ vạch thứ nhất của đồng hồ báo xăng (FUEL) sang quãng đường có thể đi được (RANGE) (màu hổ phách): xấp xỉ 4,0 L (1.06 US gal, 0.88 Imp gal)

► **Nếu đèn báo xăng liên tục nhấp nháy hoặc tắt:** ➡ T.175

LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi màn hình quãng đường đi được (RANGE) (màu hổ phách) xuất hiện. Chạy xe trong tình trạng hết xăng có thể làm động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy, làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.

Quãng đường có thể đi được (RANGE)



Màn hình hiển thị quãng đường ước tính xe có thể đi được với lượng xăng còn lại.

Quãng đường có thể đi được này được tính dựa trên điều kiện lái xe và con số hiển thị có thể không phải là quãng đường đi được thực tế.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Loại U

Khoảng hiển thị: 999 đến 5 km (999 đến 3 dặm)

- Nếu quãng đường ước tính vượt quá 999 km hoặc dặm, màn hình hiển thị "999".
- Màn hình hiển thị ban đầu: Màn hình hiển thị "---".
- Khi quãng đường có thể đi được với lượng xăng còn lại dưới 5 km (3 dặm) hoặc lượng nhiên liệu còn lại dưới 1,0 L (0.26 US gal, 0.22 Imp gal), màn hình hiển thị "---".

Khi màn hình hiển thị "---" không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Ngoại trừ loại U

Khoảng hiển thị: 999 đến 5 km

- Nếu quãng đường ước tính vượt quá 999 km, màn hình hiển thị "999".
- Màn hình hiển thị ban đầu: Màn hình hiển thị "---".
- Khi quãng đường có thể đi được với lượng xăng còn lại dưới 5 km hoặc lượng xăng còn lại dưới 1,0 L (0.26 US gal, 0.22 Imp gal), màn hình hiển thị "---".

Khi màn hình hiển thị "---" không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo vị trí số

CMX1100A

Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

- ▶ Màn hình hiển thị “-” khi sang số không đúng cách.

CMX1100D/D2/D3

Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

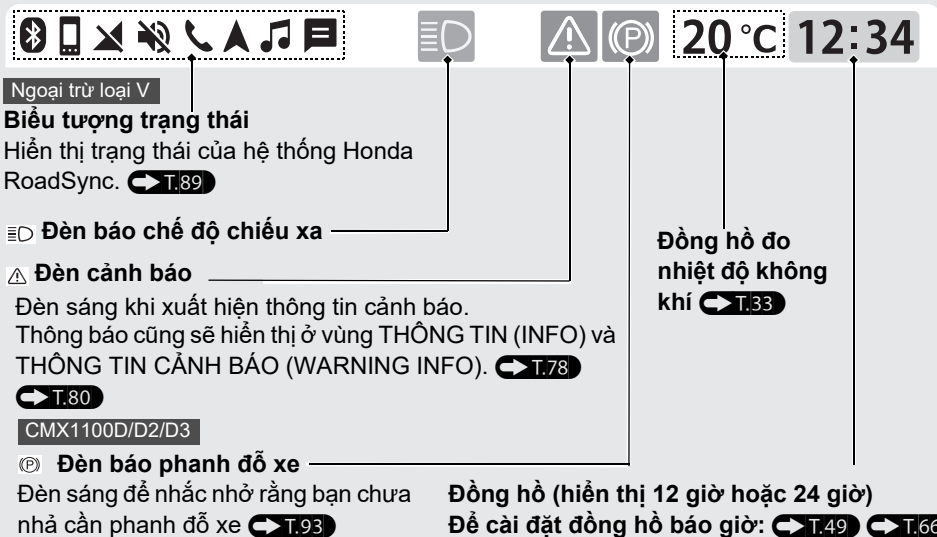
Đèn báo có thể nhấp nháy nếu:

- ▶ Bánh trước không chạm mặt đất.
- ▶ Bạn quay bánh trong khi xe được dựng thẳng bằng chân chống.

Điều này là bình thường. Để vận hành lại hệ thống, vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off), và sau đó sang vị trí **■** (On).

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Thanh trạng thái



Đồng hồ đo nhiệt độ không khí

Hiển thị nhiệt độ xung quanh.

Khoảng hiển thị: -10 °C đến 50 °C

- Dưới -10°C: Màn hình hiển thị "---"
- Trên 50°C: Nhấp nháy 50°C.

Khi tốc độ xe dưới 30 km/h (19 mph), mức nhiệt từ mặt đường hoặc khí thải từ xe khác có thể ảnh hưởng đến giá trị nhiệt độ. Sau khi giá trị nhiệt độ ổn định, màn hình sẽ mất khoảng vài phút để cập nhật.

Hiển thị hoặc ẩn đồng hồ đo nhiệt độ không khí.  T.65

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Vùng THÔNG TIN (INFO)

Vùng THÔNG TIN (INFO) hiển thị các thông tin khác nhau về chiếc xe của bạn.

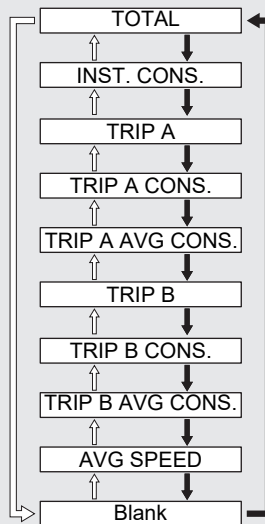
Các mục dưới đây hiển thị theo mặc định.

- Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]
- Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]
- Đồng hồ đo hành trình A [TRIP A]
- Đồng hồ đo hành trình B [TRIP B]

Có thể thay đổi các mục thông tin hiển thị trong vùng THÔNG TIN (INFO).
Hiển thị lên tới 10 mục. (Bao gồm cả mục Trống (Blank)).

Nếu không có mục nào được chọn hoặc chỉ chọn mục Trống (Blank), vùng THÔNG TIN (INFO) sẽ không hiển thị.

Để thay đổi thông tin: ➡ T.49 ➡ T.61



➡ Ấn nút ▼ trên công tắc chọn.

➡ Ấn nút ▲ trên công tắc chọn.

Dưới đây là các kiểu mục thông tin có thể hiển thị trong vùng THÔNG TIN (INFO):

TOTAL	➡ T.35
INST. CONS.	➡ T.36
TRIP A	➡ T.37
TRIP A CONS.	➡ T.38
TRIP A AVG CONS.	➡ T.38
TRIP B	➡ T.40
TRIP B CONS.	➡ T.40
TRIP B AVG CONS.	➡ T.41
AVG SPEED	➡ T.43
Blank	➡ T.43

Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]

Hiển thị tổng quãng đường xe đã đi.

TOTAL 1 km

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra khi thấy màn hình hiển thị “-----”.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

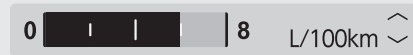
Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]

Loại U

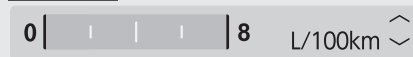
Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại dưới dạng biểu đồ thanh.

Khoảng hiển thị: 0 đến 8 L/100 km (80 km/L, 200 dặm/gal, 50 dặm/L)

- Khi tốc độ xe dưới 5 km/h (3 dặm/giờ): Màn hình hiển thị “vạch số 0”.



Vạch số 0



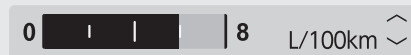
Khi màn hình hiển thị “vạch số 0” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Loại V

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại dưới dạng biểu đồ thanh.

Khoảng hiển thị: 0 đến 8 L/100 km (80 km/L)

- Khi tốc độ xe dưới 5 km/h: Màn hình hiển thị “vạch số 0”.



Vạch số 0



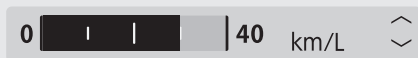
Khi màn hình hiển thị “vạch số 0” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Ngoại trừ loại U, V

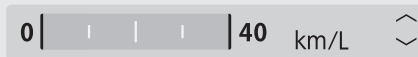
Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại dưới dạng biểu đồ thanh.

Khoảng hiển thị: 0 đến 40 km/L (4 L/100km)

- Khi tốc độ xe dưới 5 km/h: Màn hình hiển thị “vạch số 0”.



Vạch số 0



Khi màn hình hiển thị “vạch số 0” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng hồ đo hành trình A [TRIP A]

Quãng đường xe đi được tính từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

TRIPA 125.0 km

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra khi thấy màn hình hiển thị “----.-”.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A:

➡ T.45 ➡ T.48

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Mức tiêu hao nhiên liệu của Đồng hồ đo hành trình A [CONS.A]

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Loại U

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L (gal)

Ngoại trừ loại U

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L

CONS.A **4.8** L 

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra khi thấy màn hình hiển thị “---.-”.

Mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A:

 T.45  T.48

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG CONS. A]

Loại U

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị trên đồng hồ đo hành trình A.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L/100 km (km/L, dặm/ hoặc dặm/L)

- Trên 299,9 L/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.
- Trên 299,9 km/L (dặm/gal hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “299.9”.
- Khi cài lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: Màn hình hiển thị “---.-”.

AVG CONS.A **3.0** L/100km 

Khi màn hình hiển thị “---.-” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A:

➡ T.45 ➡ T.48

Ngoại trừ loại U

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị trên đồng hồ đo hành trình A.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 km/L (L/100km)

- Trên 299,9 km/L: Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 L/100 km: Màn hình hiển thị “--.-”.
- Khi cài lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: Màn hình hiển thị “---.-”.

AVG CONS. A **30** km/L

Khi màn hình hiển thị “---.-” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A:

➡ T.45 ➡ T.48

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Đồng hồ đo hành trình B [TRIP B]

Quãng đường xe đi được tính từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

TRIP B **250.0** km  

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra khi thấy màn hình hiển thị “----.-”.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B:

 T.45  T.48

Mức tiêu hao nhiên liệu của Đồng hồ đo hành trình B [CONS.B]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Loại U

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L (gal)

Ngoại trừ loại U

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L

CONS.B **11.4** L  

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra khi thấy màn hình hiển thị “----.-”.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B:

 T.45  T.48

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG CONS. B]

Loại U

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị trên đồng hồ đo hành trình B.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 L/100 km (km/L, dặm/ hoặc dặm/L)

- Trên 299,9 L/100 km: Màn hình hiển thị “--.-”.
- Trên 299,9 km/L (dặm/gal hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “299.9”.
- Khi cài lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: Màn hình hiển thị “---.-”.

AVG CONS.B **3.8** L/100km  

Khi màn hình hiển thị “---.-” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B:

 T.45  T.48

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Ngoại trừ loại U

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị trên đồng hồ đo hành trình B.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,9 km/L (L/100km)

- Trên 299,9 km/L: Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 L/100 km: Màn hình hiển thị “--.-”.
- Khi cài lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: Màn hình hiển thị “---.-”.

AVG CONS. B **25** km/L 

Khi màn hình hiển thị “---.-” không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B được cài đặt lại khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B:

 T.45  T.48

Tốc độ trung bình [AVG SPEED]

Hiển thị tốc độ trung bình kể từ khi khởi động động cơ.

Loại U

Khoảng hiển thị: 0 đến 299 km/h (0 đến 186 mph)

Ngoại trừ loại U

Khoảng hiển thị: 0 đến 299 km/h

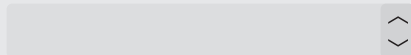
- Màn hình hiển thị ban đầu: Màn hình hiển thị "---".
- Khi xe đi được dưới 0,2 km kể từ khi động cơ khởi động: Màn hình hiển thị "---".
- Khi thời gian vận hành xe dưới 16 giây kể từ khi động cơ khởi động: Màn hình hiển thị "---".

AVG SPEED **34** km/h

Khi màn hình hiển thị "---" không phải do các trường hợp nêu trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Màn hình hiển thị trống [Blank]

Không hiển thị thông tin.



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Vùng có thể chọn

Có thể chọn các mục sau:

- Menu chung ➡ T.45
- CÔNG TẮC YÊU THÍCH (Chế độ xăng hoặc chế độ cài đặt lại hành trình)

➡ T.47 ➡ T.48

Ngoại trừ loại V

- Chuyển đổi ứng dụng Honda RoadSync

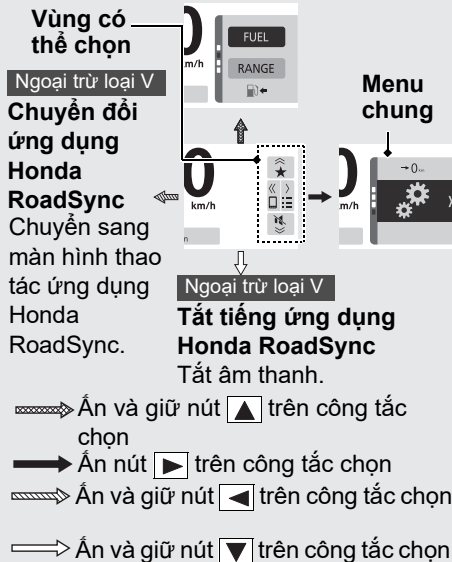
➡ T.89

- Tắt tiếng ứng dụng Honda RoadSync

Chỉ có thể chọn chuyển đổi ứng dụng Honda RoadSync và tắt tiếng ứng dụng Honda RoadSync khi kết nối điện thoại thông minh của bạn với xe.

Để kết nối thiết bị ➡ T.92

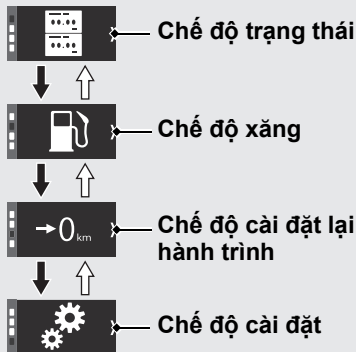
CÔNG TẮC YÊU THÍCH



Menu chung

Có thể chọn các mục sau:

- Chế độ trạng thái
- Chế độ xăng
- Chế độ cài đặt lại hành trình
- Chế độ cài đặt



➡ Ấn nút trên công tắc chọn.

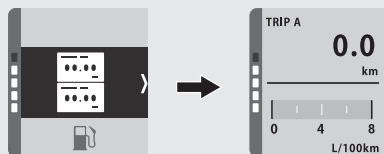
⇨ Ấn nút trên công tắc chọn.

Chế độ trạng thái

Chế độ trạng thái hiển thị nhiều thông tin xe khác nhau.

Chế độ trạng thái có bốn trang và hiển thị hai phần thông tin trên mỗi trang. Trang thứ năm hiển thị chế độ lái đã chọn.

Ấn nút trên công tắc chọn trong khi chọn chế độ trạng thái, màn hình hiển thị chuyển sang trang thông tin xe.



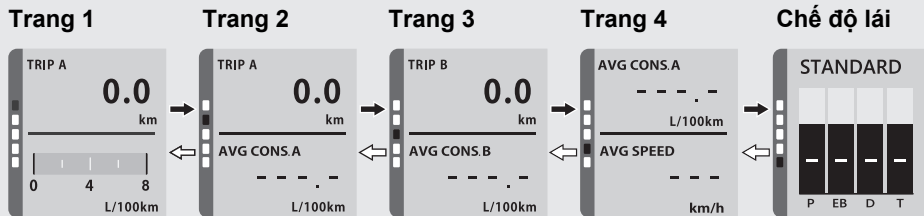
Có thể điều chỉnh theo ý muốn các mục thông tin trên bốn trang hiển thị ở chế độ trạng thái.

Đề thay đổi thông tin: T.49 T.61

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Đổi thay đổi trang thông tin

Để thay đổi trang thông tin, ấn nút  hoặc  trên công tắc chọn.



➡ Ấn nút  trên công tắc chọn.

⇨ Ấn nút  trên công tắc chọn.

Đổi thay đổi thông tin:  T.49  T.61

Chế độ xăng

Có thể chọn các mục sau:

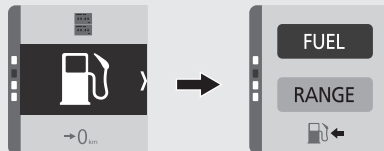
• FUEL  T.29

• RANGE  T.29

► Khi quãng đường có thể đi được (RANGE) chuyển sang màu hổ phách (lượng xăng còn lại: dưới 4,0 lít (1.06 US gal, 0.88 Imp gal)), đồng hồ báo xăng (FUEL) sẽ không còn khả dụng.

1. Chọn chế độ xăng.  T.45

2. Ấn nút  trên công tắc chọn.



3. Chọn FUEL hoặc RANGE bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

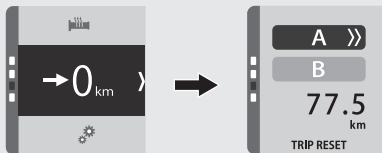
Chế độ cài đặt lại hành trình

Bạn có thể cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A hoặc đồng hồ đo hành trình B.

1. Chọn chế độ cài đặt lại hành trình.

➡ T.45

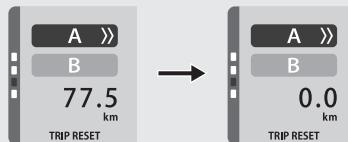
2. Ấn nút  trên công tắc chọn.



3. Chọn A hoặc B bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.



4. Ấn và giữ nút  trên công tắc chọn. Đồng hồ đo hành trình A hoặc B được cài đặt lại.



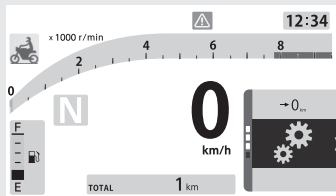
Ngoài ra, khi đồng hồ báo xăng tăng hơn 2 vạch sau khi đổ nhiên liệu và lái xe được 0,1 km (0,06 dặm), đồng hồ đo hành trình A, lượng tiêu thụ nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A và mức tiêu hao nhiên liệu trung bình đồng hồ đo hành trình A sẽ tự động cài đặt lại. Bạn có thể bật hoặc tắt chế độ tự động này. ➡ T.49 ➡ T.56

Chế độ cài đặt

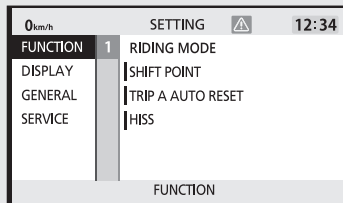
Để chuyển sang chế độ cài đặt

1. Chọn menu chung. ➡ T.44
2. Chọn chế độ cài đặt. ➡ T.45
3. Khi vùng có thể chọn hiển thị chế độ cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn.
 ▶ Tuyệt đối không thực hiện thao tác trong khi đang lái xe.

Màn hình hiển thị thông thường



Chế độ cài đặt

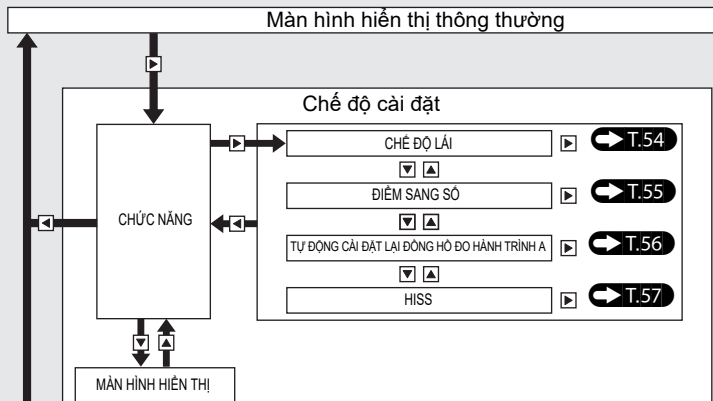


Để trở lại màn hình hiển thị thông thường

- Ấn nút  trên công tắc chọn cho tới khi trở lại màn hình hiển thị thông thường.
- Vặn khóa điện sang vị trí  (Off) và sau đó sang vị trí  (On).

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Trình tự cài đặt

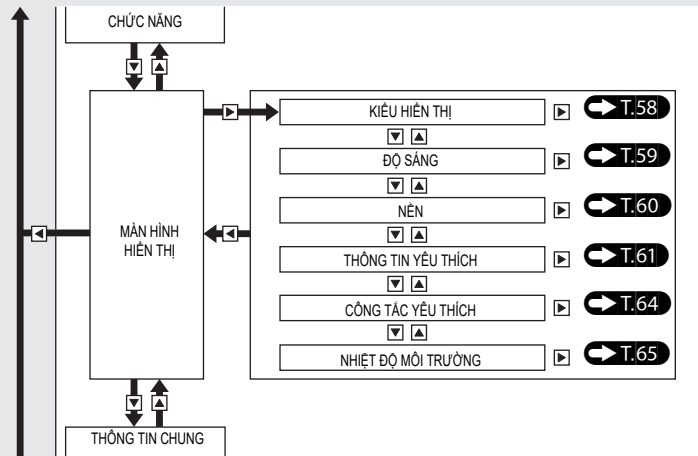


▶ Ấn nút ▶ trên công tắc chọn

◀ Ấn nút ◀ trên công tắc chọn

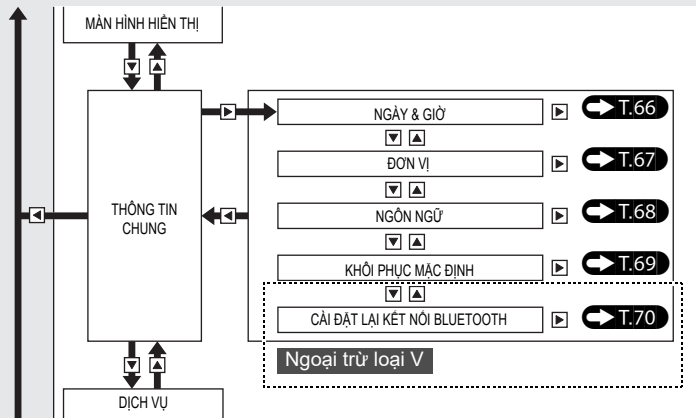
▲ Ấn nút ▲ trên công tắc chọn

▼ Ấn nút ▼ trên công tắc chọn



- ▶ Ấn nút ▶ trên công tắc chọn
- ◀ Ấn nút ◀ trên công tắc chọn
- ▲ Ấn nút ▲ trên công tắc chọn
- ▼ Ấn nút ▼ trên công tắc chọn

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

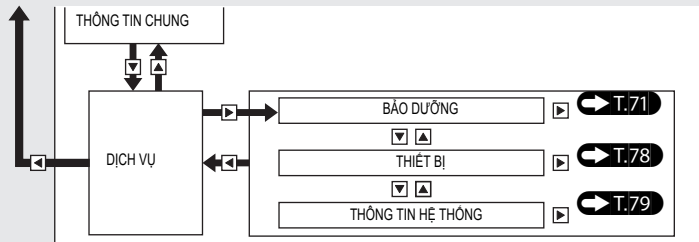


▶ Ấn nút ▶ trên công tắc chọn

◀ Ấn nút ◀ trên công tắc chọn

▲ Ấn nút ▲ trên công tắc chọn

▼ Ấn nút ▼ trên công tắc chọn



▶ Ấn nút ▶ trên công tắc chọn

◀ Ấn nút ◀ trên công tắc chọn

▲ Ấn nút ▲ trên công tắc chọn

▼ Ấn nút ▼ trên công tắc chọn

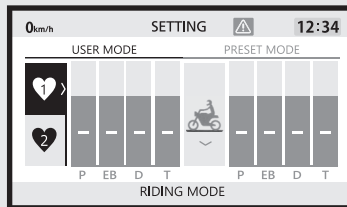
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

CHẾ ĐỘ LÁI ➡ T.94

1. CHẾ ĐỘ USER

Bạn có thể thay đổi các giá trị cài đặt của CHẾ ĐỘ USER.

- Chọn USER 1 hoặc USER 2 bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
- Chọn thông số bằng nút ◀ hoặc ▶ trên công tắc chọn.
 - Lựa chọn thông số:
 - CMX1100A P, EB, T
 - CMX1100D/D2/D3 P, EB, D, T
- Chọn giá trị cài đặt mong muốn bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
- Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



2. CHẾ ĐỘ PRESET

Bạn có thể kiểm tra giá trị cài đặt sẵn của các chế độ lái STANDARD (TIÊU CHUẨN), SPORT (THỂ THAO) và RAIN (TRỜI MƯA).

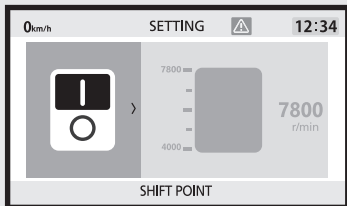
- Chọn CHẾ ĐỘ PRESET bằng nút ▶ trên công tắc chọn.
- Chọn chế độ lái mong muốn bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
- Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để chọn CHẾ ĐỘ USER.
- Trở lại màn hình hiển thị thông thường. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

ĐIỂM SANG SỐ [SHIFT POINT]

⏏ (On) / ⦿ (Off) : Có thể bật hoặc tắt đèn báo sang số.

ĐIỂM SANG SỐ (SHIFT POINT) : Bạn có thể thay đổi thông số vòng quay động cơ khi đồng hồ đo tốc độ động cơ bắt đầu nhấp nháy ở chế độ lên số.

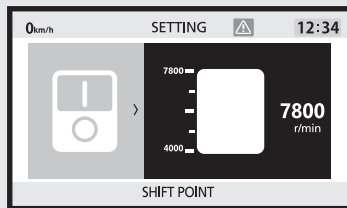
- 1 Chọn ⏏ (On) hoặc ⦿ (Off) bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.



- 2 Khi chọn ⏏ (On)

Ấn nút ▶ trên công tắc chọn để chọn cài đặt mong muốn bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.

Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.



- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49

Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.

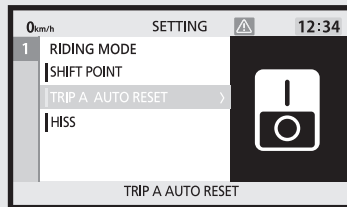
- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
- Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

TỰ ĐỘNG CÀI ĐẶT LẠI ĐỒNG HỒ ĐO HÀNH TRÌNH A [TRIP A AUTO RESET]

Có thể bật hoặc tắt chế độ tự động cài đặt lại của đồng hồ đo hành trình A.

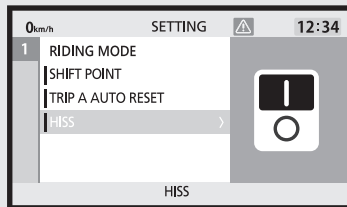
- 1 Chọn ☐ (On) hoặc ☐ (Off) bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt.  T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



ĐÈN BÁO HISS

Bạn có thể chuyển chế độ của đèn báo HISS sang nhấp nháy hoặc tắt.

- 1 Chọn ☒ (On) hoặc ☐ (Off) bằng nút hoặc trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt.
 Để tiếp tục cài đặt, ấn nút trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

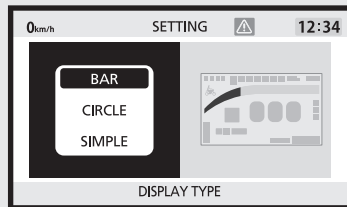


Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

1 KIỂU HIỂN THỊ [DISPLAY TYPE]

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị. ➡ T.26

- 1 Chọn kiểu hiển thị ("BAR" (Dạng vạch), "CIRCLE" (Dạng tròn) hoặc "SIMPLE" (Dạng đơn giản) bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



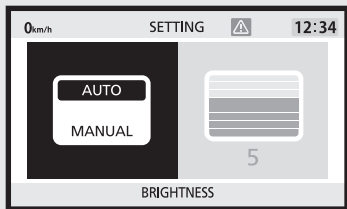
ĐỘ SÁNG [BRIGHTNESS]

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng đèn nền với một trong tám mức hoặc chọn điều chỉnh tự động.

Tự động điều chỉnh độ sáng: ➡ T.189

Màn hình có thể tối lại khi quá nóng. Nếu màn hình không khôi phục độ sáng ban đầu, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

- 1 Chọn "AUTO" (Tự động) hoặc "MANUAL" (Thủ công) bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.



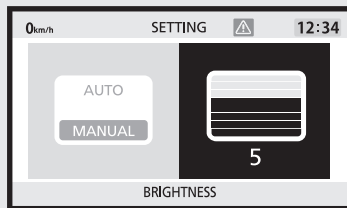
- 2 Khi chọn "AUTO" (Tự động)

Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.

Khi chọn "MANUAL" (Thủ công)

Ấn nút ▶ trên công tắc chọn để chọn cài đặt độ sáng màn hình bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.

Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.



- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

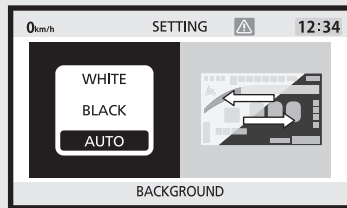
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

NỀN [BACKGROUND]

Bạn có thể thay đổi cài đặt nền với một trong hai màu hoặc chọn điều chỉnh tự động.

Tự động điều chỉnh độ sáng: ➡ T.189

- 1 Chọn màu nền bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
 - 2 Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
 - 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
- Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



THÔNG TIN YÊU THÍCH [FAVORITE INFORMATION]

Bạn có thể thay đổi các mục thông tin hiển thị trong vùng THÔNG TIN (INFO) và chế độ trạng thái.

Thông tin dòng 1

Bạn có thể thay đổi các mục thông tin hiển thị trong vùng THÔNG TIN (INFO). ➡ T.34

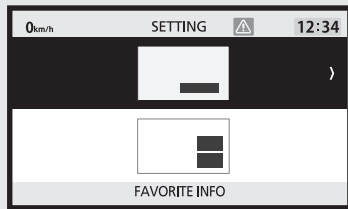
Cài đặt thông tin dòng 1: ➡ T.62

Thông tin dòng 2

Bạn có thể thay đổi các mục thông tin hiển thị tại trang thông tin chế độ trạng thái.

➡ T.45

Cài đặt thông tin dòng 2: ➡ T.63



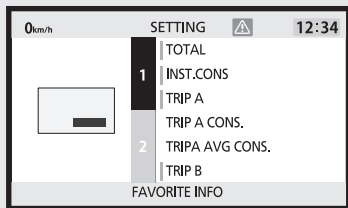
Chọn thông tin dòng 1 hoặc 2 bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.

Ấn nút ▶ trên công tắc chọn, màn hình hiển thị chuyển sang cài đặt thông tin dòng 1 hoặc dòng 2.

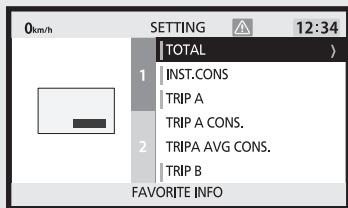
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Cài đặt thông tin cột 1

- ① Chọn 1 hoặc 2 bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.

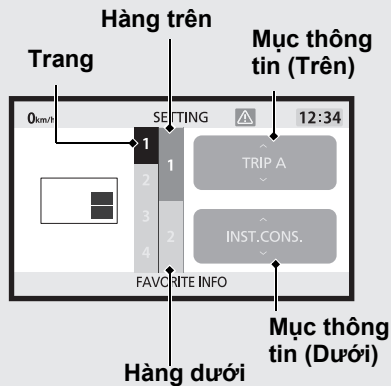


- ② Ấn nút ► trên công tắc chọn để chọn các mục thông tin.



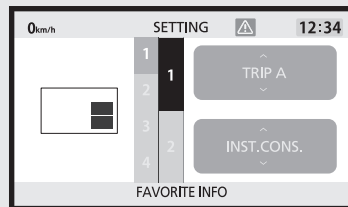
- ③ Chọn cài đặt thông tin mong muốn bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
- ④ Ấn nút ► trên công tắc chọn, cài đặt mục thông tin.
- Các mục đã được cài đặt sẽ hiển thị với con trỏ màu xanh lá.
 - Hiển thị lên tới 10 mục. (Bao gồm mục TRỐNG (BLANK)).
- ⑤ Ấn nút ◀ trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- ⑥ Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
- Để tiếp tục cài đặt, ấn nút ◀ trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

Cài đặt thông tin cột 2

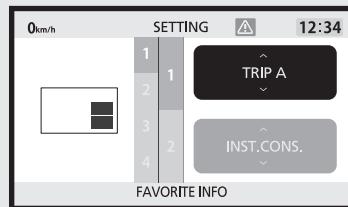


- 1 Chọn trang mong muốn bằng nút hoặc trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút trên công tắc chọn để chọn hàng trên hoặc hàng dưới.

- 3 Chọn hàng trên hoặc hàng dưới bằng nút hoặc trên công tắc chọn.



- 4 Ấn nút trên công tắc chọn để chọn các mục thông tin.
- 5 Chọn mục thông tin mong muốn bằng nút hoặc trên công tắc chọn.



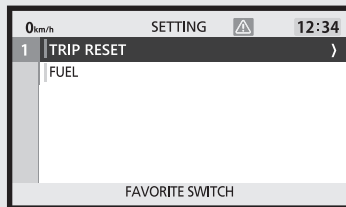
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

- 6 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 7 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

CÔNG TẮC YÊU THÍCH [FAVORITE SWITCH]

Bạn có thể thay đổi các mục đã cài đặt cho công tắc yêu thích. ➡ T.44

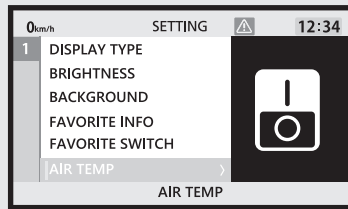
- 1 Chọn công tắc yêu thích bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút  trên công tắc chọn, sau đó chọn mục.
- 3 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 4 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



I NHIỆT ĐỘ MÔI TRƯỜNG [AIR TEMP]

Bạn có thể hiển thị hoặc ẩn đồng hồ đo nhiệt độ môi trường. ➡ T.32

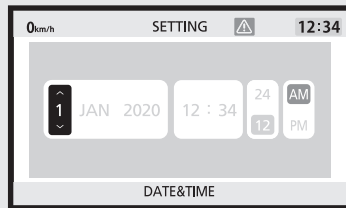
- 1 Chọn ☒ (On) hoặc ☐ (Off) bằng nút hoặc trên công tắc chọn.
- 2 Ấn nút trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 3 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. ➡ T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

NGÀY & GIỜ [DATE & TIME]

- ① Chọn "Day" (Ngày), "Month" (Tháng), "Year" (Năm), "24h hoặc 12h" hoặc "AM / PM" (Sáng / Chiều) bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- ② Chọn cài đặt mong muốn bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
 - ▶ Khi chuyển hệ "24 / 12" sang hệ 24-giờ, không thể sử dụng hệ "AM / PM" (Sáng / Chiều).
- ③ Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- ④ Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt.  T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.
 - ▶ Giá trị cài đặt được lưu lại.



Phạm vi cài đặt

Ngày: 1 đến 31

Tháng: Tháng 1 tới Tháng 12

Năm: 2020 đến 2099

Giờ: 0 đến 23

Phút: 00 đến 59

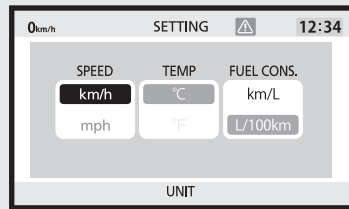
24/12: 24 hoặc 12

AM/PM: AM (Sáng) hoặc PM (Chiều)

ĐƠN VỊ [UNIT]

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo tốc độ và quãng đường (**Loại U**), và đồng hồ đo mức tiêu hao nhiên liệu.

- 1 Chọn "SPEED" (TỐC ĐỘ) (**Loại U**) hoặc "FUEL CONS" (TIÊU HAO NHIÊN LIỆU) bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- 2 Chọn cài đặt mong muốn bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- 3 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 4 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. 
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.
► Giá trị cài đặt được lưu lại.



Phải chọn "km/h" trong menu "SPEED" (TỐC ĐỘ) trước để chọn "L/100km" hoặc "km/L" cho mức tiêu hao nhiên liệu.

Loại U

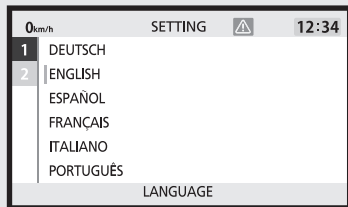
Phải chọn "km/h" trong menu "SPEED" (TỐC ĐỘ) trước để chọn "dặm/gal" hoặc "dặm/L" cho mức tiêu hao nhiên liệu.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

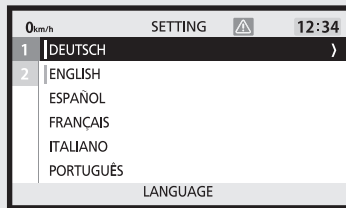
NGÔN NGỮ [LANGUAGE]

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hệ thống.

- 1 Chọn 1 hoặc 2 bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.



- 2 Ấn nút  trên công tắc chọn.



- 3 Chọn ngôn ngữ bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
- 4 Ấn nút  trên công tắc chọn để chọn ngôn ngữ.
 - Các mục đã được cài đặt sẽ hiển thị với con trỏ màu xanh lá.
- 5 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.
- 6 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt.  T.49
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

KHÔI PHỤC CÀI ĐẶT MẶC ĐỊNH [RESTORE DEFAULT]

Bạn có thể khôi phục lại các cài đặt mặc định.

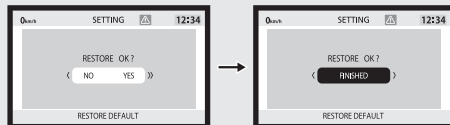
- 1 Chọn "NO" (không khôi phục) hoặc "YES" (khôi phục) bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.

2 Khi chọn "NO"

Ấn nút  trên công tắc chọn. Giá trị cài đặt được lưu lại và sau đó màn hình hiển thị trở lại thứ tự trên.

Khi chọn "YES"

Ấn và giữ nút  trên công tắc chọn. Màn hình sẽ trở lại giá trị cài đặt mặc định.



Các mục sau được khôi phục lại giá trị mặc định:

- CHẾ ĐỘ LÁI
- ĐIỂM SANG SỐ (Shift Point)
- TỰ ĐỘNG CÀI ĐẶT LẠI ĐỒNG HỒ ĐO HÀNH TRÌNH A
- HISS
- KIỂU HIỂN THỊ
- ĐỘ SÁNG
- NỀN
- THÔNG TIN YÊU THÍCH
 - ▶ Trang của vùng THÔNG TIN (INFO) hiện tại và chế độ trạng thái cũng được khởi tạo.
- CÔNG TẮC YÊU THÍCH
- NHIỆT ĐỘ MÔI TRƯỜNG
- ĐƠN VỊ
- NGÔN NGỮ

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

BLUETOOTH PAIRING RESET [CÀI ĐẶT LẠI KẾT NỐI BLUETOOTH]

Ngoại trừ loại V

Bạn có thể cài đặt lịch sử kết nối Bluetooth®.

Để kết nối thiết bị ➡ T.92

1 Chọn "NO" (không khôi phục) hoặc "YES" (khôi phục) bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.

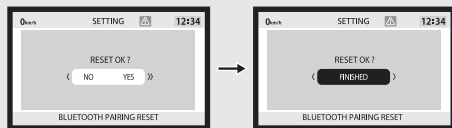
2 Khi chọn "NO"

Ấn nút  trên công tắc chọn. Lịch sử kết nối được giữ lại và sau đó màn hình hiển thị trở lại thứ tự trên.

Khi chọn "YES"

Ấn và giữ nút  trên công tắc chọn. Lịch sử kết nối được cài đặt lại.

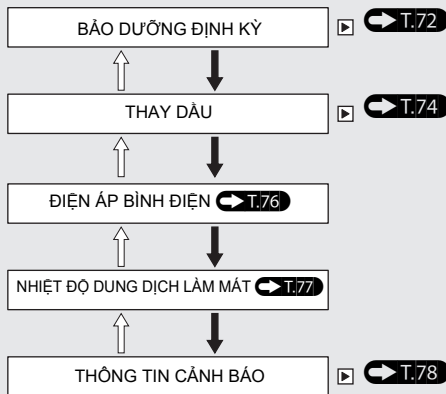
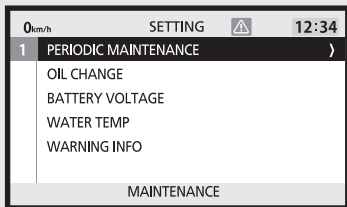
► Nếu thông tin kết nối vẫn còn trong điện thoại thông minh của bạn ngay cả khi đã xóa thông tin kết nối trên xe, điện thoại thông minh vẫn có thể kết nối lại với xe.



BẢO DƯỠNG [MAINTENANCE]

Có thể chọn các mục sau:

- BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ ➡ T.72
- THAY DẦU ➡ T.74
- ĐIỆN ÁP BÌNH ĐIỆN ➡ T.76
- NHIỆT ĐỘ DUNG DỊCH LẠM MÁT ➡ T.77
- THÔNG TIN CẢNH BÁO ➡ T.78



➡ Ấn nút trên công tắc chọn.

⇨ Ấn nút trên công tắc chọn.

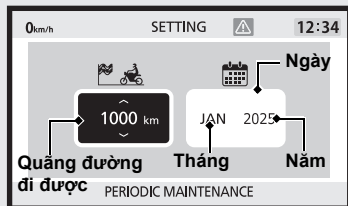
▶ Ấn nút trên công tắc chọn

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ [PERIODIC MAINTENANCE]

Bạn có thể xem thời gian kiểm tra định kỳ lần tới.

Có thể lập trình lời nhắc thời gian kiểm tra định kỳ lần tiếp theo.



Khoảng hiển thị:

Quãng đường đi được:

Loại U

-----, 12.000 đến -99.999 km (8.000 đến -99.999 dặm)

► Trên 0 km (dặm): Màn hình hiển thị ký hiệu "-".

► Tùy thuộc vào quãng đường đi được, thay đổi đơn vị TỐC ĐỘ (SPEED) từ "mile" (dặm) sang "km" cũng sẽ hiển thị phạm vi trên 12.000 km.

Ngoại trừ loại U

-----, 12.000 đến -99.999 km

► Trên 0 km: Màn hình hiển thị ký hiệu "-".

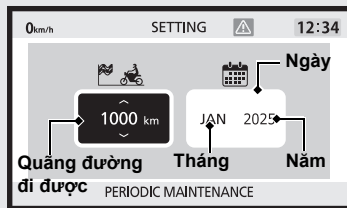
Ngày:

Tháng: ---, Tháng 1 tới Tháng 12

Năm: ----, 2020 tới 2099

Cài đặt thời gian kiểm tra định kỳ tiếp theo

- 1 Chọn quãng đường đi được, tháng hoặc năm bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.



- 2 Chọn cài đặt mong muốn bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
 - ▶ Nếu ấn và giữ nút  trên công tắc chọn khi cài đặt quãng đường đi được, số đo sẽ thay đổi 1000 mỗi lần.

- ▶ Phạm vi cài đặt có sẵn của quãng đường đi được:

Loại U

-----, 100 đến 12.000 km (100 đến 8.000 dặm)

Cài đặt ban đầu:-----

Ngoại trừ loại U

-----, 100 đến 12.000 km

Cài đặt ban đầu:-----

- ▶ Phạm vi cài đặt có sẵn của ngày tháng:

Tháng:---, Tháng 1 tới Tháng 12

Cài đặt ban đầu:---

Năm: ----, 2020 tới 2099

Cài đặt ban đầu:----

- ▶ Nếu quãng đường đi được và ngày tháng được đặt về cài đặt ban đầu, thông tin bảo dưỡng () sẽ không hiển thị.

- 3 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.

- 4 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt. 

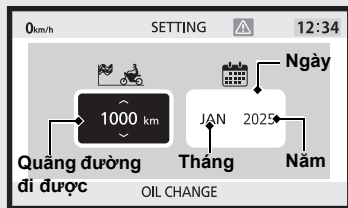
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

THAY DẦU [OIL CHANGE]

Bạn có thể kiểm tra thời gian thay dầu động cơ lần tiếp theo.

Ngoài ra, bạn cũng có thể cài đặt thời gian thay dầu động cơ lần tiếp theo.



Khoảng hiển thị:

Quãng đường đi được:

Loại U

-----, 12.000 đến -99.999 km (8.000 đến -99.999 dặm)

► Trên 0 km (dặm): Màn hình hiển thị ký hiệu “-”.

► Tùy thuộc vào quãng đường đi được, thay đổi đơn vị TỐC ĐỘ (SPEED) từ “mile” (dặm) sang “km” cũng sẽ hiển thị phạm vi trên 12.000 km.

Ngoại trừ loại U

-----, 12.000 đến -99.999 km

► Trên 0 km: Màn hình hiển thị ký hiệu “-”.

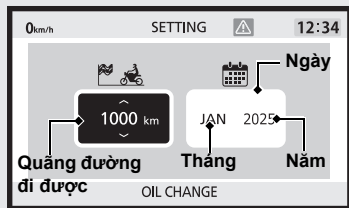
Ngày:

Tháng: ---, Tháng 1 tới Tháng 12

Năm: ----, 2020 tới 2099

Cài đặt lần thay dầu kế tiếp

- 1 Chọn quãng đường đi được, tháng hoặc năm bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.



- 2 Chọn cài đặt mong muốn bằng nút  hoặc  trên công tắc chọn.
 - ▶ Nếu ấn và giữ nút  trên công tắc chọn khi cài đặt quãng đường đi được, số đo sẽ thay đổi 1000 mỗi lần.

- ▶ Phạm vi cài đặt có sẵn của quãng đường đi được:

Loại U

-----, 100 đến 12.000 km (100 đến 8.000 dặm)

Cài đặt ban đầu:-----

Ngoại trừ loại U

-----, 100 đến 12.000 km

Cài đặt ban đầu:-----

- ▶ Phạm vi cài đặt có sẵn của ngày tháng:

Tháng:---, Tháng 1 tới Tháng 12

Cài đặt ban đầu:---

Năm: ----, 2020 tới 2099

Cài đặt ban đầu:----

- ▶ Nếu quãng đường đi được và ngày tháng được đặt về cài đặt ban đầu, thông tin bảo dưỡng ( T.80) sẽ không hiển thị.

- 3 Ấn nút  trên công tắc chọn để hoàn thành cài đặt.

- 4 Quay lại màn hình thông thường để hoàn thành cài đặt.  T.49

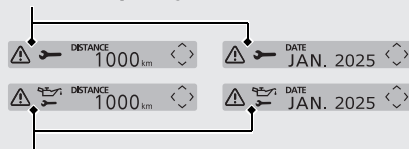
Để tiếp tục cài đặt, ấn nút  trên công tắc chọn hoặc quay lại thứ tự trên.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Nếu đặt một trong các mức sau đây, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông thường. ➡ T.80

- “500 km” (“300 dặm”) từ lần kiểm tra định kỳ tiếp theo.
- “100 km” (“60 dặm”) từ lần thay dầu động cơ tiếp theo.
- Một tháng trước tháng cài đặt.

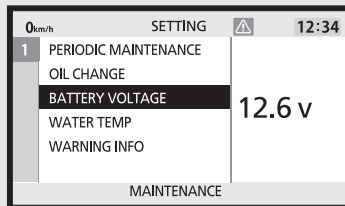
Kiểm tra định kỳ



Thông tin thay dầu

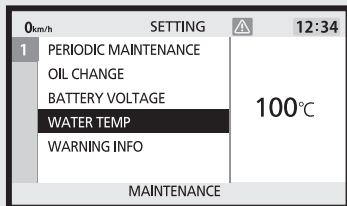
ĐIỆN ÁP BÌNH ĐIỆN

Màn hình hiển thị điện áp hiện tại.



NHIỆT ĐỘ DUNG DỊCH LÀM MÁT

Hiển thị nhiệt độ dung dịch làm mát hiện tại.



Khoảng hiển thị: 35°C đến 132°C

- Dưới 34°C: Màn hình hiển thị "---".
- Giữa 122°C và 131°C:
 - Đèn báo nhiệt độ nước làm mát cao và đèn cảnh báo sẽ sáng lên.
Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát hiển thị trong phần thông tin cảnh báo.
➡ T.78 ➡ T.81
 - Giá trị nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy.

- Trên 132°C:
 - Đèn báo nhiệt độ nước làm mát cao và đèn cảnh báo sẽ sáng lên.
Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát hiển thị trong phần thông tin cảnh báo.
➡ T.78 ➡ T.81
 - Màn hình nhấp nháy "132°C".
- Ngay cả khi nhiệt độ dung dịch làm mát thấp, quạt làm mát vẫn có thể chạy khi tăng tốc động cơ. Điều này là bình thường.

Nếu nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy "---". ➡ T.176

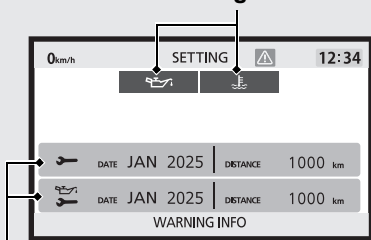
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Hiển thị thông tin bảo dưỡng hiện tại và (hoặc) thông tin cảnh báo. ➡ T.80

Nếu xe xuất hiện thông tin cảnh báo, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được kiểm tra sớm.

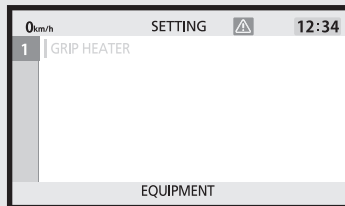
Thông tin cảnh báo



Thông tin bảo dưỡng

THIẾT BỊ [EQUIPMENT]

Không thể chọn màn hình hiển thị "EQUIPMENT" (THIẾT BỊ).



THÔNG TIN HỆ THỐNG [SYSTEM INFORMATION]

Hiển thị thông tin phiên bản phần mềm và phần cứng.

0km/h	SETTING		12:34
1	SOFTWARE VERSION	XXXXXXXXXXXXXX	
	HARDWARE INFOMATION	XXX-XX	
SYSTEM INFOMATION			

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Thông báo

Trong các trường hợp sau, màn hình hiển thị thông báo tại vùng THÔNG TIN (INFO).

- Thông tin bảo dưỡng:
Khi tới thời gian kiểm tra xe.
- Thông tin cảnh báo:
Khi xe có thông tin cảnh báo.

Trong trường hợp xe có nhiều thông tin, màn hình thông báo sẽ xuất hiện lần lượt.

Thông tin bảo dưỡng

Hiển thị	Giải thích	Biện pháp khắc phục
  DISTANCE 1000 km  	Khi tới thời gian kiểm tra xe định kỳ.	Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.
  DATE JAN 2025  		
  DISTANCE 1000 km  	Khi tới thời gian thay dầu xe.	Thay dầu động cơ.
  DATE JAN 2025  		

Thông tin cảnh báo

Hiện thị	Giải thích	Biện pháp khắc phục
Đèn cảnh báo  Đèn báo áp suất dầu thấp	Khi áp suất dầu động cơ thấp.	Tham khảo phần “Đèn báo áp suất dầu thấp” ➔ T.170
Đèn cảnh báo  Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát	Khi nhiệt độ dung dịch làm mát cao.	Tham khảo phần “Quá nhiệt” ➔ T.169

Ấn một trong các nút     trên công tắc chọn để ẩn thông báo.

Các đèn báo

Nếu có một đèn báo nào không hiển thị đúng chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Tham khảo “Bảng đồng hồ” về các đèn báo xuất hiện trên màn hình hiển thị. ➡ T.32 ➡ T.81

↩ Đèn báo rẽ trái

➡ Đèn báo rẽ phải



⚠ Đèn báo lỗi PGM-FI (phun xăng điện tử) (MIL)

Đèn sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).

Nếu đèn sáng hoặc nhấp nháy khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.171

(ABS) Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

- Đèn sáng khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn tắt khi xe đạt tốc độ khoảng 10 km/h (6 mph).

Nếu đèn sáng trong khi lái xe: ➡ T.172

N Đèn báo số N

Đèn sáng khi xe ở chế độ số N.

Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo

- Đèn sáng khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On). Đèn tắt khi tốc độ xe đạt khoảng 5 km/h (3 mph) báo hiệu hệ thống kiểm soát lực kéo đã sẵn sàng hoạt động.
- Đèn nhấp nháy khi hệ thống kiểm soát lực kéo đang hoạt động.

Nếu đèn sáng trong khi lái xe: ➡ T.173



Đèn báo HISS ➡ T.168

- Đèn sáng trong giây lát khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On).
- Đèn nhấp nháy 2 giây một lần trong 24 giờ khi vận khóa điện sang vị trí **O** (Off).

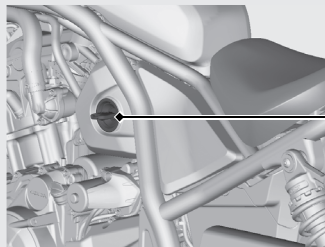
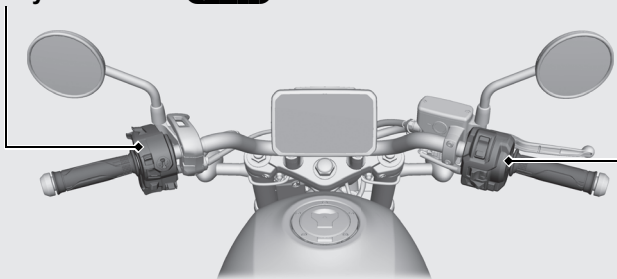
Đèn báo TẮT hệ thống kiểm soát lực kéo

Đèn sáng khi hệ thống kiểm soát lực kéo tắt.

Các công tắc

Công tắc tay lái bên trái ➡ T.87

Công tắc tay lái bên phải ➡ T.86



Khóa điện

Bật/tắt hệ thống điện.

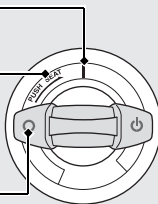
- Có thể rút chìa khóa khi khóa điện ở vị trí **○ (Off)**.

Khóa cổ lái: ➡ T.88

I (On)
Bật hệ thống điện để
khởi động/lái xe.

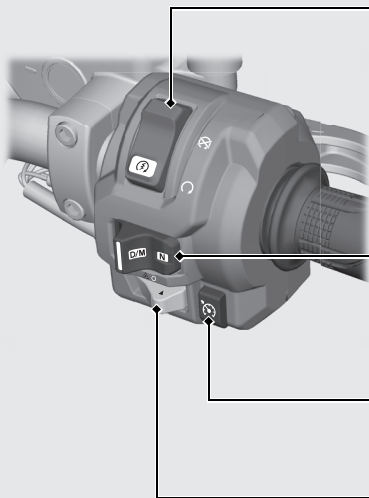
YÊN XE
Mở yên xe.

○ (Off)
Tắt máy.



Các công tắc (Tiếp theo)

Công tắc tay lái bên phải



Công tắc ngắt động cơ/ ③ Nút khởi động
Thông thường, công tắc nên ở vị trí  (Run).

► Trong trường hợp khẩn cấp, chuyển sang vị trí  (Stop) để dừng động cơ.

Công tắc N-D/M

CMX1100D/D2/D3

Để chuyển giữa số N và CHẾ ĐỘ AT hoặc CHẾ ĐỘ MT. ➡ T.108

 **Công tắc kích hoạt chế độ cruise control**
Ấn để kích hoạt hệ thống điều khiển hành trình. ➡ T.110

Công tắc cảnh báo nguy hiểm

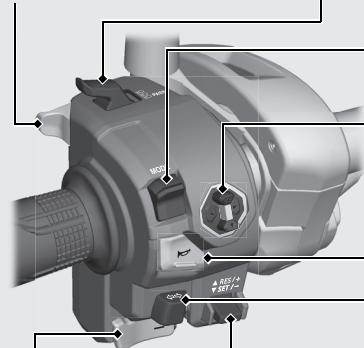
Có thể bật/tắt khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On).

Công tắc tay lái bên trái

Công tắc lên số (+)

CMX1100D/D2/D3

Dùng để lên số. ➡ T.109



Công tắc về số (-)

CMX1100D/D2/D3

Dùng để về số. ➡ T.109

Công tắc đèn chiếu xa/chiếu gần/Đèn xin vượt

- ☰☐ : Chế độ chiếu xa
- ☰☐ : Chế độ chiếu gần
- ☰☐PASS : Nhấp nháy đèn pha ở chế độ chiếu xa.

Công tắc MODE

Được sử dụng để thay đổi chế độ lái. ➡ T.94

Chọn công tắc ▲ ▼ ◀ ▶

Dùng để vận hành và cài đặt màn hình hiển thị. ➡ T.44

Dùng để vận hành ứng dụng Honda RoadSync. ➡ T.89

Dùng để cài đặt chế độ lái. ➡ T.94

Nút còi

↔ Công tắc đèn báo rẽ

▶ Ấn vào công tắc để tắt báo rẽ.

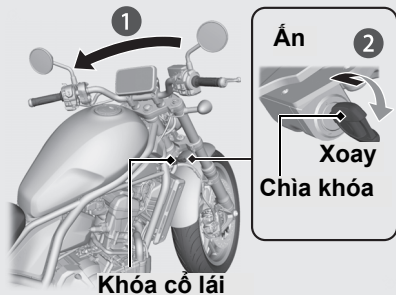
RES / + SET / - Nút gạt điều khiển hành trình

Gạt lên hoặc xuống để cài đặt tốc độ hoặc điều chỉnh tốc độ đặt trước. ➡ T.112

Các công tắc (Tiếp theo)

Khóa cổ lái

Nên khóa cổ lái khi dựng xe để chống trộm.
Nên sử dụng khóa chữ U hoặc loại tương tự để khóa bánh xe.



Khóa

- ❶ Xoay hết tay lái sang trái.
- ❷ Tra chìa khóa vào khóa cổ lái.
- ❸ Ấn chìa khóa xuống và xoay 180 độ theo chiều kim đồng hồ.
► Lắc nhẹ tay lái nếu thấy khóa không vặn hết được.
- ❹ Rút chìa khóa ra.

Mở khóa

Tra chìa khóa, ấn xuống và xoay 180 độ ngược chiều kim đồng hồ.

Ứng dụng Honda RoadSync

Ngoại trừ loại V

Kết nối điện thoại thông minh của bạn với xe và tai nghe *Bluetooth®* qua *Bluetooth®* để điều khiển điện thoại thông minh bằng cách nói qua tai nghe. Bạn cũng có thể sử dụng hệ thống bằng cách sử dụng các công tắc trên tay lái.

- Để sử dụng hệ thống này, cần cài ứng dụng chuyên dụng trên điện thoại thông minh trước, sau đó kết nối điện thoại thông minh với xe.

Để biết điều khoản dịch vụ và thông tin về cách cài đặt/vận hành ứng dụng chuyên dụng, tham khảo đường dẫn URL dưới đây:

<https://global.honda/voice-control-system/>



- Ứng dụng không có sẵn ở một vài quốc gia/khu vực.
Để biết các quốc gia có sẵn, hãy tham khảo URL ở trên.

Ứng dụng Honda RoadSync (Tiếp theo)

Phạm vi kết nối:

Trong phạm vi 1m từ xe.

Phiên bản/cấu hình Bluetooth®

Phiên bản Bluetooth®	Bluetooth 4.2 hoặc cao hơn
Cấu hình Bluetooth®	GATT (Generic Attribute Profile)
	HOGP (HID over GATT Profile)

Công nghệ không dây Bluetooth®

Ký hiệu và logo Bluetooth® là thương hiệu đã đăng ký của Bluetooth SIG, Inc., công ty Honda Motor đã được cấp phép sử dụng các ký hiệu này.

Các thương hiệu và tên thương mại khác thuộc về các chủ sở hữu tương ứng.

- Chi phí kết nối mạng và thiết bị kết nối cần để sử dụng tính năng này sẽ do người dùng chi trả.
- Không thể ghép đôi hai hoặc nhiều điện thoại thông minh cùng lúc.
- Một số điện thoại thông minh không tương thích tính năng này.
- Chúng tôi không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hại hoặc sự cố nào khi sử dụng điện thoại thông minh.
- Khi không thể kết nối điện thoại thông minh với xe, thay đổi vị trí điện thoại để kết nối lại.

Hệ thống này cũng có những hạn chế nhất định.

Do đó, bạn phải quan sát cẩn thận đường đi, biển báo và tín hiệu, v.v. để xác minh lại các hướng dẫn bằng giọng nói và các thông tin hiện trên đồng hồ. Nếu bạn không chắc chắn, hãy thận trọng khi sử dụng. Bạn phải tự đưa ra những quyết định của riêng mình và tuân thủ luật giao thông khi lái xe.

CẢNH BÁO

Sử dụng ứng dụng Honda RoadSync khi lái xe có thể khiến bạn không tập trung vào đường đi, có thể gây tai nạn nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Đặc biệt chú ý khi đi qua ngã tư, nơi có mật độ giao thông đông đúc, v.v.
- Quan sát kỹ đường đi, biển báo và tín hiệu.
- Tuân thủ luật giao thông khi lái xe.

Hạn chế của ứng dụng Honda RoadSync

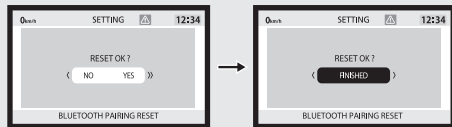
Việc thay đổi hệ điều hành, phần cứng, phần mềm và các công nghệ khác tích hợp trong chức năng của ứng dụng Honda RoadSync cũng như các quy định mới hoặc sửa đổi của chính phủ có thể làm giảm hoặc ngừng chức năng và dịch vụ của Honda RoadSync.

Honda khó có thể cung cấp bảo hành hay đảm bảo về hiệu quả hoặc chức năng của ứng dụng Honda RoadSync trong tương lai.

Ứng dụng Honda RoadSync (Tiếp theo)

■ Kết nối điện thoại thông minh qua Bluetooth®

- ① Chọn menu CÀI ĐẶT LẠI KẾT NỐI BLUETOOTH [BLUETOOTH PAIRING RESET]. ➡ T.49 ➡ T.70



- ② Khi chọn “NO”

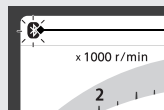
Ấn nút  trên công tắc chọn. Lịch sử kết nối được giữ lại và sau đó màn hình hiển thị trở lại thứ tự trên.

Khi chọn “YES”

Ấn và giữ nút  trên công tắc chọn. Lịch sử kết nối được cài đặt lại.

- ③ Sau khi cài đặt lại, hoàn tất ghép đôi trong khi đèn báo Bluetooth® nhấp nháy bằng cách thao tác trên ứng dụng điện thoại thông minh của bạn.

► Khi trở lại màn hình hiển thị thông thường, đèn báo Bluetooth® sẽ nhấp nháy.



Đèn báo Bluetooth®

- Để vận hành, hãy làm theo hướng dẫn của ứng dụng.
- Thực hiện kết nối Bluetooth® sau khi dừng xe ở nơi an toàn.

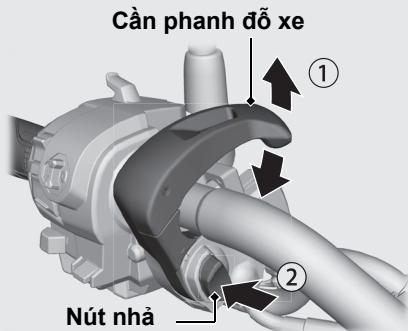
Phanh đỗ xe

CMX1100D/D2/D3

Cần phanh đỗ xe và nút nhả

Đảm bảo sử dụng phanh đỗ xe khi đỗ xe và làm nóng động cơ.

- Đảm bảo rằng cần phanh đỗ xe được nhả trước khi lái xe.



Khóa

Kéo cần phanh đỗ xe về phía sau để khóa bánh sau.

- Đảm bảo rằng nút nhả bật ra và cần phanh đỗ xe không nhả.
- Khóa phanh đỗ xe sẽ không hoạt động nếu phanh đỗ xe không được điều chỉnh đúng.

➡ T.155

Mở khóa

Nhả cần phanh đỗ xe bằng cách kéo nhẹ cần phanh (①) và nhấn nút nhả (②).

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra để đảm bảo đèn báo phanh đỗ xe tắt và phanh đỗ xe được nhả hoàn toàn để bánh sau không dính phanh.

LƯU Ý

Lái xe khi đang sử dụng phanh đỗ xe sẽ làm hỏng các bộ phận của phanh sau.

Chế độ lái

Bạn có thể thay đổi chế độ lái.

Chế độ lái bao gồm các thông số sau:

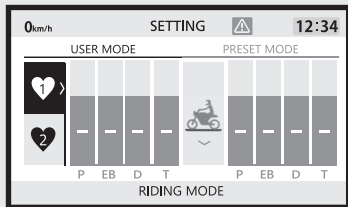
Mức của từng thông số sẽ thay đổi theo chế độ lái đã chọn.

P: Mức công suất động cơ

EB: Mức phanh động cơ

D: **Chỉ CMX1100D/D2/D3** Mức DCT

T: Mức kiểm soát lực kéo



Có bốn chế độ lái.

Các chế độ lái của xe: STANDARD (Tiêu chuẩn), SPORT (Thể thao), RAIN (Trời mưa), USER1 (Tùy chỉnh 1), USER2 (Tùy chỉnh 2).

STANDARD, SPORT và RAIN

- **STANDARD:** Tiêu chuẩn, chế độ toàn diện phù hợp cho nhiều tình huống khác nhau.
- **SPORT:** Phù hợp cho chế độ lái xe thể thao. Bạn có thể cảm nhận động cơ phản ứng mạnh mẽ nhất.
- **RAIN:** Phù hợp để lái xe ổn định trên bề mặt trơn trượt, chẳng hạn như trong điều kiện trời mưa.

Không thể thay đổi các mức này.

USER 1 và USER 2

Có thể thay đổi từng giá trị trong cài đặt ban đầu.

Cài đặt ban đầu

	Mức P	Mức EB	Mức D ^{*3}	Mức T
STANDARD				
	2	2	2	2
SPORT				
	3	2	3	1
RAIN				
	1	1	1	3
USER 1				
	2 ^{*1}	2 ^{*1}	2 ^{*1}	2 ^{*1, 2}
USER 2				
	2 ^{*1}	2 ^{*1}	2 ^{*1}	2 ^{*1, 2}

Lưu ý:

*1 : Có thể thay đổi mức thông số.

*2 : Nếu tắt, tại lần mở khóa điện tiếp theo, mức thông số sẽ chuyển sang mức 2.

*3 : Chỉ CMX1100D/D2/D3

Chế độ lái (Tiếp theo)

Mức P (Mức công suất động cơ)

Mức P có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 3

- ▶ Mức 1 có công suất thấp nhất.
- ▶ Mức 3 có công suất cao nhất.

Mức EB (mức phanh động cơ)

Mức EB có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 3

- ▶ Mức 1 là mức phanh động cơ yếu nhất.
- ▶ Mức 3 là mức phanh động cơ mạnh nhất.

Mức D (Mức DCT)

Chỉ CMX1100D/D2/D3

Mức D có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 3

- ▶ Mức 1 có số vòng quay động cơ thấp nhất
- ▶ Mức 3 có số vòng quay động cơ cao nhất.

Mức T (Mức kiểm soát lực kéo)

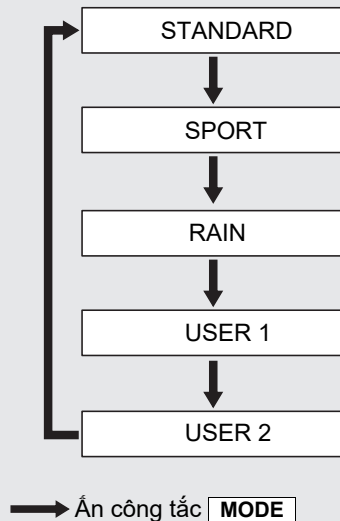
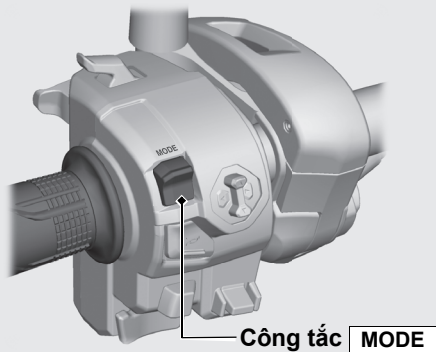
Mức T có ba mức cài đặt hoặc có thể tắt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 3, hoặc Off (Tắt)

- ▶ Mức 1 là mức kiểm soát lực kéo tối thiểu.
- ▶ Mức 3 là mức kiểm soát lực kéo tối đa.
- ▶ Mức Off (Tắt) ngắt kích hoạt kiểm soát lực kéo.
- ▶ Khi mức T ở vị trí Tắt, nếu hệ thống điện chuyển từ chế độ Tắt sang Bật, thì mức T sẽ tự động về 2.

Chọn chế độ lái

- 1 Dừng xe.
- 2 Ấn công tắc **MODE** với tay ga đã đóng hoàn toàn.

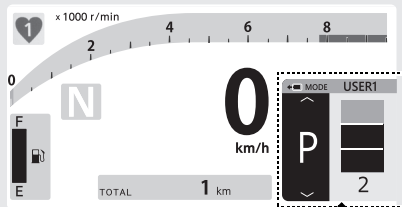


Chế độ lái (Tiếp theo)

Chọn chế độ lái

Bạn có thể thay đổi các mức P, T, EB, và D (Chỉ CMX1100D/D2/D3) ở chế độ lái USER.

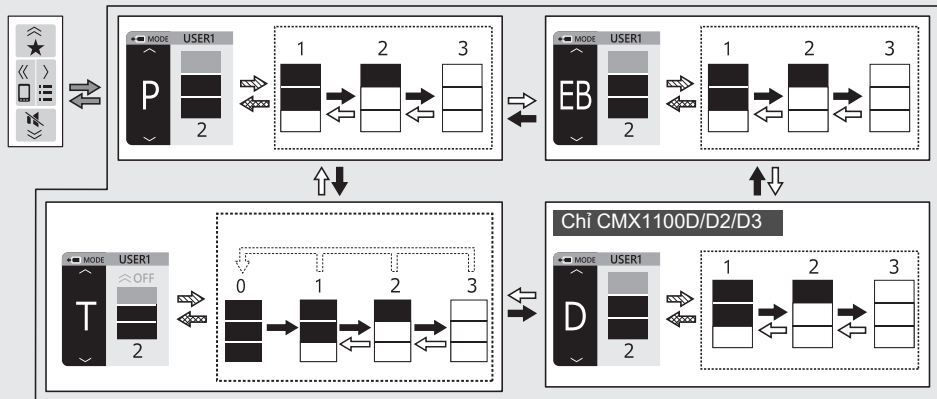
- 1 Dừng xe.
- 2 Chọn chế độ lái USER 1 hoặc USER 2.
➡ T.97
- 3 Ấn và giữ công tắc **MODE** tới khi giá trị cài đặt thông số hiển thị trên vùng có thể chọn.



Cài đặt thông số

- 4 Chọn thông số và mức cài đặt mong muốn.
 - ▶ Để chọn thông số, gạt công tắc chọn theo chiều ▲ hoặc ▼.
 - ▶ Ấn nút ► trên công tắc chọn để chọn mức cài đặt bằng nút ▲ hoặc ▼ trên công tắc chọn.
 - ▶ Mức T có thể thay đổi thành 0 (tắt) bằng cách ấn và giữ nút ▲ trên công tắc chọn khi chọn thông số T.
- 5 Ấn và giữ công tắc **MODE** tới khi giá trị cài đặt thông số bị ẩn trên vùng có thể chọn.

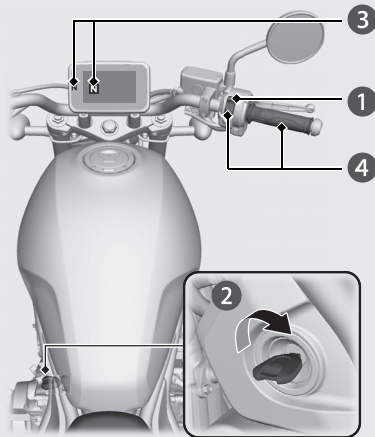
Bạn cũng có thể thay đổi các mức trong chế độ lái USER thông qua cài đặt trên bảng đồng hồ. ➡ T.49 ➡ T.54



Khởi động động cơ

CMX1100A

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nóng hay nguội.



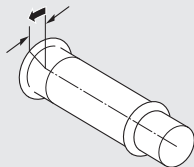
LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, hãy vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off) và đợi 10 giây trước khi khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vận ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.

- 1 Đảm bảo công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run).
- 2 Vặn núm khóa điện sang vị trí **I** (On).
- 3 Về số N (đèn báo **N** sáng). Hoặc bóp tay côn để khởi động khi xe đã vào số và chân chống nghiêng đã được gạt lên.
- 4 Ấn nút khởi động với tay ga đã đóng hoàn toàn.

Nếu không thể khởi động được động cơ
 Vận tay ga nhẹ nhàng (khoảng 3 mm (0.1 in) không tính hành trình tự do), ấn nút khởi động.

Khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do



Nếu động cơ không khởi động:

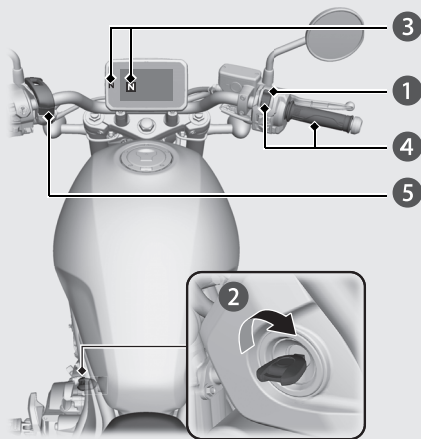
- ① Vận hết tay ga và ấn nút khởi động khoảng 5 giây.
 ► Động cơ không khởi động ngay lúc này. (Khi vận hết ga, động cơ sẽ không khởi động khi đang ấn nút khởi động). Nhả ga và không ấn nút khởi động sau 5 giây và thực hiện bước ②.
- ② Lặp lại quy trình khởi động như bình thường.
- ③ Nếu động cơ khởi động nhưng tốc độ cảm chừng không ổn định, vận ga nhẹ nhàng.
- ④ Nếu động cơ không khởi động, đợi 10 giây trước khi thử lại các bước ① & ②.

Nếu động cơ không khởi động ➡ T.168

Khởi động động cơ (Tiếp theo)

CMX1100D/D2/D3

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nóng hay nguội.



LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, hãy vận khóa điện sang vị trí **O** (Off) và đợi 10 giây trước khi khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vận ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.

- 1 Đảm bảo công tắc ngắt động cơ ở vị trí **O** (Run).
- 2 Vận nút khóa điện sang vị trí **I** (On).
- 3 Kiểm tra xem xe có đang ở số N (đèn báo **N** sáng).
- 4 Ấn nút khởi động với tay ga đã đóng hoàn toàn.
- 5 Đảm bảo rằng cần phanh đỗ xe được nhả trước khi lái xe. ➡ T.93

Nếu không thể khởi động được động cơ ➡ T.101

Nếu động cơ không khởi động ➡ T.101

Khi bạn dừng động cơ

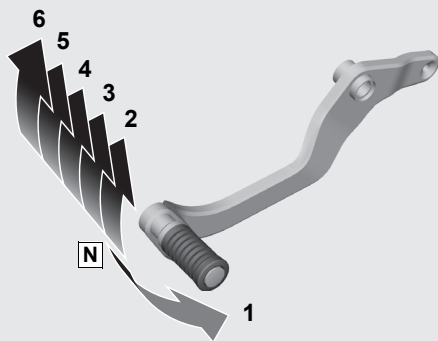
- ① Để dừng động cơ, chuyển về số N (đèn báo **N** sáng).
 - ▶ Nếu bạn vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) khi xe đang vào số, động cơ sẽ tắt với côn được nhả ra.
- ② Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off).
- ③ Sử dụng phanh đỗ xe khi bạn đỗ xe.



Quy trình sang số

CMX1100A

Xe được trang bị hộp số 6 cấp theo kiểu 1 số xuống, 5 số lên.



Nếu bạn vào số khi chân chống nghiêng đang hạ xuống, động cơ sẽ ngừng hoạt động.

CMX1100D/D2/D3

Loại xe này được trang bị hộp số 6 tốc độ điều khiển tự động. Hộp số có thể sang số tự động (bằng CHẾ ĐỘ AT) hoặc thủ công (bằng CHẾ ĐỘ MT).

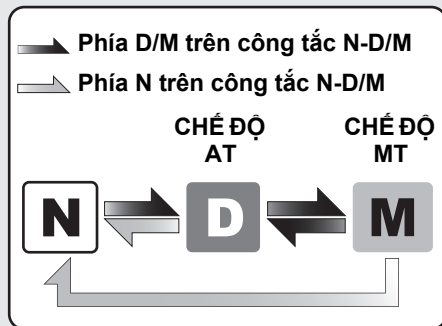
Hộp số ly hợp kép

CMX1100D/D2/D3

Để đáp ứng yêu cầu của người lái trong nhiều tình huống, hộp số được trang bị hai chế độ vận hành, CHẾ ĐỘ AT (D) (sang số tự động để vận hành thường xuyên); và CHẾ ĐỘ MT (M) (sang số thủ công 6 cấp tốc độ), có khả năng sang số tương tự như hộp số thường.

- Khi xe đang vào số (màn hình hiển thị vị trí số), hãy cẩn thận không mở tay ga khi đẩy hoặc kéo xe tiến/lùi, hoặc khi xoay tay lái trong lúc xe đang đứng yên hoặc di chuyển ở tốc độ thấp. Việc mở ga trong những tình huống này có thể khiến xe đột ngột và lao mạnh về phía trước và mất kiểm soát.
- Luôn sử dụng loại lốp và không tải được khuyến dùng nhằm đảm bảo hộp số ly hợp kép hoạt động chính xác.

Hệ thống hộp số ly hợp kép tự kiểm tra ngay sau khi khởi động động cơ. Bạn không thể sang số trong vài giây.



Quy trình sang số (Tiếp theo)

Số N (N): Hộp số tự động đặt ở vị trí số N khi bạn vặn khóa điện sang vị trí **I** (On).

Nếu hộp số không ở vị trí số N khi bạn vặn khóa điện sang vị trí **I (On).**

- ▶ Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) và sau đó sang vị trí **I** (On).
- ▶ Nếu hộp số vẫn không ở vị trí số N sau khi vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off), rồi vặn lại sang vị trí **I** (On). ➡ **T.174**
Bạn có thể nghe thấy tiếng (tách) khi hộp số chuyển sang số N (N). Điều này là bình thường.

Điều kiện có thể thay đổi giữa số N và D

- ▶ Xe dừng và động cơ chạy cầm chừng.
- ▶ Tay ga đóng hoàn toàn. Không thể chuyển từ số N sang D khi đang sử dụng tay ga.
- ▶ Bạn không thể chuyển từ số N sang D khi bánh xe đang quay.
- ▶ Chân chống nghiêng được gạt lên.

LƯU Ý

Để tránh hỏng ly hợp, không dùng tay ga để giữ xe đứng yên trên dốc.

CHẾ ĐỘ AT: Ở chế độ này, số được sang tự động theo điều kiện lái xe.

Bạn cũng có thể lên số hoặc về số tạm thời bằng cách sử dụng công tắc lên số (+) hoặc công tắc về số (-). Những công tắc này rất tiện lợi khi bạn muốn về số tạm thời trước khi cua, v.v. ➡ T.109

Bạn có thể thay đổi mức D khi cần nhiều công suất hơn ở chế độ AT, chẳng hạn như khi vượt, leo dốc, tăng tốc.

Có thể sử dụng dải tốc độ động cơ cao hơn bằng cách tăng mức.

Chỉ có thể thay đổi mức D khi ở chế độ lái USER.

Đề thay đổi mức D: ➡ T.54 ➡ T.98

Chế độ lái: ➡ T.94

CHẾ ĐỘ MT (sang số thủ công 6 cấp độ):
Trong chế độ này, bạn có thể chọn 6 số.

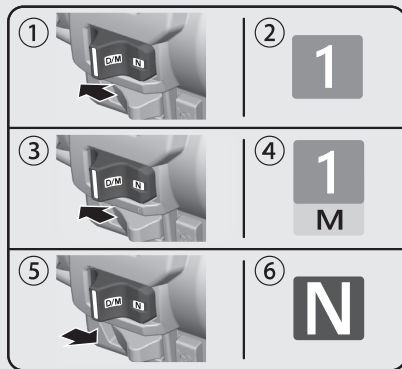
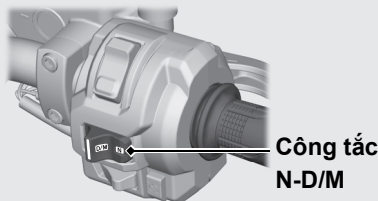
Quy trình sang số (Tiếp theo)

Chuyển đổi giữa số N và CHẾ ĐỘ AT/ CHẾ ĐỘ MT

Chuyển từ số N (N) sang CHẾ ĐỘ AT
 Ấn phía D/M của công tắc N-D/M (①).
 Đèn báo vị trí số hiển thị “1” (②) và số 1
 được chọn.

Chuyển giữa CHẾ ĐỘ AT và CHẾ ĐỘ MT
 Ấn phía D/M của công tắc N-D/M (③).
 Đèn báo M sáng (④) khi chọn CHẾ ĐỘ
 MT.

**Chuyển từ AT hoặc CHẾ ĐỘ MT sang số
 N**
 Ấn phía N trên công tắc N-D/M (⑤).
 Đèn báo vị trí số hiển thị “N” (⑥).



Lái xe ở CHẾ ĐỘ MT

Lên số và về số bằng công tắc lên số (+) và công tắc về số (-).

Số được chọn hiển thị trên đèn báo vị trí số.

- ▶ Nếu CHẾ ĐỘ MT được chọn, hộp số không lên số tự động. Không được để tốc độ động cơ vào vùng đỏ.
- ▶ Hộp số về số tự động khi bạn chạy chậm, ngay cả khi ở CHẾ ĐỘ MT.
- ▶ Bạn sẽ bắt đầu từ số 1 ngay cả khi CHẾ ĐỘ MT được chọn.

Thực hiện sang số

Lên số:

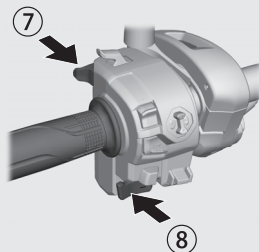
Ấn công tắc lên số (+) (⑦).

Về số:

Ấn công tắc về số (-) (⑧).

Bạn không thể sang số liên tục bằng cách giữ công tắc sang số.

Để tiếp tục sang số, hãy nhả công tắc và ấn lại.



Giới hạn sang số

Bạn không thể về số nếu động cơ vượt quá giới hạn tốc độ.

Điều khiển hành trình

Hệ thống điều khiển hành trình cho phép duy trì tốc độ ổn định trong phạm vi nhất định.

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn và số vận hành được liệt kê dưới đây:

CMX1100A

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn	50 - 160 km/h (30 - 100 mph)
Số vận hành:	Từ số 4 đến số 6

CMX1100D/D2/D3

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn	50 - 160 km/h (30 - 100 mph)
Số vận hành:	Từ số 3 đến số 6

Khi bật điều khiển hành trình, tốc độ của xe vẫn sẽ có sự thay đổi nhỏ, đặc biệt khi lên và xuống dốc.

Hệ thống điều khiển hành trình được thiết kế chỉ để sử dụng trên đường cao tốc thẳng, thoáng và ít phương tiện. Không sử dụng chức năng này trong khu vực nội thành, đường quanh co, trong điều kiện thời tiết xấu hoặc bất kỳ thời điểm nào khi bạn cần kiểm soát toàn bộ tay ga.

⚠ CẢNH BÁO

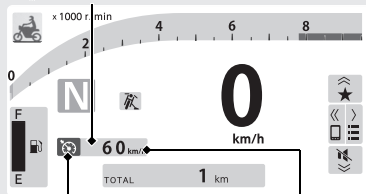
Sử dụng hệ thống điều khiển hành trình không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chỉ sử dụng điều khiển hành trình khi di chuyển trên đường cao tốc thoáng đãng trong thời tiết tốt.

I Để cài đặt điều khiển hành trình

- 1 Đảm bảo tốc độ di chuyển và số vận hành phù hợp với yêu cầu của hệ thống.
 - ▶ Bất cứ tốc độ nào ngoài phạm vi cho phép sẽ không được lưu lại.
- 2 Ấn công tắc kích hoạt chế độ cruise control  (Màn hình cruise control sẽ hiển thị).
- 3 Tăng tốc đến tốc độ mong muốn.
- 4 Gạt núm điều khiển hành trình về phía **SET / -** (Màu sắc đèn báo chính điều khiển hành trình sẽ thay đổi).
 - ▶ Tốc độ di chuyển hiện tại được ghi nhớ, sau đó tốc độ đặt trước được hiển thị trên màn hình.

Màn hình cruise control

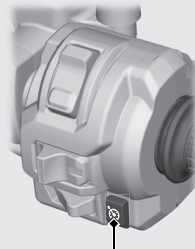


Đèn báo chế độ cruise control

Tốc độ đặt trước cho chế độ cruise control



RES / + **SET / -**
Núm gạt điều khiển



 **Công tắc kích hoạt chế độ cruise control**

Điều khiển hành trình (Tiếp theo)

Để thay đổi tốc độ đặt trước

Để tinh chỉnh tốc độ đặt trước

- 1 Để tăng tốc độ đặt trước: gạt nút điều khiển hành trình về phía **RES / +**.
Để giảm tốc độ đặt trước: gạt nút điều khiển hành trình về phía **SET / -**.
- 2 Tốc độ đặt trước được hiển thị trên màn hình.

Mỗi lần bạn gạt nhanh (gạt và thả tay ngay) vào một bên, tốc độ sẽ thay đổi 1 km/h hoặc 1 mph (tùy thuộc vào đơn vị đo được cài đặt trên đồng hồ đo quãng đường). Mọi tốc độ ngoài phạm vi cài đặt cho phép sẽ không hiển thị (dừng ở tốc độ giới hạn trên hoặc dưới).

Để thay đổi tốc độ đặt trước liên tục

- Để tăng tốc độ đặt trước: gạt và giữ nút điều khiển hành trình về phía **RES / +**. Hệ thống sẽ tăng tốc độ xe tự động. Khi đạt đến tốc độ mong muốn, hãy nhả nút điều khiển hành trình.
Nếu nút điều khiển hành trình được gạt và giữ ở phía **RES / +** liên tục, tốc độ đặt trước hiển thị trên màn hình sẽ dừng ở giới hạn trên của khoảng cài đặt cho phép.
- Để giảm tốc độ: gạt và giữ nút điều khiển hành trình về phía **SET / -**. Hệ thống sẽ giảm tốc độ xe tự động. Khi đạt đến tốc độ mong muốn, hãy nhả nút điều khiển hành trình.

Nếu nút điều khiển hành trình được gạt và giữ ở phía **SET / -** liên tục, tốc độ đặt trước hiển thị trên màn hình sẽ dừng ở giới hạn dưới của khoảng cài đặt cho phép.

Để tăng tốc độ đặt trước thủ công

- ➊ Sử dụng tay ga để tăng tốc đến khi đạt tốc độ mong muốn.
- ➋ Gạt và nhả nút điều khiển hành trình về phía **SET / -**.
 - ▶ Tốc độ đặt trước của hệ thống điều khiển hành trình được đặt bằng tốc độ của xe tại thời điểm nhả tay khỏi nút gạt.

Để tăng tốc độ xe thủ công

- ➊ Sử dụng tay ga như bình thường để tăng tốc.
- ➋ Để quay lại tốc độ đặt trước, hãy thả tay ga và để xe chạy theo quán tính mà không bóp phanh.
 - ▶ Hệ thống điều khiển hành trình sẽ duy trì tốc độ bạn đã cài đặt trước đó.

Để hủy điều khiển hành trình Để ngắt hệ thống

- Ấn công tắc kích hoạt chế độ cruise control. (Đèn báo kích hoạt cruise control tắt và tốc độ đặt trước sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ).

Điều khiển hành trình (Tiếp theo)

Để tạm thời ngắt hệ thống

- 1 Thực hiện một trong các thao tác sau để tạm thời ngắt hệ thống (Đèn báo cài đặt tốc độ cruise control  sẽ tạm thời tắt nhưng tốc độ đặt trước sẽ được lưu lại trong bộ nhớ.)
 - Sử dụng tay phanh hoặc bàn đạp phanh.
 - Xoay tay ga qua vị trí đóng tự động theo chiều giảm tốc.
 - **CMX1100A**
Nhả côn hoặc vận hành cần sang số.

- 2 Để vận hành tiếp hệ thống điều khiển hành trình:

- Nếu bạn duy trì tốc độ trên 50 km/h (30 mph), gạt và nhả nút điều khiển hành trình về phía **RES / +**.
- Nếu tốc độ dưới 50 km/h (30 mph), hãy sử dụng tay ga để tăng tốc độ trên 50 km/h (30 mph), sau đó gạt và nhả nút điều khiển hành trình về phía **RES / +**.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp kích hoạt khi hệ thống phát hiện phanh gấp ở tốc độ khoảng 50 km/h (31 mph) trở lên để cảnh báo các phương tiện phía sau về việc xe phanh đột ngột bằng cách nhấp nháy nhanh cả hai đèn báo rẽ. Điều này giúp cảnh báo các phương tiện phía sau có biện pháp xử lý thích hợp để tránh va chạm với xe của bạn.

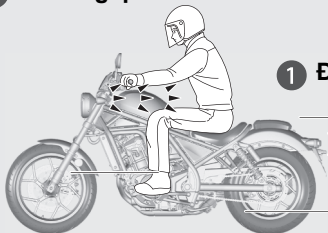
Tín hiệu dừng khẩn cấp ngừng hoạt động khi:

- Nhả phanh.
- Ngắt kích hoạt ABS.
- Xe giảm tốc độ về mức trung bình.
- Ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.

Khi hệ thống được kích hoạt:



1 Phanh gấp



1 Đèn phanh sáng

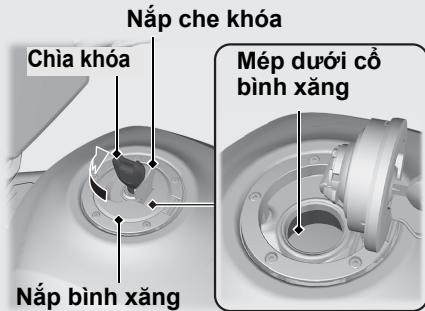
2 Cả hai đèn báo rẽ nhấp

2 Cả hai tín hiệu đèn báo rẽ nhấp nháy

Tín hiệu dừng khẩn cấp *(Tiếp theo)*

- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn chặn va chạm phía sau do phanh gấp. Chúng tôi luôn khuyến cáo tránh phanh gấp trừ trường hợp thật sự cần thiết.
- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi bật công tắc cảnh báo nguy hiểm.
- ▶ Nếu ABS dừng hoạt động trong khoảng thời gian nhất định trong khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động được.

Đổ xăng



Không đổ xăng trên mép dưới của cổ bình xăng.

Loại xăng: Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Ngoại trừ loại IN

Chỉ số ốcc tan: Xe này được thiết kế sử dụng xăng có chỉ số ốcc tan (RON) là 91 hoặc cao hơn.

Loại IN

Chỉ số ốcc tan: Xe này được thiết kế sử dụng xăng có chỉ số ốcc tan (RON) là 90 hoặc cao hơn.

Dung tích bình xăng: 13,6 L (3.59 US gal, 2.99 Imp gal)

Hướng dẫn lựa chọn loại xăng và đổ xăng ➡ T.14

Đổ xăng (Tiếp theo)

Mở nắp bình xăng

Mở nắp che khóa, cắm chìa khóa, và vặn theo chiều kim đồng hồ để mở nắp bình xăng.

Đóng nắp bình xăng

- 1 Sau khi đổ xăng, ấn nắp bình xăng cho tới khi nắp được khóa lại.
- 2 Rút chìa khóa và đóng nắp che khóa.
 - Không thể rút khóa ra nếu nắp bình xăng chưa khóa.

⚠ CẢNH BÁO

Xăng là chất dễ cháy nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý xăng.

- Tắt máy và để động cơ tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và đám cháy.
- Xử lý xăng ở ngoài trời.
- Lau sạch chỗ xăng tràn ngay lập tức.

Ổ cắm USB

Chiếc xe này được trang bị một ổ cắm USB (chỉ dành cho USB loại C).

Ổ cắm USB nằm phía sau bên trái của đồng hồ đo.

Ổ cắm này chỉ dùng để sạc pin.

Bạn phải tự chịu trách nhiệm với các rủi ro khi sử dụng thiết bị USB.

Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng của thiết bị USB trong quá trình sử dụng.

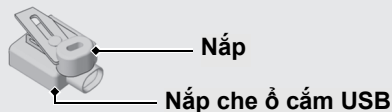
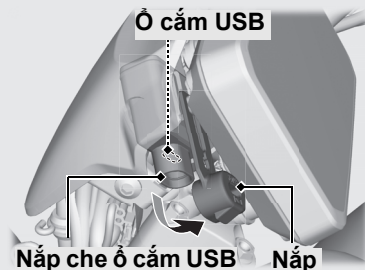
Chỉ có thể kết nối các thiết bị USB có thông số kỹ thuật như sau.

Công suất định mức USB loại C là:

15 W (5 V, 3,0 A)

Để kết nối thiết bị USB

- 1 Tháo nắp khỏi nắp che ổ cắm USB.
▶ Nắp có thể được đặt trên nắp ổ cắm USB.



- 2 Kết nối dây cáp USB đạt tiêu chuẩn với ổ cắm USB.

Ổ cắm USB (Tiếp theo)

- ▶ Để tránh tình trạng bình điện yếu (hoặc hết điện), để động cơ chạy khi sử dụng điện từ ổ cắm.
- ▶ Để tránh vật lạ xâm nhập vào ổ cắm, đảm bảo đóng nắp lên ổ cắm USB.
- ▶ Cố định cẩn thận các thiết bị đã kết nối, vì thiết bị có thể bị hỏng hoặc tuột ra khi gặp rung lắc.

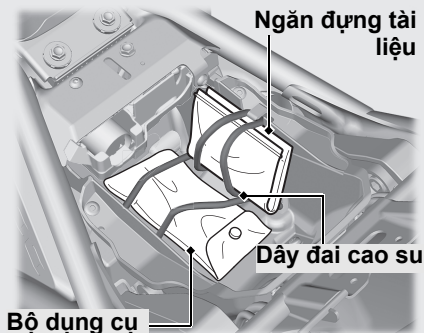
LƯU Ý

- Sử dụng các thiết bị USB sinh nhiệt hoặc thiết bị USB có định mức không phù hợp có thể làm hỏng ổ cắm.
- Không dùng ổ cắm USB trong điều kiện ẩm ướt như khi rửa xe hoặc bất kỳ điều kiện ẩm ướt nào khác vì sẽ làm hỏng ổ cắm USB.
- Không để dây USB bị vướng hoặc kẹt lại.
- Không để dây USB vướng vào cổ lái hoặc các nút điều khiển.

Hộp đựng đồ

Ngăn đựng tài liệu/công cụ

Bộ dụng cụ và ngăn đựng tài liệu được cố định dưới yên xe bằng dây cao su.



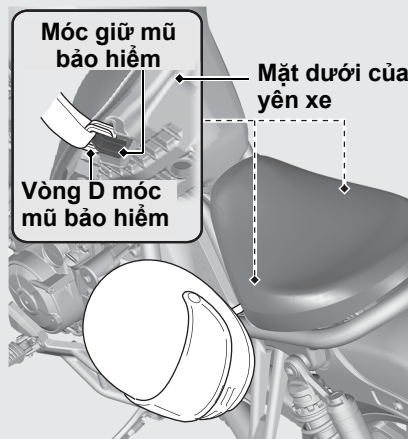
Tháo yên ➡ T.147

Hộp đựng đồ (Tiếp theo)

Móc giữ mũ bảo hiểm

Móc giữ mũ bảo hiểm nằm dưới yên xe.

- Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi dựng xe.



Tháo yên ➡ T.147

⚠ CẢNH BÁO

Treo mũ bảo hiểm vào móc khi lái xe có thể gây cản trở khả năng vận hành xe an toàn và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

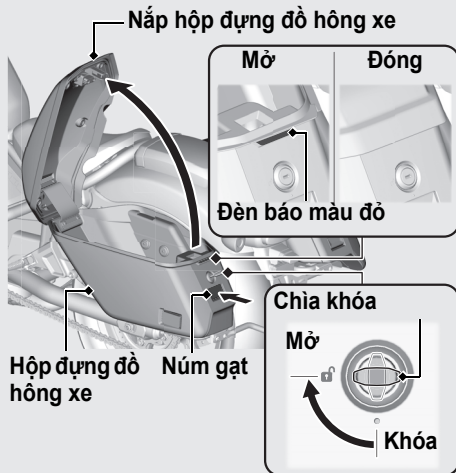
Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi dựng xe. Không lái xe khi mũ bảo hiểm vẫn được treo ở móc.

Hộp đựng đồ hông xe

CMX1100D2

Không được vượt quá khối lượng trọng tải tối đa.

Trọng lượng tối đa: 5,0 kg (11.0 lb)



Mở hộp đựng đồ hông xe

Cách mở hộp đựng đồ hông xe sườn trái và phải là như nhau.

- ① Cắm chìa khóa và vận theo chiều kim đồng hồ.
- ② Gạt nút gạt.
- ③ Mở nắp hộp đựng đồ hông xe.

Đóng hộp đựng đồ hông xe

- ① Ấn nắp xuống cho đến khi đóng chặt.
- ② Vận khóa điện sang vị trí Lock (Khóa) và rút chìa khóa ra.

Sau khi đóng nắp hộp đựng đồ hông xe, thử kéo nhẹ nắp lên để đảm bảo nắp được đóng chặt chưa.

Trước khi lái xe, hãy luôn đảm bảo rằng đèn báo màu đỏ đã được tắt và hộp đựng đồ đã được đóng lại.

- Không để đồ có giá trị hoặc đồ dễ vỡ bên trong khu vực này.
- Hộp đựng đồ không chống nước hoàn toàn và nước có thể ngấm vào khi rửa xe, khi gặp mưa, v.v.
- Để giảm thiểu sự mất thăng bằng, tải trọng ở hai bên phải bằng nhau.

Bảo dưỡng

Vui lòng đọc kỹ phần "Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng" và "Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản" trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng. Tham khảo phần "Thông số kỹ thuật" để biết thêm các thông tin.

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng ...	T. 125
Lịch bảo dưỡng	T. 126
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	T. 131
Bộ dụng cụ	T. 143
Tháo & lắp các bộ phận thân xe	T. 144
Bình điện	T. 144
Kẹp	T. 146
Yên xe	T. 147
Ốp sườn	T. 148
Dầu động cơ	T. 149
Dung dịch làm mát	T. 151
Phanh	T. 153

Chân chống nghiêng	T. 157
Xích tải	T. 158
Côn/Ly hợp	T. 160
Tay ga	T. 163
Các điều chỉnh khác	T. 164
Điều chỉnh tay phanh	T. 164
Điều chỉnh giảm xóc trước	T. 165
Điều chỉnh giảm xóc sau	T. 166

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Bảo dưỡng xe đúng cách là điều kiện thiết yếu để đảm bảo cho sự an toàn của bạn, giúp tiết kiệm chi phí sửa chữa xe, giúp xe đạt được tính năng hoạt động tốt nhất, tránh xảy ra hỏng hóc và giảm lượng ô nhiễm không khí. Bảo dưỡng xe là trách nhiệm của người sử dụng. Hãy đảm bảo kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện kiểm tra xe định kỳ theo đúng lịch bảo dưỡng. ➡ T. 126

CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không khắc phục lỗi trước khi lái có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo những hướng dẫn về lịch kiểm tra và bảo dưỡng xe trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.

An toàn bảo dưỡng

Luôn đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng và chắc chắn bạn có đủ dụng cụ, phụ tùng thay thế và có kỹ năng sửa chữa cần thiết.

Chúng tôi khó có thể cảnh báo hết cho bạn tất cả những mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định được liệu bạn có nên thực hiện mục bảo dưỡng đó hay không.

Làm theo các hướng dẫn sau mỗi khi thực hiện công việc bảo dưỡng.

- Tắt máy và rút chìa khóa ra.
- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn bằng chân chống nghiêng, hoặc chân chống bảo dưỡng để hỗ trợ.
- Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết nhiệt độ cao khác nguội hẳn trước khi sửa chữa để tránh bị bỏng.
- Chỉ nổ máy khi được hướng dẫn và ở nơi thông thoáng.

Lịch bảo dưỡng

Lịch bảo dưỡng đưa ra những yêu cầu bảo dưỡng cần thiết để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, giúp cho xe đạt được tính năng hoạt động đáng tin cậy và kiểm soát khí xả hợp lý.

Bảo dưỡng phải tuân theo đúng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Honda đưa ra, phải được thực hiện bởi những kỹ thuật viên được đào tạo và được trang bị các dụng cụ sửa chữa cần thiết. Cửa hàng xe phân khối lớn Honda là nơi có thể đáp ứng được tất cả các yêu cầu trên. Hãy ghi chép lại chính xác quá trình bảo dưỡng để đảm bảo chiếc xe của bạn được bảo dưỡng đầy đủ, đúng cách. Hãy đảm bảo rằng người thực hiện công việc bảo dưỡng xe cho bạn đã ghi đầy đủ thông tin vào tờ phiếu bảo dưỡng.

Tất cả các công đoạn bảo dưỡng định kỳ sẽ được tính là chi phí vận hành thông thường của chủ xe và bạn cần trả chi phí này cho Cửa hàng xe phân khối lớn Honda. Hãy giữ lại tất cả các phiếu/biên lai bảo dưỡng. Nếu bán xe, nên chuyển giao các phiếu/biên lai này cho chủ xe mới.

Honda khuyến cáo Cửa hàng xe phân khối lớn Honda nên chạy thử xe cho bạn sau mỗi lần kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Loại FO, KO, U

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái T. 131	Tần suất *1						Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	12	24	36	48			
		× 1.000 dặm	0,6	8	16	24	32			
Đường ống xăng				K	K	K	K	K		-
Mức xăng		K								-
Hoạt động của tay ga		K		K	K	K	K	K		163
Lọc gió*2					T		T			-
Thông hơi vách máy*3				V	V	V	V			-
Bugì					K		T			-
Khe hở xu páp					K		K			-
Dầu động cơ		K	T	T	T	T	T	T		-
Lọc dầu động cơ			T		T		T			-
Lọc dầu ly hợp*5			T		T		T			-
Tốc độ cảm chừng động cơ				K	K	K	K	K		-
Dung dịch làm mát kết tủa nhiệt*4		K		K	K	K	K	K	3 năm	151
Hệ thống làm mát				K	K	K	K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ					K		K			-
Hệ thống kiểm soát khí xả					K		K			-

Mức độ bảo dưỡng

-  : Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện việc sửa chữa xe nếu bạn không có đủ dụng cụ và kỹ năng cơ khí cần thiết.
Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
-  : Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- T** : Thay thế
- B** : Bôi trơn
- V** : Vệ sinh

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng		Kiểm tra trước khi lái 	Tần suất ^{*1}					Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
			× 1.000 km	1	12	24	36			
			× 1.000 dặm	0,6	8	16	24			
Xích tải		K	Khoảng 1.000 km (600 dặm): K B							158
Đệm đỡ xích tải					K	K	K	K		159
Dầu phanh ^{*4}		K			K	K	K	K	2 năm	153
Độ mòn má phanh		K			K	K	K	K		154
Hệ thống phanh					K	K	K	K		131
Công tắc đèn phanh					K	K	K	K		156
Hoạt động của khóa phanh ^{*5}					K	K	K	K		155
Độ rơi đèn pha					K	K	K	K		–
Đèn/còi		K								–
Công tắc ngắt động cơ		K								–
Hệ thống ly hợp ^{*6}		K			K	K	K	K		160
Chân chống nghiêng		K			K	K	K	K		157
Giảm xóc					K	K	K	K		166
Ốc, bu lông, chốt					K	K	K	K		–
Bánh xe/lốp xe		K			K	K	K	K		140
Vòng bi cổ lái					K	K	K	K		–

Lưu ý:

^{*1} : Khi quãng đường đi được cao hơn khoảng bảo dưỡng trên thì tiếp tục lặp lại chu kỳ ^{*4} : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa. bảo dưỡng này. ^{*5} : Chỉ dành cho CMX1100D2/D3

^{*2} : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt, hoặc bụi bẩn. ^{*6} : Chỉ dành cho CMX1100A

^{*3} : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe dưới trời mưa hoặc chạy ở tốc độ cao.

Loại PH, IN, TH, V

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái T. 131	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Đường ống xăng					K		K		K	K		-
Mức xăng	K											-
Hoạt động của tay ga	K				K		K		K	K		163
Lọc gió*2						T			T			-
Thông hơi vách máy*3				V	V	V	V	V	V			-
Bugì			Khoảng 24.000 km (16.000 dặm): K Khoảng 48.000 km (32.000 dặm): T									-
Khe hở xu páp							K					-
Dầu động cơ	K		T	T	T	T	T	T	T	T		-
Lọc dầu động cơ			T		T		T		T			-
Lọc dầu ly hợp			T				T					-
Tốc độ cầm chừng động cơ					K		K		K	K		-
Dung dịch làm mát kết tủa nhiệt*4	K				K		K		K	K	3 năm	151
Hệ thống làm mát					K		K		K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ							K					-
Hệ thống kiểm soát khí xả							K					-

Mức độ bảo dưỡng

- : Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện việc sửa chữa xe nếu bạn không có đủ dụng cụ và kỹ năng cơ khí cần thiết. Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
- : Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- T** : Thay thế
- B** : Bôi trơn
- V** : Vệ sinh

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái  T. 131	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Xích tải		Khoảng 1.000 km (600 dặm):  										158
Đệm đỡ xích tải												159
Dầu phanh *4											2 năm	153
Độ mòn má phanh												154
Hệ thống phanh												131
Công tắc đèn phanh												156
Hoạt động của khóa phanh												155
Độ rọi đèn pha												–
Đèn/còi												–
Công tắc ngắt động cơ												–
Chân chống nghiêng												157
Giảm xóc												166
Ốc, bu lông, chốt												–
Bánh xe/lốp xe	 											140
Vòng bi cổ lái												–

Lưu ý:

*1 : Khi quãng đường đi được cao hơn khoảng bảo dưỡng trên thì tiếp tục lặp lại chu kỳ bảo dưỡng này.

*2 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt, hoặc bụi bẩn.

*3 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe dưới trời mưa hoặc chạy ở tốc độ cao.

Kiểm tra xe trước khi lái

Để đảm bảo an toàn, bạn cần có trách nhiệm kiểm tra xe và chắc chắn không còn trục trặc nào trước khi lái xe. Kiểm tra xe trước khi lái là nhiệm vụ bắt buộc để đảm bảo sự an toàn, bởi vì chỉ cần một hỏng hóc nhỏ như lốp xì hơi cũng có thể gây phiền hà cho bạn.

Kiểm tra các mục sau đây trước khi lên xe:

- **Mức xăng** - Đổ xăng vào bình nếu cần ➤ T. 117
- **Tay ga** - Kiểm tra để đảm bảo tay ga hoạt động êm ở mọi vị trí của cổ lái, cả khi mở ga và đóng ga hoàn toàn ➤ T. 163
- **Mức dầu động cơ** - Đổ thêm dầu động cơ nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không ➤ T. 149
- **Mức dung dịch làm mát** - đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không ➤ T. 151
- **Xích tải** - Kiểm tra tình trạng và độ chùng xích tải, điều chỉnh và bôi trơn nếu cần ➤ T. 158

- **Phanh** - Kiểm tra hoạt động của phanh; Phanh trước và phanh sau: kiểm tra mực dầu phanh và độ mòn má phanh ➤ T. 153, ➤ T. 154
- **Đèn và còi** - Kiểm tra đèn, đèn báo và còi xem có hoạt động đúng chức năng không
- **Công tắc ngắt động cơ** - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không ➤ T. 84
- **CMX1100A**
Côn - Kiểm tra hoạt động của côn; Điều chỉnh hành trình tự do nếu cần. ➤ T. 160
- **Hệ thống tắt máy bằng chân chống nghiêng** - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không ➤ T. 157
- **Bánh xe và lốp xe** - Kiểm tra tình trạng, áp suất lốp và điều chỉnh nếu cần ➤ T. 140
- **Kiểm tra chắc chắn** không để các vật liệu dễ cháy mắc vào bên trong xe hoặc khu vực ổ khóa.

Thay thế phụ tùng

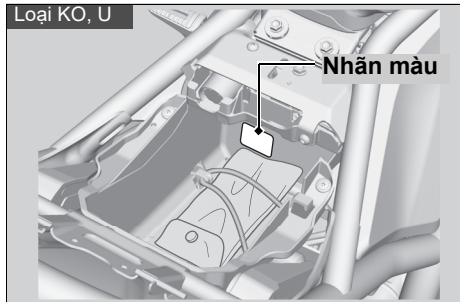
Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương để đảm bảo an toàn và độ bền của xe.

Loại KO, U

Khi đặt mua các linh kiện có màu, hãy chỉ rõ tên xe, màu sắc và mã được liệt kê trong nhãn màu.

Nhãn màu được gắn vào hộp đầu nối dưới yên xe. ➡ T. 147

Loại KO, U



⚠ CẢNH BÁO

Lắp phụ tùng không chính hãng của Honda có thể gây mất an toàn cho xe và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương được thiết kế và áp dụng cho chiếc xe này.

Bình điện

Chiếc xe này sử dụng loại bình điện không cần bảo dưỡng. Không cần kiểm tra mức dung dịch điện phân hoặc đổ thêm nước cất. Vệ sinh các cực bình điện nếu bị bẩn hoặc mòn điện cực.

Không được tháo dải chắn nắp bình điện.
Không cần tháo nắp bình điện khi sạc.

LƯU Ý

Bình điện của loại xe này thuộc loại không cần bảo dưỡng và có thể hỏng nếu tháo dải chắn nắp bình điện.



Biểu tượng này trên bình điện nghĩa là không được xử lý sản phẩm như rác thải sinh hoạt.

LƯU Ý

Thải bỏ bình điện không đúng cách có thể gây hại cho môi trường và sức khỏe con người.

Luôn tuân theo quy định của địa phương về hướng dẫn xử lý bình điện đúng cách.

■ Hướng dẫn trong trường hợp khẩn cấp

Nếu một trong những hiện tượng sau xảy ra, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

- Dung dịch điện phân bắn vào mắt:
 - ▶ Rửa mắt nhiều lần bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Dùng nước có áp lực có thể làm tổn thương mắt.
- Dung dịch điện phân bắn lên da:
 - ▶ Cởi bỏ quần áo dính dung dịch và rửa sạch vùng da bằng nước.
- Dung dịch điện phân bắn vào miệng:
 - ▶ súc miệng bằng nước sạch và không được nuốt.

⚠ CẢNH BÁO

Ở điều kiện hoạt động bình thường, bình điện tạo ra khí hydro có thể gây nổ.

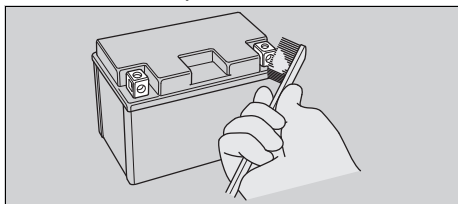
Tia lửa hay nguồn lửa có thể khiến bình điện phát nổ với lực đủ để có thể làm tổn thương hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng của bạn.

Nên để thợ có tay nghề thực hiện công việc bảo dưỡng bình điện này. Người thực hiện công việc bảo dưỡng cần mặc đồ bảo hộ và đeo kính bảo hộ.

■ Vệ sinh các cực bình điện

1. Tháo bình điện. ➡ T. 144
2. Nếu các cực bình điện có dấu hiệu bị ăn mòn và bị bám muội trắng, hãy rửa bằng nước ấm và lau sạch.

3. Nếu các cực bình điện bị mòn quá mức, hãy vệ sinh và đánh bóng các điện cực bằng bàn chải sợi thép hoặc giấy nhám. Đeo kính bảo hộ.



4. Lắp lại bình điện sau khi vệ sinh xong.

Bình điện có tuổi thọ giới hạn. Tham khảo ý kiến của Cửa hàng xe phân khối lớn Honda khi cần thay thế bình điện. Luôn thay thế bình điện cùng loại với bình điện cũ.

LƯU Ý

Lắp phụ kiện điện không chính hãng Honda có thể gây quá tải hệ thống điện, làm tiêu hao điện áp và có thể gây hư hỏng hệ thống.

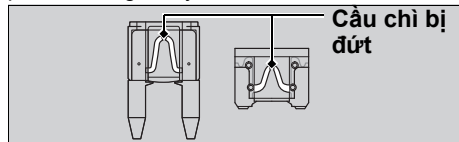
Cầu chì

Cầu chì dùng để bảo vệ mạch điện trên xe. Nếu một chi tiết điện nào trên xe không hoạt động, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì bị hỏng.

➤ T. 181

■ Kiểm tra và thay thế cầu chì

Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) để tháo và kiểm tra cầu chì. Nếu cầu chì bị đứt, hãy thay cầu chì có cùng thông số với cầu chì cũ. Để biết thông số của cầu chì, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật." ➤ T. 207



LƯU Ý

Thay thế cầu chì có thông số cao hơn có thể làm tăng khả năng hư hỏng hệ thống điện.

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Dầu động cơ

Mức độ tiêu hao dầu động cơ là khác nhau và chất lượng dầu giảm tùy theo thời gian sử dụng và điều kiện lái xe.

Kiểm tra mức dầu động cơ thường xuyên và đổ thêm dầu khuyến dùng vào nếu cần. Dầu cũ hoặc bẩn cần được thay càng sớm càng tốt.

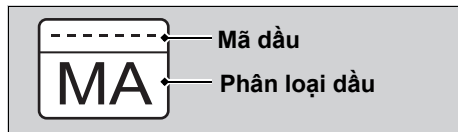
Lựa chọn dầu động cơ

Để biết loại dầu động cơ khuyến dùng, hãy tham khảo phần “Thông số kỹ thuật.” T. 206

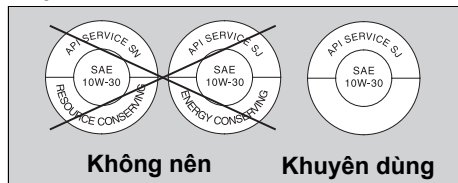
Nếu sử dụng dầu động cơ không chính hãng Honda, hãy kiểm tra nhãn hiệu dầu để chắc chắn đạt tất cả các tiêu chí sau:

- Tiêu chuẩn JASO T 903*¹: MA
- Tiêu chuẩn SAE*²: 10W-30
- Phân loại API*³: SJ hoặc cao hơn

- *1. Tiêu chuẩn JASO T 903 là một chỉ số dùng để chọn dầu động cơ cho động cơ xe máy 4 kỳ. Gồm có hai loại: MA và MB. Ví dụ: nhãn sau để nhận biết loại dầu MA.



- *2. Tiêu chuẩn SAE phân loại dầu theo độ nhớt.
*3. Phân loại API quy định chất lượng và tính năng hoạt động của dầu động cơ. Sử dụng dầu SJ hoặc cao hơn, ngoại trừ loại có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving" ở vòng ngoài của nhãn API.



Dầu phanh

Không tự đổ thêm hoặc thay thế dầu phanh, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Chỉ sử dụng dầu phanh sạch đựng trong bình kín. Nếu lỡ đổ thêm dầu phanh, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra, sửa chữa ngay khi có thể.

LƯU Ý

Dầu phanh có thể phá hủy các bề mặt sơn và nhựa. Lau sạch chỗ dầu phanh tràn ngay lập tức và rửa sạch sẽ.

Dầu phanh khuyến dùng:

Dầu phanh Honda DOT 4 hoặc loại tương đương

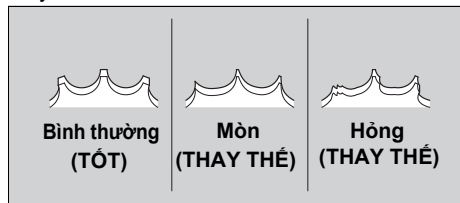
Xích tải

Xích tải phải được kiểm tra và bôi trơn đều đặn. Kiểm tra xích tải thường xuyên hơn nếu lái xe trên đường xấu, lái xe với tốc độ cao hoặc khi phải tăng tốc nhanh nhiều lần.

📖 T. 158

Nếu xích tải không di chuyển êm, gây ra tiếng ồn lạ, bị hỏng con lăn, lỏng chốt nối, thiếu phốt O, hoặc bị xoắn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng thời hãy kiểm tra nhông dẫn động và nhông bị động. Nếu răng của một trong hai nhông tải bị mòn hoặc hư hỏng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.



LƯU Ý

Sử dụng xích tải mới cùng với nhông đã mòn sẽ khiến xích nhanh bị mòn.

▮ Vệ sinh và bôi trơn xích tải

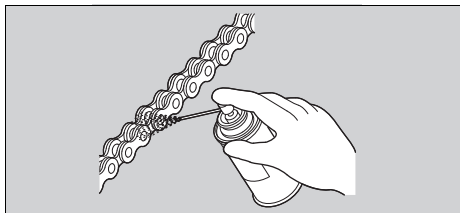
Sau khi kiểm tra độ chùng xích, hãy vệ sinh xích tải và nhông tải trong khi quay bánh sau. Dùng vải mềm thấm chất tẩy rửa được thiết kế riêng cho xích có phốt O hoặc chất tẩy rửa trung tính. Sử dụng bàn chải sợi mềm để vệ sinh xích nếu xích bị bẩn.

Sau khi vệ sinh, lau khô và bôi trơn bằng dầu bôi trơn khuyến dùng.

Dầu bôi trơn khuyến dùng:

Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O.

Nếu không có, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.



Không dùng thiết bị vệ sinh dạng hơi, thiết bị vệ sinh cao áp, bàn chải kim loại, dung môi dễ bay hơi như xăng và benzen, chất tẩy rửa có tính ăn mòn, chất tẩy rửa xích tải hoặc dầu bôi trơn KHÔNG được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O vì các chất này có thể làm hỏng phốt O cao su.

Tránh để dầu bôi trơn bám vào phanh hoặc lốp xe. Tránh bôi quá nhiều dầu bôi trơn xích để ngăn ngừa việc dầu bắn lên quần áo và xe của bạn.

Dung dịch làm mát khuyến dùng

Loại KO, U

Dung dịch làm mát Pro Honda HP là loại dung dịch bao gồm nước cất và chất chống đông.

Tỉ lệ:

50% chất chống đông và 50% nước cất

Chất chống đông chiếm tỉ lệ dưới 40% sẽ không đủ khả năng bảo vệ chống ăn mòn và đảm bảo nhiệt độ lạnh thích hợp.

Nồng độ lên đến 60% sẽ có khả năng bảo vệ tốt hơn ở điều kiện khí hậu lạnh.

Ngoại trừ loại KO, U

Chỉ sử dụng dung dịch làm mát PRE-MIX HONDA chính hãng mà không cần pha loãng với nước. Dung dịch làm mát PRE-MIX HONDA có khả năng chống ăn mòn và quá nhiệt rất hiệu quả.

Nên kiểm tra và thay thế dung dịch làm mát đúng theo lịch bảo dưỡng. ➡ T. 126

LƯU Ý

Sử dụng dung dịch làm mát không chuyên dụng cho động cơ bằng nhôm hoặc sử dụng nước máy/nước khoáng có thể gây ăn mòn động cơ.

Ống thông hơi vách máy

Thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu lái xe dưới trời mưa, chạy ở tốc độ cao, sau khi rửa xe hoặc bị đổ xe. Bạn cần bảo dưỡng nếu quan sát thấy mức cặn bẩn ở phần trong suốt của ống xả cặn.

Nếu ống xả cặn bị tràn, bộ lọc gió có thể nhiễm bẩn dầu động cơ và gây ra tình trạng động cơ hoạt động kém.

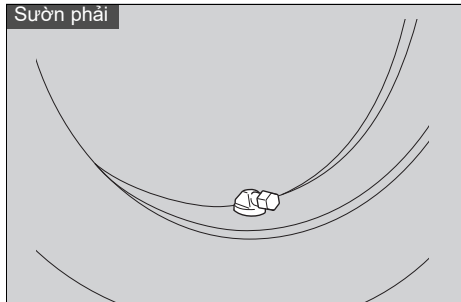
Lốp xe (Kiểm tra/Thay thế)

Kiểm tra áp suất lốp

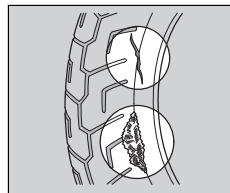
Kiểm tra lốp bằng mắt thường và sử dụng đồng hồ đo áp suất để đo áp suất lốp ít nhất một lần mỗi tháng hay bất cứ khi nào thấy lốp bị non hơi. Luôn kiểm tra áp suất khi lốp nguội.

Ngay cả khi hướng của thân van thay đổi, không được xoay lại vị trí cũ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Sườn phải



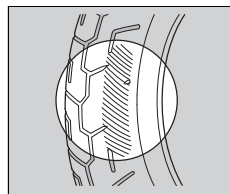
Kiểm tra hư hỏng lốp



Kiểm tra lốp xem có vết cắt hoặc nứt làm lộ phần lõi bên trong lốp ra ngoài hoặc bị vật nhọn cắm vào thành lốp hoặc gai lốp hay không. Đồng thời kiểm tra xem lốp

có bị phình to hoặc phồng lên ở hai bên thành lốp không.

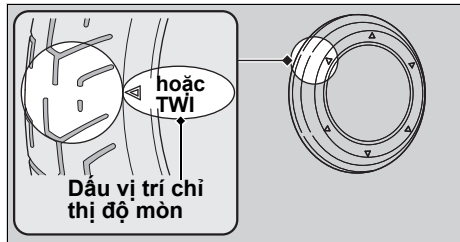
Kiểm tra mòn bất thường



Kiểm tra lốp xem có dấu hiệu mòn bất thường trên bề mặt tiếp xúc không.

■ Kiểm tra độ sâu gai lốp

Kiểm tra dấu chỉ thị độ mòn gai lốp. Nếu nhìn thấy dấu này lộ ra, hãy thay lốp ngay lập tức. Để lái xe an toàn, hãy thay thế lốp xe ngay khi lốp xe mòn đến độ sâu gai lốp tối thiểu.



TWI: Dấu chỉ độ mòn gai lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe bị mòn quá mức hoặc không được bơm đúng áp suất là những nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Hãy thực hiện theo những hướng dẫn về bơm lốp và bảo dưỡng lốp xe trong tài liệu hướng dẫn này.

Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp.

Để biết thông tin về lốp khuyến dùng, áp suất lốp và độ sâu gai lốp tối thiểu, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật". ■ T. 206

Thực hiện theo những hướng dẫn sau mỗi khi thay lốp.

- Sử dụng lốp khuyến dùng hoặc loại lốp có cùng kích cỡ, cấu trúc, dải tốc độ và giới hạn trọng tải tương ứng với loại cũ để thay thế.
- Hãy cân bằng bánh xe bằng cách sử dụng đối trọng cân bằng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương sau khi thay lốp mới.
- Không lắp thêm săm vào trong lốp xe. Tích tụ nhiệt quá mức có thể làm nổ lốp.
- Loại xe này chỉ sử dụng lốp không săm. Vành xe được thiết kế dành riêng cho loại lốp không săm, trong quá trình tăng tốc hoặc phanh gấp thì kiểu lốp có săm sẽ bị trượt ra khỏi vành và nhanh chóng xì hơi.

CẢNH BÁO

Lắp lốp xe không đúng cách có thể gây ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và sự ổn định của xe, dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe đúng kích cỡ, đúng chủng loại theo như khuyến cáo trong hướng dẫn sử dụng này.

Bộ dụng cụ

Bạn có thể thực hiện việc sửa chữa, điều chỉnh nhỏ hoặc thay thế phụ tùng trên đường bằng những dụng cụ được trang bị này.

Bộ dụng cụ được để dưới yên xe. ➡ T. 147

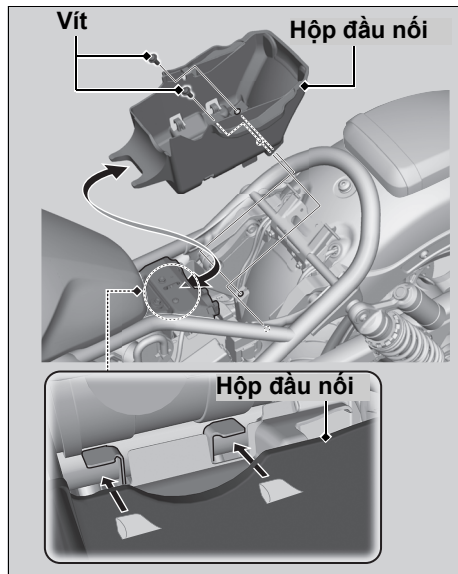
- Tua vít Phillips/tiêu chuẩn
- Cần tua vít
- Cờ lê tháo đầu 10 x 14 mm
- Cờ lê lục giác 5 mm
- Cờ lê lục giác 6 mm
- Cờ lê móc
- Thanh nối

Bình điện

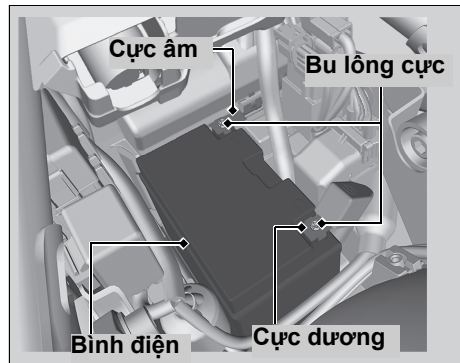
Tháo

Kiểm tra chắc chắn khóa điện đã ở vị trí **O** (Off).

1. Tháo yên xe, ốp sườn trái và phải.
➡ T. 147, ➡ T. 148
2. Tháo các vít ra để tháo hộp đầu nổi.



3. Tháo cực âm $\ominus$ ra khỏi bình điện.



4. Tháo cực dương $\oplus$ ra khỏi bình điện.

5. Tháo bình điện một cách cẩn thận tránh làm rơi các ốc cực.

- Tạm thời siết chặt bu lông cực vào ốc cực khi tháo bình điện.

I Lắp

Lắp các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo. Luôn nhớ nối cực dương $\oplus$ vào trước. Siết chặt các bu lông và đai ốc. Đảm bảo rằng các thông tin hiển thị trên đồng hồ phải chính xác sau khi lắp lại bình điện. ► T. 66

Để sử dụng bình điện đúng cách, hãy tham khảo phần

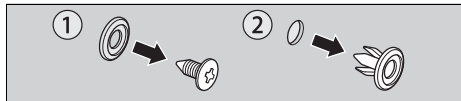
"Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản". ► T. 133

"Hỏng bình điện." ► T. 180

Kẹp

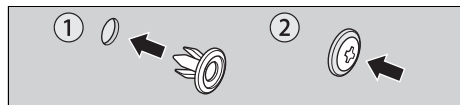
Tháo

1. Dùng tua vít Phillips để tháo chốt.
2. Kéo kẹp ra khỏi lỗ.

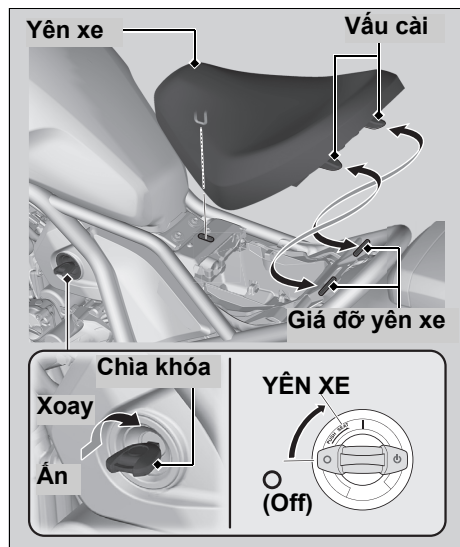


Lắp

1. Đưa kẹp vào lỗ.
2. Ấn chốt vào.



Yên xe



Tháo

1. Ấn chìa khóa xuống, vận khóa sang vị trí SEAT.
2. Kéo yên xe lên và nâng về phía trước.

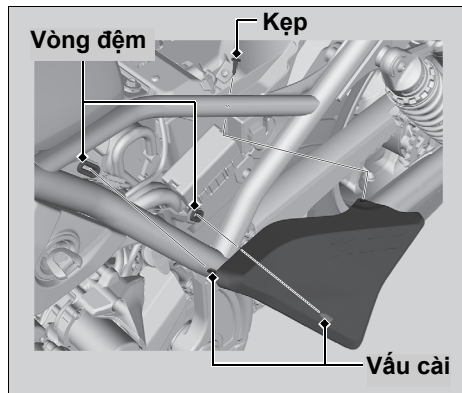
Lắp

1. Cài vấu dưới giá đỡ yên xe.
2. Ấn phần trước của yên xe về phía sau và hạ xuống cho đến khi khóa yên xe. Kiểm tra yên xe xem có được khóa chặt không bằng cách nhấc nhẹ yên xe lên.

Yên xe tự động khóa khi đóng lại.

Cẩn thận không để quên chìa khóa bên trong hộp đựng đồ dưới yên xe.

Ốp sườn



Ốp sườn trái và phải có thể tháo theo cùng một cách.

Tháo

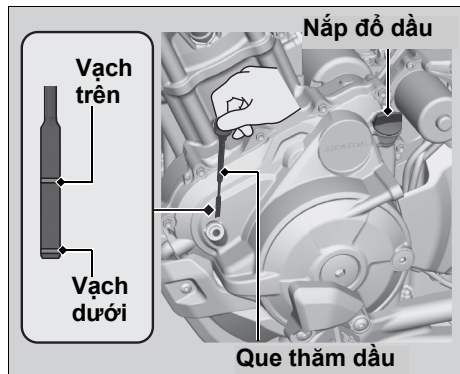
1. Tháo yên xe. ► T. 147
2. Tháo kẹp. ► T. 146
3. Tháo các vấu cài ra khỏi vòng đệm.
4. Tháo ốp sườn.

Lắp

Lắp các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

Kiểm tra dầu động cơ

1. Nếu động cơ nguội, để động cơ nổ cầm chừng từ 3 đến 5 phút.
2. Vận khóa điện sang vị trí **○** (Off) và đợi từ 2 - 3 phút.
3. Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
4. Tháo que thăm dầu ra và lau sạch.
5. Lắp que thăm dầu vào cho đến khi que chạm đáy, nhưng không xoáy que vào.
6. Kiểm tra mực dầu có nằm giữa vạch trên và vạch dưới trên que thăm dầu không.
7. Lắp chặt que thăm dầu.



Đổ thêm dầu động cơ

Nếu dầu động cơ ở mức dưới hoặc gần chạm dấu vạch dưới, hãy đổ thêm dầu động cơ khuyến dùng. ► T. 136, ► T. 206

1. Tháo nắp đổ dầu. Đổ dầu khuyến dùng cho đến khi chạm dấu vạch trên.
 - Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn khi kiểm tra mực dầu.
 - Không đổ dầu tràn quá dấu vạch trên.
 - Hãy đảm bảo không có vật lạ lọt vào qua lỗ đổ dầu.
 - Lau sạch chỗ dầu tràn ngay lập tức.
2. Đảm bảo lắp nắp đổ dầu vào chắc chắn.

LƯU Ý

Đổ quá nhiều dầu hoặc vận hành xe thiếu dầu có thể gây hư hỏng động cơ. Không được hòa trộn các loại dầu có nhãn hiệu và phẩm cấp khác nhau. Việc này có thể ảnh hưởng không tốt đến hoạt động bôi trơn và tính năng của ly hợp.

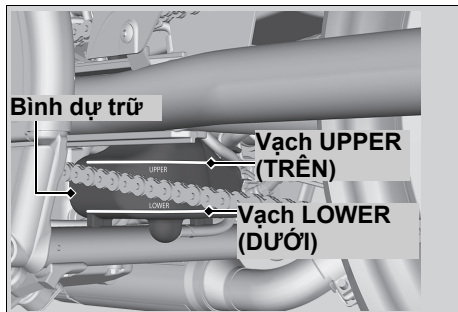
Để biết loại dầu khuyến dùng và hướng dẫn lựa chọn dầu, hãy tham khảo phần “Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản.” ► T. 136

Kiểm tra dung dịch làm mát

Kiểm tra lượng dung dịch làm mát trong bình dự trữ khi động cơ nguội.

1. Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Giữ cho xe thẳng đứng.
3. Kiểm tra mức dung dịch làm mát có nằm giữa vạch TRÊN (UPPER) và vạch DƯỚI (LOWER) trong bình dự trữ không.

Nếu thấy lượng dung dịch làm mát giảm nhanh hoặc cạn hết, có khả năng dung dịch làm mát đã bị rò rỉ nghiêm trọng. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Đổ thêm dung dịch làm mát

Nếu lượng dung dịch làm mát nằm dưới vạch DƯỚI (LOWER), hãy đổ thêm dung dịch làm mát khuyến dùng (T. 138) cho đến khi chạm vạch TRÊN (UPPER). Chỉ đổ thêm dung dịch làm mát qua nắp bình dự trữ, không được tháo nắp kết tẩn nhiệt.

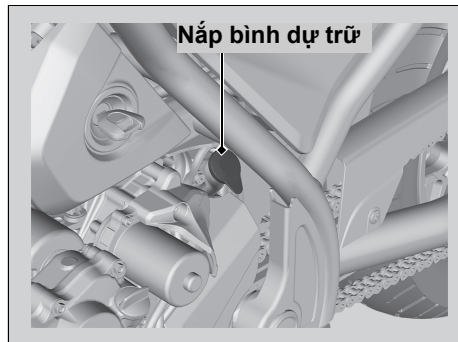
Dung dịch làm mát ► Đổ thêm dung dịch làm mát

1. Tháo nắp bình dự trữ và đổ thêm dung dịch làm mát vào bình, đồng thời chú ý lượng dung dịch làm mát.
 ► Không đổ dung dịch làm mát tràn quá vạch **TRÊN (UPPER)**.
 ► Hãy đảm bảo không có vật lạ lọt vào qua miệng bình dự trữ.
2. Lắp lại thật chặt nắp bình dự trữ.

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt trong khi động cơ còn nóng có thể làm dung dịch làm mát bắn ra ngoài có khả năng gây bỏng.

Luôn để động cơ và bộ tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.



Kiểm tra dầu phanh

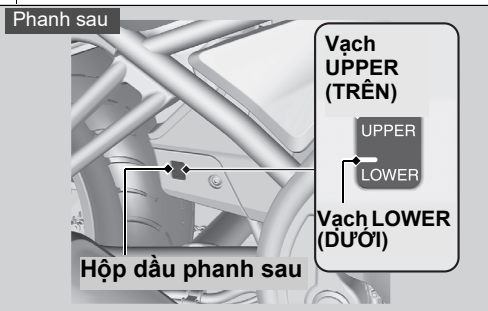
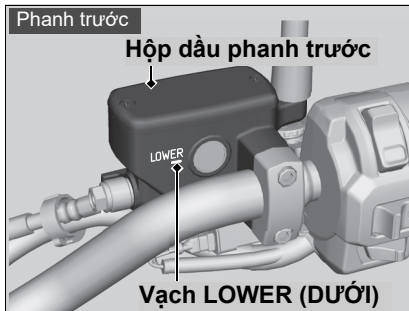
1. Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Kiểm tra hộp dầu phanh có nằm ngang không và mực dầu:

Phanh trước vượt quá vạch DƯỚI (LOWER) hay không.

Phanh sau giữa các vạch DƯỚI (LOWER) và TRÊN (UPPER).

Nếu mực dầu phanh trong hộp dầu phanh thấp hơn vạch DƯỚI (LOWER) hoặc hành trình tự do tay phanh vượt quá tiêu chuẩn, hãy kiểm tra độ mòn má phanh.

Nếu má phanh không bị mòn, có khả năng bị rò rỉ dầu phanh. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Kiểm tra má phanh

Kiểm tra tình trạng dầu chỉ thị độ mòn má phanh.

Phanh trước Cần thay thế má phanh nếu má phanh bị mòn tới cuối dầu chỉ thị.

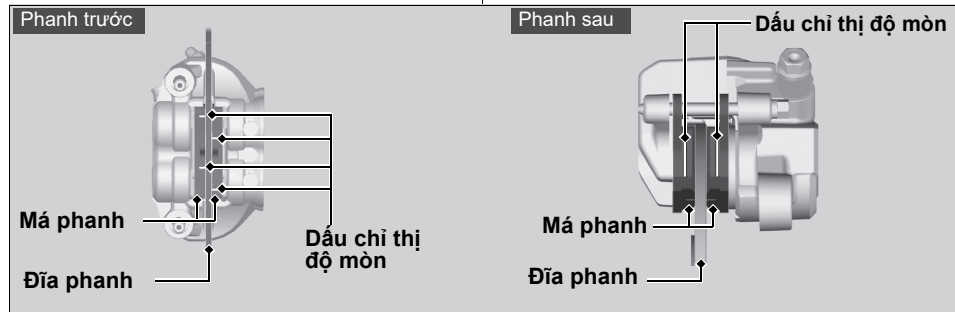
Phanh sau Cần thay thế má phanh nếu má phanh bị mòn tới cuối dầu chỉ thị.

1. **Phanh trước** Kiểm tra má phanh từ phía dưới ngàm phanh.

2. **Phanh sau** Kiểm tra má phanh từ bên phải phía sau xe.

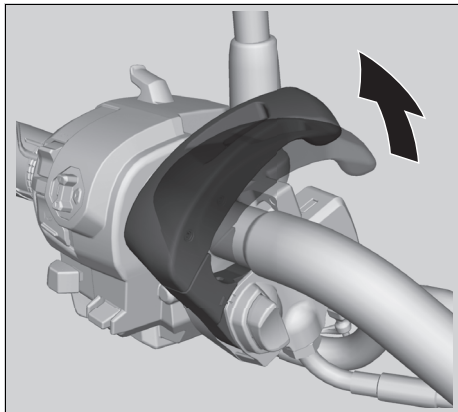
Nếu cần thay thế má phanh, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Luôn thay cả má phanh bên trái và bên phải cùng lúc.



Kiểm tra phanh đĩa

CMX1100D/D2/D3



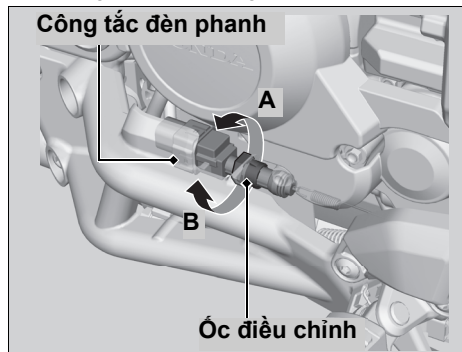
Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn. Tắt máy và đẩy xe trong khi phanh đĩa xe đang được cài để kiểm tra hiệu quả của phanh đĩa xe.

Nếu hiệu quả của phanh đĩa xe yếu, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để điều chỉnh.

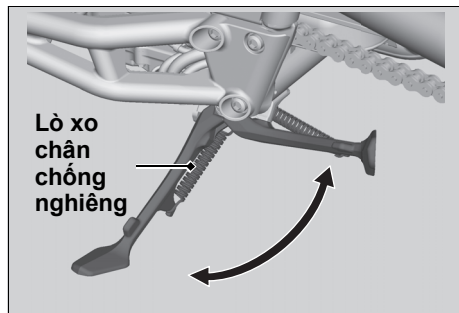
Điều chỉnh công tắc đèn phanh

Kiểm tra hoạt động của công tắc đèn phanh.

Giữ công tắc đèn phanh và vặn ốc điều chỉnh theo hướng A nếu công tắc hoạt động quá trễ hoặc vặn ốc theo hướng B nếu công tắc hoạt động quá sớm.



Kiểm tra chân chống nghiêng



1. Kiểm tra chân chống nghiêng có hoạt động trơn tru không. Nếu chân chống nghiêng bị cứng hoặc kêu cọt két thì làm sạch khu vực chốt và bôi trơn bu lông chốt bằng mỡ bôi trơn sạch.
2. Kiểm tra lò xo xem có bị hỏng hoặc mất đàn hồi không.

3. CMX1100A

Ngồi lên xe, chuyển về vị trí số N, và gạt chân chống nghiêng lên.

CMX1100D/D2/D3

Ngồi lên xe và gạt chân chống nghiêng lên.

4. CMX1100A

Khởi động động cơ, bóp tay côn và sang số.

CMX1100D/D2/D3

Khởi động động cơ và nhấn phía D/M trên công tắc N-D/M để chuyển hộp số sang CHẾ ĐỘ D.

5. Hạ hết chân chống nghiêng xuống.

Động cơ sẽ dừng ngay khi hạ chân chống nghiêng. Nếu động cơ không dừng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Kiểm tra độ chùng xích tải

Kiểm tra độ chùng xích tải tại một vài điểm của xích. Nếu độ chùng không đồng nhất ở tất cả các điểm, có thể một vài mắt xích bị xoắn và dính vào nhau.

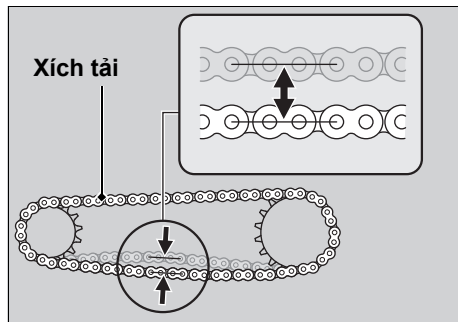
Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

1. Chuyển số về vị trí số N. Tắt máy.
2. Dựng xe bằng chân chống nghiêng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
3. Di chuyển phần dưới của xích tải lên xuống để kiểm tra độ chùng của xích, tại điểm giữa các không tải.

Độ chùng xích tải:

15 - 25 mm (0.6 - 1.0 in)

► Không lái xe nếu độ chùng xích vượt quá 50 mm (2.0 in).

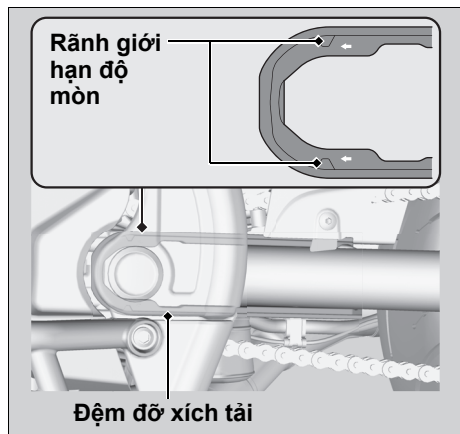


4. Dắt xe về phía trước và kiểm tra xem xích có di chuyển êm không.
5. Kiểm tra không tải. ➡ T. 137
6. Vệ sinh và bôi trơn xích tải. ➡ T. 138

Kiểm tra đệm đỡ xích tải

Kiểm tra tình trạng của đệm đỡ xích tải. Thay thế đệm đỡ xích tải nếu bị mòn tới đáy rãnh giới hạn độ mòn.

Nếu cần thay thế đệm đỡ xích tải, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.



Kiểm tra côn

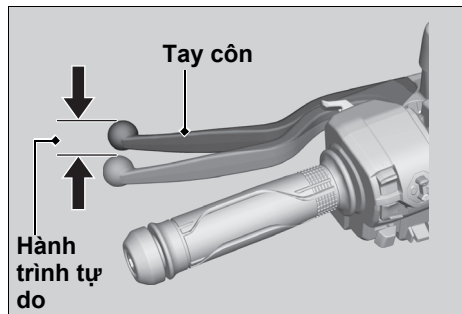
CMX1100A

I Kiểm tra hành trình tự do tay côn

Kiểm tra hành trình tự do tay côn.

Hành trình tự do tay côn:

10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in)



Kiểm tra xem dây côn có bị xoắn hoặc có dấu hiệu mòn không. Nếu cần thay thế, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Bôi trơn dây côn bằng loại dầu bôi trơn có sẵn trên thị trường để ngăn dây côn không bị mòn nhanh.

LƯU Ý

Điều chỉnh hành trình tự do không đúng có thể khiến côn bị ăn mòn sớm.

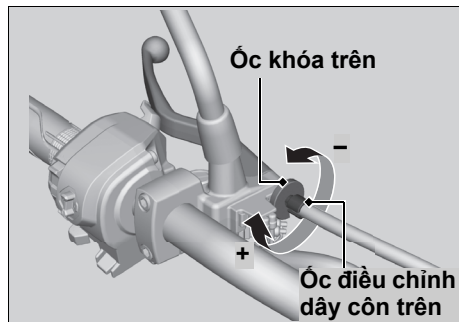
Điều chỉnh hành trình tự do tay côn

CMX1100A

Điều chỉnh trên

Trước tiên, hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn trên.

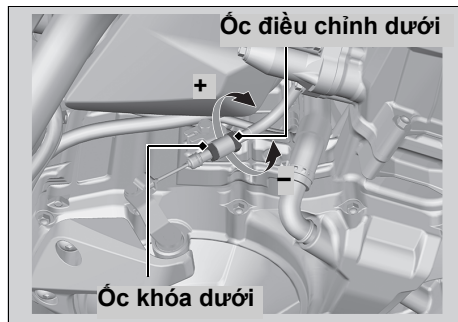
1. Nới lỏng ốc khóa trên.
2. Vận ốc điều chỉnh dây côn trên cho tới khi hành trình tự do nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
3. Siết chặt ốc khóa trên và kiểm tra hành trình tự do lần nữa.



Điều chỉnh dưới

Nếu ốc điều chỉnh dây côn trên đã bị vặn ra gần hết ren, hoặc không thể đạt được hành trình tự do chính xác thì hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn dưới.

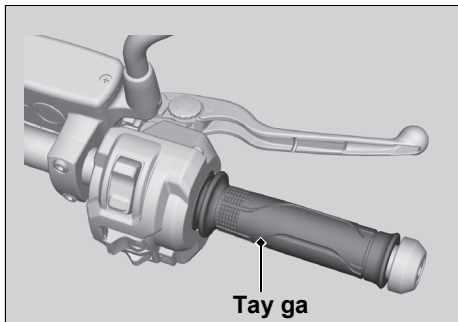
1. Nới lỏng ốc khóa trên và vặn ốc điều chỉnh dây côn trên vào hết cỡ để có được hành trình tự do tối đa).
Siết chặt ốc khóa trên.
2. Nới lỏng ốc khóa dưới.
3. Vặn ốc điều chỉnh dưới cho đến khi hành trình tự do tay côn nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
4. Siết chặt ốc khóa dưới và kiểm tra hành trình tự do tay côn.
5. Khởi động động cơ, bóp tay côn và sang số. Đảm bảo xe không chết máy và bị giật. Từ từ nhả tay côn ra và mở ga. Xe cần chuyển động êm và tăng tốc từ từ.



Nếu không thể điều chỉnh đúng theo cách này hoặc côn không hoạt động đúng cách thì hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Kiểm tra tay ga

Tắt máy, kiểm tra xem tay ga có xoay trơn tru từ vị trí đóng hết cho đến vị trí mở hết. Nếu tay ga không xoay trơn tru hoặc tự động đóng ga, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Điều chỉnh tay phanh

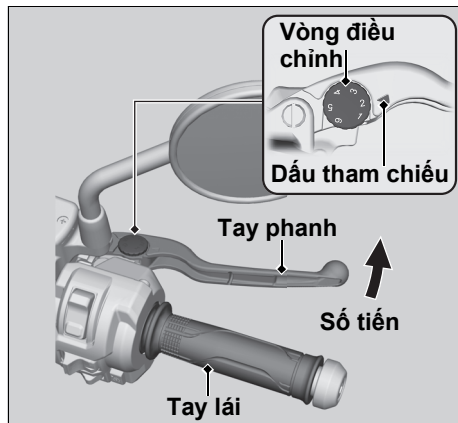
Bạn có thể điều chỉnh khoảng cách giữa tay phanh và tay lái.

Phương pháp điều chỉnh

Xoay vòng điều chỉnh đến khi các số thẳng hàng với dấu tham chiếu trong khi đẩy tay phanh về phía trước ở vị trí mong muốn. Sau khi điều chỉnh, kiểm tra tay phanh có hoạt động chính xác không trước khi lái xe.

LƯU Ý

Không vặn vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn.

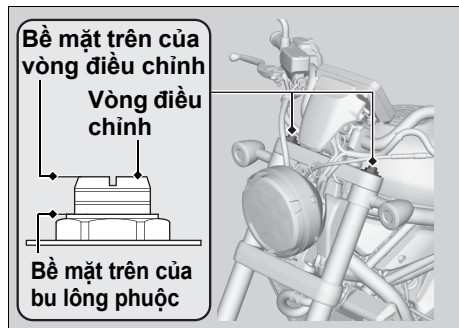


Điều chỉnh giảm xóc trước

I Tải trước lò xo

Có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng vòng điều chỉnh sao cho phù hợp với trọng tải hoặc bề mặt đường.

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tải trước lò xo (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm tải trước lò xo (mềm). Vị trí tiêu chuẩn là 0,4 in (9 mm) từ bề mặt trên của vòng điều chỉnh đến bề mặt trên của bu lông phuộc.



LƯU Ý

Không vặn vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn. Điều chỉnh cả phuộc trái và phải về cùng mức tải trước lò xo.

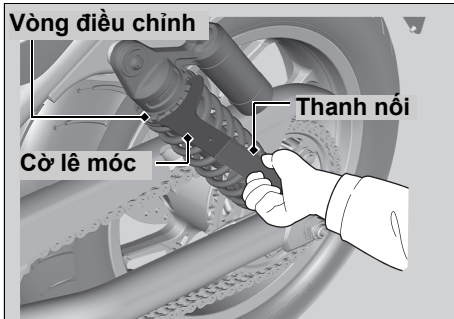
Điều chỉnh giảm xóc sau

Tải trước lò xo

Có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng vòng điều chỉnh sao cho phù hợp với trọng tải hoặc bề mặt đường. Vận vòng điều chỉnh bằng cờ lê móc và thanh nổi có trong bộ dụng cụ. ■ T. 143

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tải trước lò xo (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm tải trước lò xo (mềm). Vị trí tiêu chuẩn là 3 tiếng tách tính từ cài đặt tối thiểu.

Từ vị trí chuẩn có thể xoay ngược chiều kim đồng hồ 3 tiếng "tách" và xoay cùng chiều kim đồng hồ 15 tiếng "tách".



LƯU Ý

Không vận vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn. Điều chỉnh giảm xóc trái và giảm xóc phải về cùng mức tải trước lò xo.

Tìm kiếm hư hỏng

Động cơ không khởi động (Đèn báo HISS sáng)	T. 168
Quá nhiệt (Đèn cảnh báo/Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát sáng)	T. 169
Các đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy	T. 170
Đèn báo áp suất dầu thấp	T. 170
Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	T. 171
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....	T. 172
Đèn báo kiểm soát lực kéo	T. 173

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa sổ vị trí số khi đang lái xe	T. 174
Các cảnh báo khác	T. 175
Báo lỗi đồng hồ báo xăng	T. 175
Báo lỗi đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát	T. 176
Thùng lốp	T. 177
Sự cố kết nối điện thoại thông minh	T. 178
Trục trục về điện	T. 180
Hỏng bình điện.....	T. 180
Cháy bóng đèn.....	T. 180
Cháy cầu chì	T. 181

Mô tơ đề hoạt động nhưng động cơ không khởi động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra trình tự khởi động động cơ.
➡ T. 100
- Kiểm tra xem có còn xăng trong bình không.
- Kiểm tra xem đèn báo lỗi phun xăng điện tử PGM-FI (MIL) có sáng không.
▶ Nếu đèn này sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.
- Kiểm tra xem đèn báo HISS sáng hay không.
▶ Vặn khóa điện sang vị trí ○ (Off) và rút chìa khóa ra. Cắm lại chìa khóa và vặn khóa điện sang vị trí Ⅱ (On). Nếu đèn báo vẫn sáng, kiểm tra các mục sau đây:
Đảm bảo rằng không có chìa khóa HISS khác (bao gồm khóa dự phòng) gần khóa điện.

Đảm bảo rằng không có bất kỳ miếng dán hoặc vật chặn kim loại nào trên chìa khóa.

Nếu đèn báo HISS vẫn sáng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mô tơ đề không hoạt động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra trình tự khởi động động cơ.
➡ T. 100
 - Kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không.
➡ T. 181
 - Kiểm tra xem kết nối bình điện có bị lỏng không (➡ T. 144) hoặc điện cực có bị mòn không (➡ T. 133).
 - Kiểm tra tình trạng bình điện. ➡ T. 180
- Nếu lỗi trên vẫn còn tiếp diễn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Quá nhiệt (Đèn cảnh báo/Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát sáng)

Động cơ bị quá nhiệt khi xuất hiện các hiện tượng sau:

- Đèn báo nhiệt độ nước làm mát cao và đèn cảnh báo sẽ sáng lên.

Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát hiển thị trong phần thông tin cảnh báo.

📖 T. 78, 📖 T. 81

- Tăng tốc chậm.

Nếu hiện tượng này xảy ra, hãy đưa xe vào lề đường và thực hiện quy trình sau.

Để động cơ nổ cầm chừng quá lâu có thể làm cho đèn báo và cảnh báo quá nhiệt dung dịch làm mát sáng.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi động cơ bị quá nhiệt có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Tắt máy bằng khóa điện sau đó vặn khóa điện sang vị trí I (On).
2. Kiểm tra xem quạt gió có hoạt động không sau đó vặn khóa điện sang vị trí O (Off).

Nếu quạt không hoạt động:

Có thể đã có sự cố. Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu quạt hoạt động:

Để động cơ nguội với khóa điện ở vị trí O (Off).

3. Sau khi động cơ nguội, hãy kiểm tra ống kết tản nhiệt xem có rò rỉ không. 📖 T. 151

Nếu có rò rỉ:

Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

4. Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình dự trữ. 📖 T. 151
▶ Đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần.
5. Nếu các bước kiểm tra từ 1-4 bình thường, bạn có thể tiếp tục lái xe, nhưng phải luôn theo dõi đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát.

Đèn báo áp suất dầu thấp

Nếu đèn báo và cảnh báo áp suất dầu thấp sáng, hãy đưa xe vào lề đường và tắt máy. Đèn báo áp suất dầu thấp hiển thị trong phần thông tin cảnh báo. ➤ T. 78, ➤ T. 81

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi áp suất dầu thấp có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Kiểm tra mực dầu động cơ và đổ thêm dầu nếu cần. ➤ T. 149, ➤ T. 150
2. Khởi động động cơ.
 - Chỉ tiếp tục lái xe khi đèn báo áp suất dầu thấp và đèn cảnh báo tắt.

Tăng tốc nhanh có thể làm cho đèn báo áp suất dầu thấp và đèn cảnh báo sáng trong giây lát, đặc biệt là khi dầu đang ở hoặc gần mức thấp.

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp và đèn cảnh báo vẫn sáng khi mức dầu ở đúng mức dầu quy định, hãy tắt máy và liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu mực dầu động cơ giảm nhanh, xe có thể bị rò rỉ hoặc gặp vấn đề nghiêm trọng khác. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)

Loại KO

Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Đèn sáng khi có lỗi trong hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.
- Đèn nhấp nháy khi phát hiện tình trạng động cơ bỏ máy.

Những việc cần làm khi đèn báo sáng

Không chạy xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

LƯU Ý

Nếu tiếp tục chạy trong khi đèn báo sự cố sáng, động cơ và hệ thống kiểm soát khí xả có thể bị hư hỏng.

Những việc cần làm khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn không có các vật dụng dễ bắt lửa, tắt động cơ và đợi 10 phút cho đến khi động cơ nguội hẳn.

LƯU Ý

Nếu đèn báo lỗi vẫn nhấp nháy lại khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda gần nhất với tốc độ không quá 50km/giờ (31 mph). để kiểm tra xe.

Ngoại trừ loại KO

Nếu đèn này sáng khi đang lái xe, có thể hệ thống PGM-FI bị trục trặc nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể hệ thống ABS bị trục trặc. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo sáng hoặc bắt đầu nhấp nháy trong khi lái.
- Đèn báo không sáng khi khóa điện ở vị trí I (On).
- Đèn báo không tắt khi xe đạt tốc độ trên 10 km/giờ (6 mph).

Nếu đèn báo ABS sáng, phanh sẽ vẫn hoạt động bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh.

Đèn báo ABS có thể nhấp nháy nếu bạn quay bánh sau khi nâng xe lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off), và sau đó sang vị trí **I** (On). Đèn báo ABS sẽ tắt sau khi đạt tốc độ 30 km/giờ (19 mph).

Đèn báo kiểm soát lực kéo

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể hệ thống kiểm soát lực kéo gặp vấn đề nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo xuất hiện và sáng (liên tục) khi lái.
- Đèn báo không sáng khi khóa điện được vặn sang vị trí **I** (On).
- Đèn báo không tắt khi xe đạt tốc độ trên 5 km/giờ (3 mph).

Ngay cả khi đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo sáng, xe này vẫn có thể chạy bình thường mà không cần chức năng kiểm soát lực kéo.

- Nếu đèn báo sáng trong khi hệ thống kiểm soát lực kéo đang hoạt động, sẽ phải đóng tay ga hoàn toàn để xe chạy bình thường.

Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo có thể bật sáng nếu bạn quay bánh sau khi xe được nâng lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off), và sau đó sang vị trí **I** (On). Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo sẽ tắt sau khi tốc độ xe đạt 5 km/h (3 mph).

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa sổ vị trí số khi đang lái xe

CMX1100D/D2/D3

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trên cửa sổ vị trí số khi đang lái xe, hệ thống ly hợp kép có thể đang gặp trục trặc nghiêm trọng.

Dừng xe tại nơi an toàn và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra ngay lập tức.

Có thể lái xe theo các bước sau đây.

1. Vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off).
2. Vặn khóa điện sang vị trí **⏻** (On) và khởi động động cơ.

Nếu không thể khởi động được động cơ:

Vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off) và di chuyển xe lùi và tiến từ từ (để nhả số). Vặn khóa điện sang vị trí **⏻** (On) và khởi động động cơ.

Nếu vẫn không thể khởi động được động cơ:

Khởi động động cơ trong khi bóp tay phanh hoặc nhấn bàn đạp phanh.

Nếu bạn có thể chuyển từ N sang chế độ D:

Khi vị trí số được hiển thị trong đèn báo vị trí số, bạn có thể lái xe bằng số đó. Hãy lái xe ở tốc độ an toàn đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

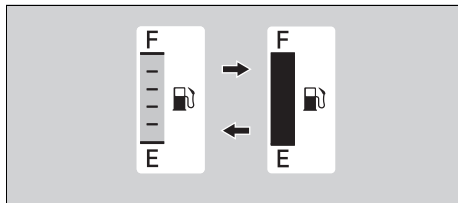
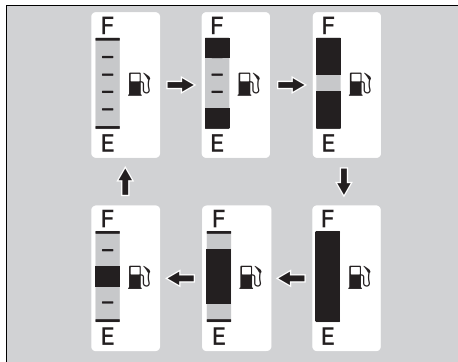
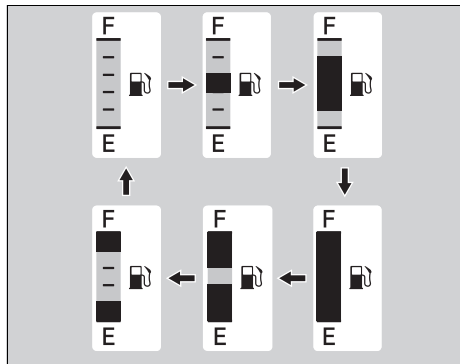
Nếu bạn không thể chuyển từ N sang chế độ D và đèn báo “-” đang nhấp nháy:

Xe đang gặp hư hỏng và không thể chạy được. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra ngay lập tức.

Báo lỗi đồng hồ báo xăng

Nếu hệ thống nhiên liệu bị lỗi, các đèn báo xăng sẽ hiển thị trên màn hình giống như hình minh họa sau đây.

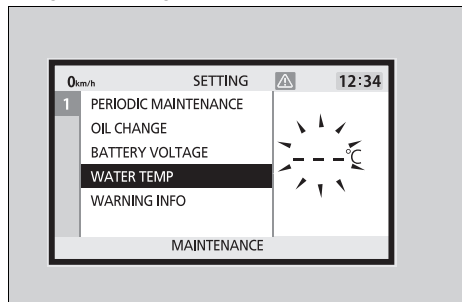
Nếu những hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Báo lỗi đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát

Nếu hệ thống làm mát bị lỗi, đèn báo nhiệt độ dung dịch làm mát sẽ nhấp nháy “---”.

Nếu hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Thủng lốp

Để vá lốp bị thủng hoặc tháo bánh xe, bạn phải có dụng cụ đặc biệt và tay nghề về kỹ thuật. Chúng tôi khuyến cáo bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Sau khi vá lốp tạm thời, luôn nhớ kiểm tra lốp hoặc thay lốp mới ở Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp

Nếu lốp xe bị thủng một lỗ nhỏ, có thể sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp không săm.

Hãy làm theo hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ sửa chữa lốp khẩn cấp.

Lái xe với lốp xe chỉ được sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Không lái xe vượt quá 50 km/h (30 mph). Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Lái xe với lốp vá tạm thời có thể rất nguy hiểm. Nếu lốp này bị hỏng, tai nạn có thể xảy ra gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Nếu buộc phải lái xe với lốp vá tạm thời, hãy lái xe thật chậm và cẩn thận, không lái xe vượt quá 50 km/h (30 mph) cho đến khi lốp xe được thay thế.

Sự cố kết nối điện thoại thông minh

Ngoại trừ loại V

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Không thể ghép đôi điện thoại thông minh	Điện thoại thông minh đang dùng có thể không tương thích với xe và/hoặc các chức năng vận hành có thể bị hạn chế.
	Kiểm tra đảm bảo xe và điện thoại thông minh có đang trong chế độ kết nối. ➡ T. 92
	Kiểm tra xung quanh để đảm bảo không có thiết bị nào khác đang được ghép đôi trước khi ghép đôi lại. Thiết bị <i>Bluetooth</i> ® xung quanh đôi khi gây ảnh hưởng tới việc kết nối do nhiễu sóng vô tuyến, v.v.
	Khi kết nối điện thoại thông minh, đảm bảo không có thiết bị <i>Bluetooth</i> ® khác sẵn sàng ghép nối. Thiết bị <i>Bluetooth</i> ® xung quanh đôi khi gây ảnh hưởng tới việc kết nối do nhiễu sóng vô tuyến, v.v.
	Kiểm tra xem thông tin kết nối xe được xóa khỏi cài đặt <i>Bluetooth</i> ® trên điện thoại thông minh chưa. Tùy vào điện thoại thông minh đang dùng, có thể không kết nối được trừ khi xóa thông tin kết nối.

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Không thể kết nối điện thoại thông minh	Tùy vào điện thoại thông minh đang dùng, có thể mất một lúc để kết nối xe với điện thoại thông minh và bắt đầu sử dụng ứng dụng.
	Kết nối có thể bị ngắt tạm thời khi khởi động động cơ, điều này hoàn toàn bình thường và không phải sự cố. Điện thoại thông minh sẽ kết nối lại sau khi động cơ khởi động.
	Kiểm tra xem biểu tượng trạng thái <i>Bluetooth</i> ® có sáng không. Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh và kiểm tra xem điện thoại thông minh có đang ở trạng thái có thể kết nối.
	Một vài điện thoại thông minh đang dùng có thể không tự động kết nối. Thực hiện theo hướng dẫn trong sách hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh để kết nối.
	Không thể kết nối hai hoặc nhiều điện thoại thông minh cùng lúc.

Nếu sự cố vẫn còn xảy ra sau khi kiểm tra như mô tả trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Hồng bình điện

Sạc bình điện bằng máy sạc bình điện dùng cho xe máy.

Tháo bình điện ra khỏi xe trước khi sạc.

Không sử dụng máy sạc bình điện dùng cho ô tô vì có thể gây quá nhiệt bình điện và làm hỏng bình điện. Nếu bình điện không phục hồi sau khi sạc, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Chúng tôi khuyến cáo không khởi động cho xe máy bằng bình điện của ô tô, vì có thể làm hư hỏng hệ thống điện của xe.

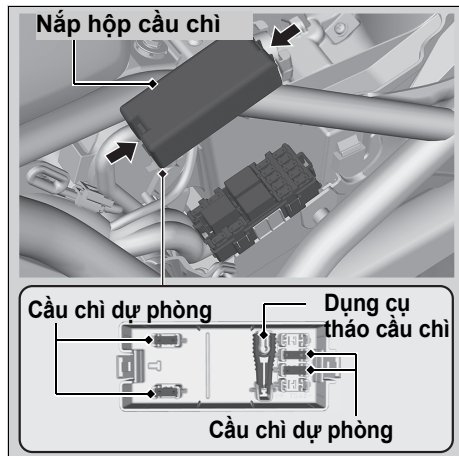
Cháy bóng đèn

Toàn bộ bóng đèn trên xe là đèn LED. Nếu thấy một bóng LED nào không sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Cháy cầu chì

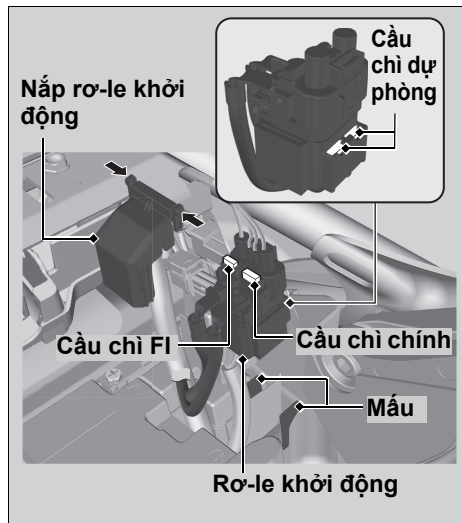
Trước khi xử lý cầu chì, tham khảo phần "Kiểm tra và thay thế cầu chì." ► T. 135

Hộp cầu chì



1. Tháo ốp bên trái. ► T. 148
2. Tháo nắp hộp cầu chì.
3. Kéo từng cầu chì ra bằng dụng cụ tháo cầu chì và kiểm tra xem cầu chì có bị cháy hay không. Luôn thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
► Dụng cụ tháo cầu chì và cầu chì dự phòng được gắn ở mặt sau của nắp hộp cầu chì.
4. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

■ Cầu chì chính & cầu chì FI



1. Tháo hộp đầu nối. ► T. 144
2. Tháo nắp rơ-le khởi động.
3. Tháo rơ-le khởi động khởi mầu.
4. Kéo từng cầu chì chính và cầu chì FI ra bằng dụng cụ tháo cầu chì và kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không. Luôn thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
 - Cầu chì dự phòng được đặt cùng với rơ-le khởi động.
 - Dụng cụ tháo cầu chì nằm ở mặt sau của nắp hộp cầu chì. ► T. 181
5. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

LƯU Ý

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Thông tin

Thiết bị chẩn đoán lỗi.....	T. 184
Chìa khóa	T. 185
Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác	T. 186
Chăm sóc xe	T. 194
Bảo quản xe	T. 197
Vận chuyển xe	T. 198
Bạn & Môi trường xung quanh.....	T. 199
Số khung, số máy	T. 200
Xăng chứa cồn.....	T. 201
Bộ chuyển đổi chất xúc tác	T. 202

Thiết bị chẩn đoán lỗi

Loại KO

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến bảo dưỡng ghi lại thông tin về hiệu suất truyền động và điều kiện lái xe

Dữ liệu có thể được sử dụng để giúp kỹ thuật viên chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai được phép truy cập dữ liệu này trừ khi được yêu cầu hợp pháp hoặc được sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, Cửa hàng xe phân khối lớn Honda và thợ sửa chữa được ủy quyền, nhân viên, đại diện và nhà thầu có thể truy cập dữ liệu này chỉ nhằm mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Chìa khóa

Chìa khóa/Chìa khóa cổ lái

Xe này có hai chìa khóa và một thẻ chìa khóa chứa mã số chìa khóa và mã vạch.

Chìa khóa có chứa một chip mã hóa đặc biệt được hệ thống chống trộm (HISS) nhận dạng để khởi động động cơ. Sử dụng khóa cẩn thận để tránh làm hỏng các bộ phận HISS.

- Không bẻ cong hoặc tác động mạnh vào chìa khóa.
- Tránh tiếp xúc ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao quá lâu.
- Không mài, khoan hoặc thay đổi hình dạng của chìa khóa bằng bất kỳ cách nào.
- Không để chìa khóa tiếp xúc với các vật có từ tính mạnh.

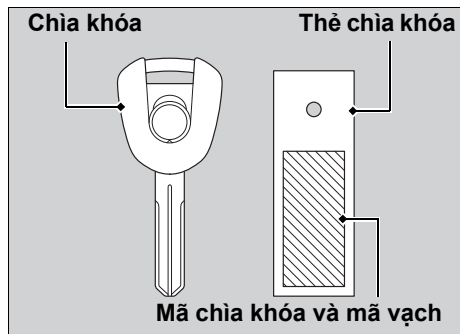
Nếu mất toàn bộ chìa khóa và thẻ mã chìa khóa, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thay mô-đun điều khiển bộ khởi động/bộ PGM-FI. Để tránh xảy ra trường hợp này, hãy giữ chìa khóa dự phòng cẩn thận.

Nếu mất một chìa khóa, hãy làm chiếc chìa khóa dự phòng ngay lập tức.

Để làm lại chìa khóa và đăng ký với hệ thống HISS, hãy mang theo chìa khóa dự phòng, thẻ chìa khóa và xe máy tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

► Cất giữ thẻ chìa khóa ở nơi an toàn.

Sử dụng móc treo chìa khóa bằng kim loại có thể làm xước khu vực xung quanh khóa.



Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Khóa điện

Đề khóa điện ở vị trí **I** (On) khi động cơ dừng hoạt động sẽ làm hao hụt điện áp bình điện.

Không được vặn chìa khóa khi đang lái xe.

Công tắc ngắt động cơ

Không sử dụng công tắc ngắt động cơ, trừ trường hợp khẩn cấp. Làm vậy khi lái xe có thể khiến cho động cơ bị tắt đột ngột, gây mất an toàn.

Nếu dừng động cơ bằng công tắc ngắt động cơ, hãy vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off). Không làm vậy sẽ làm hao hụt điện áp bình điện.

Đồng hồ đo quãng đường

Đồng hồ đo quãng đường sẽ dừng tại 999.999 khi giá trị đọc được trên đồng hồ vượt quá 999.999.

Đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ đo hành trình sẽ hồi về 0,0 khi quãng đường đi được vượt quá 9.999,9

HISS

Hệ thống khóa khởi động an toàn Honda (HISS) sẽ vô hiệu hóa hệ thống khởi động của động cơ nếu sử dụng chìa khóa với mã không đúng để khởi động động cơ. Khi vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off), hệ thống HISS luôn cảnh báo, ngay cả khi đèn báo HISS không nhấp sáng.

Nếu vặn khóa điện sang vị trí **I** (On) khi công tắc ngắt động cơ ở vị trí **⌂** (Run), đèn báo HISS sáng và tắt sau vài giây để cho biết đã có thể khởi động động cơ. **Đèn báo HISS không tắt** ➡ T. 168

Đèn báo HISS bắt đầu nhấp 2 giây một lần trong 24 giờ sau khi vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off). Bạn có thể tắt và bật tính năng này. ➡ T. 57

Chỉ dành cho Đài Loan

根據LP0002低功率射頻器材技術規範_章節3.8.2: 取得審驗證明之低功率射頻器材, 非經核准, 公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信; 經發現有干擾現象時, 應立即停用, 並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信, 指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

Chỉ dành cho Thái Lan

เครื่องวิทยุคมนาคมและอุปกรณ์นี้
มีความสอดคล้องตามข้อกำหนดของ กสทช.



เครื่องวิทยุคมนาคมนี้ ได้รับยกเว้น ไม่ต้องได้รับใบอนุญาตให้มี ใช้ซึ่งเครื่องวิทยุคมนาคมหรือตั้งสถานีวิทยุคมนาคมตามประกาศ กสทช. เรื่อง เครื่องวิทยุคมนาคม และสถานีวิทยุคมนาคมที่ได้รับยกเว้นไม่ต้องได้รับใบอนุญาตวิทยุคมนาคมตามพระราชบัญญัติวิทยุคมนาคม พ.ศ. 2498



ncc. | โทรคมนาคม
กำกับดูแลเพื่อประชาชน
Call Center 1200 (InsWi)

Ngăn đựng tài liệu

Có thể cất giữ sách hướng dẫn sử dụng, thông tin đăng ký xe, bảo hiểm xe máy bên trong ngăn đựng tài liệu bằng nhựa ở dưới yên xe.

Hệ thống ngắt máy

Cảm biến góc nghiêng của xe tự động ngắt hoạt động của động cơ và bơm xăng nếu xe bị đổ. Để cài đặt lại cảm biến, cần phải vặn khóa điện sang vị trí **○** (Off) sau đó quay trở lại vị trí **I** (On) trước khi khởi động lại động cơ.

Hệ thống ly hợp chống trượt

CMX1100A

Hệ thống ly hợp chống trượt giúp lốp sau không bị bó cứng khi việc giảm tốc xe sinh ra hiệu ứng phanh động cơ mạnh. Đồng thời hệ thống này giúp tay côn hoạt động nhẹ hơn.

Chỉ sử dụng dầu động cơ phân loại MA cho xe. Sử dụng dầu động cơ khác ngoài dầu phân loại MA có thể gây hỏng hệ thống ly hợp chống trượt.

Hệ thống tay ga điện tử

Loại xe này được trang bị Hệ thống tay ga điện tử.

Không đặt các vật có từ tính hoặc dễ bị nhiễu từ gần công tắc tay lái bên phải.

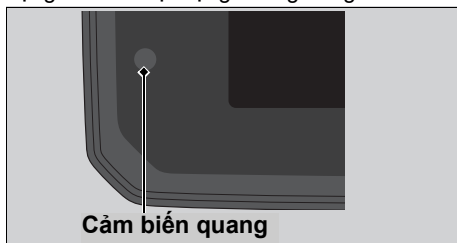
Tự động điều chỉnh độ sáng

Độ sáng đèn nền của đồng hồ sẽ được điều khiển tự động khi chọn “AUTO” (TỰ ĐỘNG) trong cài đặt độ sáng.

Cảm biến quang phát hiện độ sáng môi trường xung quanh.

Không làm hỏng hoặc che cảm biến quang.

Nếu không, chức năng điều chỉnh độ sáng tự động có thể hoạt động không đúng.



Ứng dụng Honda RoadSync

Chỉ dành cho Hàn Quốc



해당 무선설비는 운용 중 전파혼신 가능성이 있으므로, 인명 안전과 관련된 서비스는 할 수 없습니다.

(It means that, as this radio equipment has the possibility of radio interference, this equipment cannot be used for any services related to human life safety)

KC logo along with the following information (Conformity assessment information - 인증 정보):

Company name of Applicant (인증 받은 자의 상호): Visteon Corporation

Manufacturing date (제조연월일): Refer Physical label on Unit.

Manufacturer/ Country of origin (제조사/제조국가): USA

Equipment name/ Model name (기자재의 명칭/ 모델명): SAB01

Conformity assessment number (인증번호): **R-R-VC1-SAB01**

Chỉ dành cho Đài Loan



1. Product name: Bluetooth unit

2. Model name: SAB01

3. Manufacturer: Visteon Corporation

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。

前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾

Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Chỉ dành cho Thái Lan

เครื่องโทรทัศน์และอุปกรณ์นี้มีความสอดคล้องตามมาตรฐานหรือข้อกำหนดทางเทคนิคของ กสทช.”



เครื่องวิทยุคมนาคมนี้ ได้รับยกเว้น ไม่ต้องได้รับ
ใบอนุญาตให้มี ใช้งานเครื่องวิทยุคมนาคม
หรือตั้งสถานีวิทยุคมนาคมตามประกาศ กสทช.
เรื่อง เครื่องวิทยุคมนาคม และสถานีวิทยุ
คมนาคมที่ได้รับยกเว้นไม่ต้องได้รับใบอนุญาต
วิทยุคมนาคม ตามพระราชบัญญัติวิทยุ
คมนาคม พ.ศ. 2498



กสทช. | โทรคมนาคม
กำกับดูแลเพื่อประชาชน
Call Center 1200 (Insw5)

Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Chỉ dành cho In-đô-nê-xi-a

	ID Label 92973/SDPPI/2023 PLG ID: 1556
---	---

Chỉ dành cho Australia



Chăm sóc xe

Thường xuyên vệ sinh và lau chùi xe là nhiệm vụ quan trọng nhằm duy trì tuổi thọ của xe. Một chiếc xe được vệ sinh sạch sẽ có thể dễ dàng phát hiện ra vấn đề trực trặc.

Nước biển hoặc muối dùng để hạn chế băng trên đường đi có thể làm tăng khả năng gỉ sét cho xe. Ngoài ra, bùn và bụi bẩn có thể làm mòn tăng tốc độ mài mòn của hệ thống treo trước và gây rò rỉ dầu. Do vậy, luôn nhớ phải rửa xe sạch sẽ sau khi đi trên những đoạn đường gần biển, có muối trên đường, đường bùn hoặc bụi bẩn.

Rửa xe

Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết có nhiệt độ cao nguội hẳn trước khi rửa xe.

1. Loại bỏ hết bụi bẩn bằng vòi nước có áp suất thấp.
2. Nếu cần, hãy sử dụng một miếng xốp hoặc khăn mềm nhúng vào dung dịch tẩy rửa nhẹ để lau xe.
 - Vệ sinh các chụp đèn pha, ốp đèn pha và các chi tiết bằng nhựa khác thật cẩn thận để tránh làm xước chúng.

Tránh phun nước trực tiếp vào lọc gió, ống xả và các chi tiết của hệ thống điện.

3. Rửa lại xe bằng nước sạch và dùng giẻ mềm sạch để lau khô xe.
4. Sau khi xe đã được lau khô, hãy bôi trơn các chi tiết chuyển động trên xe.
 - Chắc chắn rằng dầu bôi trơn không bám vào phanh hoặc lốp xe. Đĩa phanh, má phanh, trống phanh hoặc guốc phanh bị bám dầu động cơ sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả của phanh và có thể gây ra tai nạn.
5. Bôi trơn xích tải ngay sau khi rửa xe và làm khô xe.
6. Bôi một lớp chất bảo quản để chống gỉ sét cho xe.
 - Không sử dụng các sản phẩm có chứa hóa chất hoặc chất tẩy rửa mạnh. Những chất này có thể làm hư hỏng các chi tiết kim loại, sơn và nhựa trên xe. Không để chất bảo quản bắn vào lốp xe và phanh.
 - Nếu trên xe có các chi tiết sơn mờ, không phủ chất bảo quản lên bề mặt sơn mờ của các chi tiết đó.

■ Lưu ý khi rửa xe

Làm theo hướng dẫn sau khi rửa xe:

- Không sử dụng vòi nước có áp suất cao để rửa xe:
 - ▶ Vòi xịt nước áp suất cao có thể gây hư hỏng các chi tiết chuyển động hoặc các chi tiết điện trên xe làm cản trở hoạt động của các chi tiết này.
 - ▶ Nước có thể lọt vào bên trong bộ hòng ga và/hoặc vào lọc gió.
- Không được phun nước trực tiếp vào khu vực ống xả:
 - ▶ Nước lọt vào ống xả có thể ngăn cản quá trình khởi động và gây gỉ sét bên trong ống xả.
- Làm khô phanh:
 - ▶ Nước lọt vào hệ thống phanh làm giảm hiệu quả của phanh. Sau khi rửa xe, phanh ngắt quãng ở tốc độ thấp để làm khô phanh.
- Không phun nước trực tiếp vào dưới yên xe:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong hộp đựng đồ dưới yên xe có thể làm hỏng các tài liệu hoặc các vật dụng khác bên trong.

- Không phun nước trực tiếp vào lọc gió:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong lọc gió có thể cản trở động cơ khởi động.
- Không phun nước trực tiếp vào khu vực xung quanh đèn pha:
 - ▶ Phía bên trong chụp đèn pha có thể bị mờ hơi nước tạm thời sau khi rửa xe hoặc khi lái xe dưới trời mưa. Điều này không ảnh hưởng tới chức năng của đèn pha.
Tuy nhiên, nếu thấy lượng nước nhiều hoặc có băng tích tụ bên trong chụp đèn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được kiểm tra.
- Không được bôi chất bảo quản hoặc dầu làm bóng lên bề mặt các chi tiết sơn mờ:
 - ▶ Sử dụng khăn mềm hoặc miếng xốp mềm nhúng với nhiều nước và chất tẩy rửa nhẹ để vệ sinh các bề mặt chi tiết sơn mờ. Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

Các chi tiết bằng nhôm

Nhôm dễ bị ăn mòn khi tiếp xúc với bụi bẩn, bùn đất hoặc muối trên đường. Vệ sinh các chi tiết bằng nhôm đều đặn và thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước bề mặt nhôm:

- Không dùng bàn chải sợi cứng, giẻ rửa bát bằng sợi thép hoặc các dụng cụ vệ sinh khác có khả năng mài mòn.
- Tránh không để các bề mặt chi tiết bằng nhôm va chạm với lề đường.

Các ốp nhựa

Thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước các ốp nhựa:

- Vệ sinh ốp nhựa bằng xốp mềm và nhiều nước.
- Để loại bỏ các vết bám trên ốp nhựa, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng và xả sạch bằng nhiều nước.

- Tránh để xăng, dầu phanh hoặc chất tẩy rửa bám vào bảng đồng hồ, các ốp nhựa hoặc đèn pha.

Cổ xả và ống xả

Nếu cổ xả và ống xả có lớp sơn bên ngoài, không dùng các loại chất tẩy rửa nhà bếp có tính ăn mòn cao trên thị trường để vệ sinh. Sử dụng chất tẩy rửa trung tính để vệ sinh các bề mặt sơn ở cổ xả và ống xả. Nếu bạn không chắc chắn là cổ xả và ống xả đã được sơn hay chưa, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Bảo quản xe

Nếu bảo quản xe ở ngoài trời, nên sử dụng tấm che phủ toàn bộ xe.

Nếu không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Rửa xe và bôi chất bảo quản lên tất cả các bề mặt sơn (ngoại trừ các bề mặt sơn mờ). Bôi dầu chống gỉ sét vào các chi tiết mạ crom.
- Bôi trơn xích tải. ➤ T. 137
- Dựng xe bằng chân chống bảo dưỡng và đặt lên bệ sao cho cả hai bánh không chạm đất.
- Sau khi hết mưa, hãy tháo tấm che phủ xe ra và để cho xe khô ráo.
- Tháo bình điện (➤ T. 144) để tránh làm hao hụt điện áp. Sạc đầy bình điện và sau đó đặt ở khu vực râm mát, thoáng khí.
 - Nếu không tháo bình điện, hãy tháo dây cực âm $\ominus$ ra khỏi cực bình điện để tránh hiện tượng phóng điện.

Sau khi hết thời gian bảo quản, hãy kiểm tra bảo dưỡng xe định kỳ theo các hạng mục đưa ra trong Lịch bảo dưỡng.

Vận chuyển xe

Nếu cần phải vận chuyển xe, nên sử dụng ô tô chuyên chở hoặc ô tô tải có sàn phẳng, ô tô có trang bị thang tải hoặc thang nâng xe, có dây chằng chắc chắn. Không được kéo rê xe một bánh hoặc hai bánh trên đường.

LƯU Ý

Kéo rê xe một bánh hoặc hai bánh trên đường có thể gây hư hỏng nghiêm trọng tới hệ thống truyền động.

Bạn & Môi trường xung quanh

Sở hữu một chiếc xe và lái xe là một trải nghiệm rất thú vị, tuy nhiên cần phải chú ý đến việc bảo vệ môi trường xung quanh.

Lựa chọn nước rửa vệ sinh xe thích hợp

Sử dụng chất tẩy rửa sinh học để rửa xe. Tránh dùng nước rửa dạng xịt có chứa chất CFCs phá hủy tầng ô zôn.

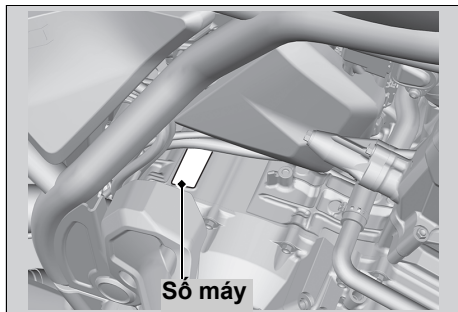
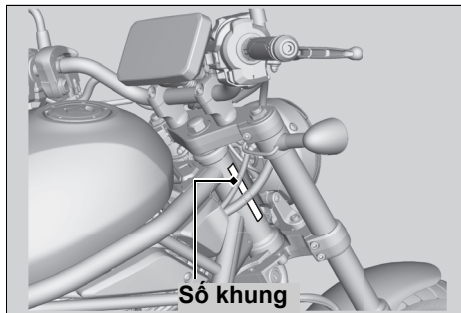
Tái chế chất thải

Xả dầu và các chất thải độc hại khác vào một bình kín tiêu chuẩn và mang tới trung tâm tái chế. Liên hệ với các cơ quan nhà nước và địa phương hoặc các dịch vụ về môi trường để tìm kiếm nơi xử lý chất thải gần nơi bạn đang sống và được hướng dẫn xử lý đối với các chất thải không tái sử dụng được. Không đổ dầu động cơ đã sử dụng vào thùng rác hoặc đổ xuống kênh mương, xuống đường. Xăng, dầu, dung dịch làm mát đã qua sử dụng và một số dung môi tẩy rửa khác có thể gây hại cho những người thu gom rác thải và gây nhiễm độc nguồn nước sinh hoạt, sông, hồ và đại dương.

Số khung, số máy

Số khung và số máy là cơ sở để nhận dạng chiếc xe của bạn và cần phải có khi đi đăng ký xe. Khi đặt phụ tùng thay thế cần phải có thông tin về số khung và số máy này.

Nên ghi lại số khung, số máy và lưu giữ ở nơi an toàn.



Xăng chứa cồn

Một số loại xăng pha cồn thông thường có sẵn trên thị trường có tác dụng làm giảm lượng khí thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn khí sạch. Nếu bạn có ý định sử dụng xăng pha cồn, hãy kiểm tra chắc chắn loại xăng đó không chứa chì và đạt chỉ số ốc tan yêu cầu tối thiểu.

Sau đây là hỗn hợp xăng pha cồn có thể sử dụng trên xe của bạn:

Ngoại trừ loại TH

- Không quá 10% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng có chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên là Gasohol.

Loại TH

- Không quá 20% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng có chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên là Gasohol.

Ngoại trừ loại TH

Sử dụng xăng chứa hơn 10% ethanol có thể:

- Phá hủy lớp sơn bên trong bình xăng.
- Phá hủy các đường ống dẫn xăng cao su.
- Gây gỉ sét bình xăng.
- Làm máy vận hành kém.

LƯU Ý

Sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn có chứa lượng ethanol cao quá mức cho phép có thể gây hư hỏng các chi tiết nhựa, cao su và kim loại của hệ thống xăng.

Nếu phát hiện xe có hiện tượng hoặc vấn đề liên quan đến vận hành, hãy thử đổi sang dùng loại xăng khác.

Bộ chuyển đổi chất xúc tác

Loại U

Loại xe này được trang bị bộ chuyển đổi chất xúc tác ba chiều. Bộ chuyển đổi chất xúc tác này chứa các kim loại quý được sử dụng làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học ở nhiệt độ cao nhằm chuyển đổi các khí hydrocacbon (HC), cacbon monoxit (CO) và nitơ ôxít (NOx) trong khí xả thành những hợp chất an toàn.

Bộ chuyển đổi bị hỏng sẽ gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tới việc vận hành của động cơ. Cần phải thay mới bằng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để bảo vệ bộ chuyển đổi chất xúc tác trên xe.

- Luôn sử dụng xăng không chì. Xăng có chì sẽ làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.
- Giữ động cơ ở điều kiện hoạt động tốt.
- Nếu thấy động cơ không nổ máy, chết máy hoặc không vận hành đúng cách, hãy tắt máy và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa.

Ngoại trừ loại U

Mẫu xe này được trang bị hai bộ chuyển đổi chất xúc tác ba chiều. Mỗi bộ chuyển đổi chất xúc tác chứa các kim loại quý được sử dụng làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học ở nhiệt độ cao nhằm chuyển đổi các khí hydrocacbon (HC), cacbon monoxit (CO) và nitơ ôxít (NOx) trong khí xả thành những hợp chất an toàn.

Bộ chuyển đổi bị hỏng sẽ gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tới việc vận hành của động cơ. Cần phải thay mới bằng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để bảo vệ bộ chuyển đổi chất xúc tác trên xe.

- Luôn sử dụng xăng không chì. Xăng có chì sẽ làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.
- Giữ động cơ ở điều kiện hoạt động tốt.
- Nếu thấy động cơ không nổ máy, chết máy hoặc không vận hành đúng cách, hãy tắt máy và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa.

Thông số kỹ thuật

■ Các bộ phận chính

Chiều dài	2.240 mm (88.2 in)	
Chiều rộng	CMX1100A	Loại KO 820 mm (32.3 in)
		Loại U 850 mm (33.5 in)
	CMX1100D	835 mm (32.9 in)
	CMX1100D2	Ngoại trừ loại KO 845 mm (33.3 in)
		Loại KO 840 mm (33.1 in)
Chiều cao	CMX1100D3	880 mm (34.6 in)
	CMX1100A/D/D3	1.125 mm (44.3 in)
	CMX1100D2	1.180 mm (46.5 in)
Khoảng cách hai bánh xe	Ngoại trừ loại PH	1.520 mm (59.8 in)
	Loại PH	1.518 mm (59.8 in)
Khoảng sáng gầm xe	120 mm (4.7 in)	
Góc nghiêng phuộc trước	28° 0'	
Chiều dài vết quét	110 mm (4.3 in)	

Khối lượng bản thân	CMX1100A	Loại KO	225 kg (496 lb)
		Loại U	226 kg (498 lb)
	CMX1100D		236 kg (520 lb)
	CMX1100D2		250 kg (551 lb)
	CMX1100D3	Ngoại trừ loại KO	237 kg (522 lb)
Khả năng chở tối đa *1	CMX1100A	Loại KO	235 kg (518 lb)
		Loại U	235 kg (518 lb)
	CMX1100D	Loại IN	154 kg (340 lb)
		Loại PH	174 kg (384 lb)
		Loại V	144 kg (317 lb)
	CMX1100D2	Ngoại trừ loại KO	134 kg (295 lb)
		Loại KO	174 kg (384 lb)
	CMX1100D3	Ngoại trừ loại KO	164 kg (362 lb)
		Loại KO	144 kg (317 lb)

*1 : Bao gồm người lái, người ngồi sau, toàn bộ hành lý và phụ kiện kèm theo

CMX1100D2			
Khối lượng hành lý tối đa	Hộp đựng đồ hông xe	Phải	5,0 kg (11.0 lb)
		Trái	5,0 kg (11.0 lb)
Khả năng chở người	Người lái và 1 người ngồi sau		
Bán kính quay tối thiểu	Ngoại trừ loại KO, IN	2,90 m (9.5 ft)	
	Loại KO, IN	2,9 m (9.5 ft)	
Dung tích xy lanh	1.084 cm ³ (66.1 cu-in)		
Đường kính xy lanh x Hành trình piston	92,0 x 81,5 mm (3.62 x 3.21 in)		
Tỷ số nén	10,5 : 1		
Nhiên liệu	Ngoại trừ loại IN	Xăng không chì Xăng khuyến dùng: RON 91 hoặc cao hơn	
	Loại IN	Xăng không chì Xăng khuyến dùng: RON 90 hoặc cao hơn	
Xăng chứa cồn	Ngoại trừ loại TH	Dung tích ETHANOL không quá 10%	
	Loại TH	Dung tích ETHANOL không quá 20%	
Dung tích bình xăng	13,6 L (3.59 US gal, 2.99 Imp gal)		
Bình điện	YTZ14S		
	12 V-11,2 Ah (10 HR)		

Tỷ số truyền	CMX1100A	
	Số 1	2,866
	Số 2	1,888
	Số 3	1,480
	Số 4	1,230
	Số 5	1,064
	Số 6	0,972
	CMX1100D/D2/D3	
	Số 1	2,562
	Số 2	1,761
	Số 3	1,375
	Số 4	1,133
	Số 5	0,972
	Số 6	0,882
Tỷ số giảm tốc (sơ cấp / cuối)	CMX1100A	1,717 / 2,625
	CMX1100D/D2/D3	1,863 / 2,625

■ Dữ liệu sửa chữa

Kích cỡ lốp	Lốp trước	130/70B18 M/C 63H
	Lốp sau	180/65B16 M/C 81H REINFORCED
Kiểu lốp	Lốp bố chéo không săm	
Lốp khuyến dùng	Lốp trước	DUNLOP D428F
	Lốp sau	DUNLOP D428
Áp suất lốp	Lốp trước	225 kPa (2.25 kgf/cm ² , 33 psi)
	Lốp sau	225 kPa (2.25 kgf/cm ² , 33 psi)
Độ sâu gai lốp tối thiểu	Lốp trước	1,5 mm (0.06 in)
	Lốp sau	2,0 mm (0.08 in)
Bugì	(tiêu chuẩn)	SILMAR8A9S (NGK)
Khe hở bugì	Ngoại trừ loại KO, PH	0,80 - 0,90 mm (0.031 - 0.035 in)
	Loại KO, PH	0,8 - 0,9 mm (0.03 - 0.04 in)
Tốc độ cầm chừng	1.250 ± 100 (vòng/phút)	
Dầu động cơ khuyến dùng	Dầu máy Honda 4 kỳ cho xe máy, phân loại SJ hoặc loại cao hơn theo tiêu chuẩn API, ngoại trừ loại dầu có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving", dầu MA theo tiêu chuẩn JASO T 903, độ nhớt SAE 10W-30.	

CMX1100A

Sau khi xả 3,9 L (4.1 US qt, 3.4 Imp qt)

Sau khi xả và thay bộ lọc. 4,0 L (4.2 US qt, 3.5 Imp qt)

Dung tích dầu động cơ Sau khi rà máy 4,8 L (5.1 US qt, 4.2 Imp qt)

CMX1100D/D2/D3

Sau khi xả 4,0 L (4.2 US qt, 3.5 Imp qt)

Sau khi xả và thay bộ lọc. 4,2 L (4.4 US qt, 3.7 Imp qt)

Sau khi rà máy 5,2 L (5.5 US qt, 4.6 Imp qt)

Dầu phanh khuyến dùng Dầu phanh Honda DOT 4

Dung tích hệ thống làm mát 1,74 L (1.84 US qt, 1.53 Imp qt)

Dung dịch làm mát khuyến dùng	Ngoại trừ loại KO, U	DUNG DỊCH LÀM MÁT PRE-MIX HONDA
	Loại KO, U	Dung dịch làm mát Pro Honda HP

Dầu bôi trơn xích tải khuyến dùng	Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O. Nếu không có, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.	
Độ chùng xích tải	15 - 25 mm (0.6 - 1.0 in)	
Xích tải tiêu chuẩn	RK BP525MRO	
	Số lượng mắt xích	114
	Nhông dẫn động	16T
Kích cỡ nhông tiêu chuẩn	Nhông bị động	
		42T

■ Bóng đèn

Đèn pha	LED
Đèn phanh/Đèn hậu	LED
Ngoại trừ loại IN	
Đèn báo rẽ trước/Đèn vị trí	LED
Loại IN	
Đèn báo rẽ trước	
Đèn báo rẽ sau	LED
Đèn soi biển số	LED

■ Cầu chì

Cầu chì chính	30 A
Cầu chì khác	30 A, 20 A, 15 A, 10 A, 7.5 A

A	
ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) ..	12

B	
Bảng đồng hồ thông tin	24
Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác	186
Bảo dưỡng	

An toàn bảo dưỡng	125
Lịch bảo dưỡng	126
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	131
Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	125

Bảo quản xe	197
Bình điện	133, 144
Bộ chuyển đổi chất xúc tác	202
Bộ dụng cụ sửa chữa	177

C	
Các công tắc	84
Các đèn báo	82
Các đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy	170
Cải tạo xe	16

Cần phanh đỗ xe	93
Cảnh báo khi lái xe	11
Cầu chì	135, 181
Chân chống nghiêng	157
CHẾ ĐỘ AT	105, 108
Chế độ D	105
CHẾ ĐỘ MT	105, 108, 109
Chìa khóa	185
Côn/Ly hợp	
Cảnh báo nguy hiểm	86
Công tắc	
Công tắc chọn	87
Công tắc kích hoạt chế độ cruise control ..	86
Công tắc MODE	87
Đèn báo rẽ	87
Đèn chiếu xa/chiếu gần	87
Điều chỉnh	161
Hành trình tự do	160
Xin vượt	87
Công tắc báo rẽ	87
Công tắc cảnh báo nguy hiểm	86
Công tắc đèn chiếu xa/chiếu gần	87
Công tắc đèn phanh	156

Công tắc đèn xin vượt.....	87
Công tắc lên số	87
Công tắc N-D	86
Công tắc tay lái bên phải.....	86
Công tắc về số.....	87

D

Dầu

Động cơ	136, 149
Dung dịch làm mát.....	151
Dừng động cơ	186
Dựng xe.....	13
Đệm đỡ xích tải	159
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	82, 172
Đèn báo áp suất dầu thấp	170
Đèn báo chế độ chiếu xa	32
Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo	83
Đèn báo HISS.....	83
Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL).....	82, 171
Đèn báo phanh đỗ xe.....	32
Đèn báo rẽ.....	82

Đèn báo số N.....	82
Đèn báo TẮT hệ thống kiểm soát lực kéo ..	83
Đèn báo vị trí số.....	31, 33
Điều khiển hành trình.....	110
Đồ xăng	117

Động cơ

Dầu động cơ	136, 149
Dừng động cơ	186
Công tắc ngắt động cơ.....	86, 186
Khởi động động cơ	100
Không khởi động.....	168
Quá nhiệt động cơ	169
Động cơ bị ngập xăng	101
Đồng hồ đo hành trình	186
Đồng hồ đo quãng đường	186
Đồng hồ đo tốc độ động cơ	26
Đồng hồ đo tốc độ.....	26

G

Giảm xóc sau	166
Giới hạn trọng tải	17

H**Hệ thống ngắt máy**

Chân chống nghiêng 157

Hệ thống tắt máy bằng chân chống nghiêng..... 157**Hộp đựng đồ**

Bộ dụng cụ 121

Dụng cụ 121

Hộp đựng đồ hông xe 123**Hướng dẫn về an toàn 3****Hướng dẫn về trọng tải..... 17****K****Kẹp..... 146****Khả năng chờ tối đa..... 17, 204****Khóa cổ lái 88****Khóa điện 85, 186****Khởi động động cơ 100****Khuyến dùng**

Dầu động cơ 136

Dung dịch làm mát 138

Xăng..... 117

L**Lốp xe**

Áp suất lốp..... 140

Thay lốp..... 140, 177

Thủng lốp..... 177

M**Móc giữ mũ bảo hiểm..... 122****Môi trường..... 199****Mức D..... 96****Mức EB 96****Mức P 96****Mức T 96****N****Ngăn đựng tài liệu 121****Nhãn hình ảnh 6****Những cảnh báo về an toàn..... 10****Nút**

Còi 87

Nút khởi động 86, 100, 102

O		T	
Ốp sườn.....	148	Tay ga	163
P		Tháo	
Phanh		Bình điện	144
Dầu phanh	137, 153	Kẹp.....	146
Điều chỉnh tay phanh	164	Ốp sườn.....	148
Mòn má phanh.....	154	Yên xe	147
Phanh đỗ xe.....	93	Thiết bị	
Phanh đỗ xe.....	93	Bộ dụng cụ	121
Phụ kiện	16	Thông báo	
		Bảo dưỡng	80
Q		Cảnh báo.....	81
Quá nhiệt.....	169	Thông số kỹ thuật.....	204
		Tìm kiếm hư hỏng	167
R		Tín hiệu dừng khẩn cấp	115
Rửa xe	194	Trang phục bảo hộ	10
		Trục trục về điện.....	180
S		V	
Sang số	104	Vận chuyển xe	198
Số khung, số máy	200	Vị trí các bộ phận.....	18
Sự cố	4		

X

Xăng

Dung tích bình xăng 117, 205

Đồng hồ báo xăng 26

Xăng khuyến dùng 117, 205

Xăng **117**

Xích tải **137, 158**

Y

Yên xe **147**

Chỉ dành cho Thái Lan

NHÃN CẢNH BÁO MŨ BẢO HIỂM

⚠ คำเตือน

อาจถึงตายหรือพิการ หากไม่สวม
หมวกนิรภัย และไม่ควรให้เด็ก
ที่เตี้ยยังไม่ถึงที่วางเท้าโดยสาร

Sách hướng dẫn sử dụng trực tuyến

<https://www.honda.com.vn/xe-may/dich-vu-sau-ban-hang/huong-dan-su-dung-xe>



4FMLA620
00X4F-MLA-6200